

**HÀNH TRÌNH TỚI CÁC CÕI
BÊN KIA CÁI CHẾT
DELOG DAWA DROLMA**

*(Nguyên tác: DELOG: Journey to Realms Beyond Death
Delog Dawa Drolma) – Xuất bản năm 1995*

*Richard Barron dịch sang Anh ngữ từ tiếng Tây Tạng
dưới sự hướng dẫn của Đức Tôn Quý Chagdud Tulku Rinpoche
Bản dịch Việt ngữ của Liên Hoa*

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 16-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

DẪN NHẬP

1-NÚI HUY HOÀNG MÀU ĐỒNG-ĐỎ CÕI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC

PADMASAMBHAVA

2-NHỮNG QUÁN CHIẾU TRONG TÁM GƯƠNG PHA LÊ

3- NÚI POTALA CÕI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC AVALOKITESHVARA

4- YULOKOD CÕI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC TARA

5- CẦU THANG ĐƯA TỚI GIẢI THOÁT

---o0o---

DẪN NHẬP

Khi còn là một đứa bé ở Tây Tạng, thỉnh thoảng tôi tìm thấy mẹ tôi, Delog Dawa Drolma, được vây quanh bởi những thính giả đang lắng nghe hết sức chăm chú khi bà nói về những cuộc du hành của mình tới các cõi giới khác. Khuôn mặt bà sáng ngời khi đề cập tới các bổn tôn trong các cõi thanh tịnh; những giọt nước mắt tuôn rơi khi bà tả lại những khốn khổ của chúng sinh trong địa ngục và các nạ quỷ (preta), hay các sinh linh đau khổ. Bà nói về sự gặp gỡ những thân quyến đã chết của những người nào đó, và bà tiếp âm từ người chết tới người sống những mối bận tâm về những công việc không ngừng dứt (có thể là những đồng tiền hay châu báu được chôn dấu mà không thể xác định vị trí) hoặc những van nài khẩn thiết xin được cầu nguyện hoặc cử hành các buổi lễ. Bà cũng đem về lời dạy tâm linh của những đạo sư

(lama) cao cấp đã ra đi từ thế giới này và các đạo sư ở bờ bên đây của cái chết đã đáp lại nó bằng sự cung kính sâu xa.

Mẹ tôi được tôn kính trên khắp đất nước Tây Tạng bởi các năng lực siêu phàm như một đạo sư, nhưng bà nổi tiếng hơn vì là một delog (phiên âm theo Anh ngữ là DAY-loak), người đã vượt qua ngưỡng cửa của sự chết và trở về kể lại chuyện đó. Điều bà thuật lại không phải là một kinh nghiệm cận tử hão huyền hay nhất thời. Suốt năm ngày, bà nằm lạnh ngắt, ngưng thở và không có bất kỳ dấu hiệu nào của sự sống, trong khi tâm thức bà di chuyển tự do tới các cõi giới khác, luôn luôn được vị thiên nữ trí huệ Tara Trắng hộ tống. Bà thực hiện cuộc du hành của mình như một delog phù hợp với các giáo huấn đã nhận từ Đức Tara trong các linh kiến, nhưng đi nghịch lại ước muốn của các đạo sư của bà, các ngài nài xin bà đừng làm một việc mạo hiểm như thế.

Đặc biệt là bà, một thiếu nữ mười sáu tuổi, có nhiều xác quyết trong sự thiên định khiến bà trôi vượt hơn các vị đạo sư hết sức uyên thâm và lớn tuổi hơn bà. Tuy thế, bản thân bà được công nhận là một hóa thân của Đức Tara Trắng, một năng lực mạnh mẽ của tâm giác ngộ vì sự trường thọ và giải thoát của chúng sinh. Suốt thời thơ ấu, Dawa Drolma đã biểu lộ một lòng bi mẫn sâu xa. Không có người hành khất nào tới lều của chúng tôi mà phải ra đi không có quà tặng trên tay – gia đình tôi phải cắt đứt những món quý giá kéo bà đem cho mất.

Căn lều bằng nỉ đen của gia đình chúng tôi có thể chứa bốn trăm người trong suốt những buổi lễ lớn. Dawa Drolma được tôn kính khi được mời ngồi trên một cái ngai cùng với các lạt ma cao cấp khác, gồm cả bốn người chú của bà là những vị nổi tiếng khắp miền đông Tây Tạng. Bản thân bà là người cầu toàn trong việc cử hành nghi lễ. Vài năm trước tôi đã gặp một nhà sư, ông nhớ lại sự giận dữ của bà khi ông thổi quá tẹt chiếc kangling (kèn lễ) của mình. Sự hiện diện của bà đem lại sự cẩn trọng trong từng bước nỗ lực thực hành lẫn sự nhận ra rằng bản tánh nền tảng của những bước này là giác tánh không cần dụng công.

Những giấc mơ và linh kiến của bà là những khám phá của sự chứng ngộ và chúng giúp cho kinh nghiệp delog của bà được rõ ràng đáng tin cậy trong các giáo huấn. Những e ngại của các đạo sư khản nài bà đừng thực hiện một cuộc du hành như thế, nhưng đúng ra là ăn chay, dùng thuốc và cử hành các buổi lễ không phải là không có căn cứ. Tuy nhiên – sau khi bà mất và đi tới cõi thuần tịnh của Đức Padmasambhava, bà gặp người chú quá cố của bà là

đạo sư tôn kính Khakyod Wangpo, Ngài cảnh báo là bà sẽ gặp nguy hiểm khi ở lại và bảo bà nên trở về cõi người để làm lợi ích chúng sinh.

Sau này, khi bà du hành qua bardo, hay trạng thái trung gian giữa các chết và sự tái sinh, và tới các cõi địa ngục và ngạ quỷ, một hóa thân của nữ bản tôn Vajravarahi tỏ vẻ nghi ngờ việc Dawa Drolma có thể đem lại nhiều lợi lạc. “Con gái của ta, có thể con cản trở về cõi người. Nhưng... khi đã tái sinh làm một phụ nữ, con sẽ có chút uy quyền... Sẽ khó làm cho chúng sinh trong thời đại suy hoại này tin rằng những tường thuật của con là chân thực”.

Đức Tara Trắng không đồng ý với tuyên bố này, Ngài nói: “Cô ta là một nữ anh hùng với tâm hồn dũng cảm” và nói thêm rằng bà đừng nên nghe lời những ai cố gắng gây trở ngại cho bà. “Nếu cô ta trở về thế giới con người, cô ấy có thể nói rõ những chọn lựa đạo đức trong việc chấp nhận những thiện hạnh và từ bỏ các ác hạnh. Cô ấy có thể xoay chuyển tâm thức của chúng sinh hữu tình”.

Quả thực, kinh nghiệm trực tiếp về những cõi khác đã khiến cho mẹ tôi có một quyền lực âm linh vĩ đại khi bà giảng về hành vi đúng đắn và nhân quả nghiệp báo. Không ai nghi ngờ điều bà nói, không chỉ vì những đại đạo sư như Tromge Trungpa đã chứng kiến tử thi của bà trở lại cuộc đời, mà cũng bởi bà đã biết chỗ cất dấu những đồng tiền và những hành động của người đã khuất trước khi họ chết – là những sự việc mà bà không thể biết nếu không được trực tiếp cho biết bởi những người bà gặp khi là một delog. Sau này trong đời bà, một trong những người cộng tác nhiệt thành nhất của những công trình của bà là một thương gia Tây Tạng, ông ta từng là một phi hành giả cứng đầu trong vùng cho tới khi mẹ tôi gọi tới ông thông tin về số tiền chôn dấu của người chị quá cố của ông.

Ở đây, tường thuật của Dewa Drolma thì sống động như tường thuật của một du khách miêu tả một đất nước mà người ấy đã viếng thăm, tuy thế tường thuật của bà thực sự là một hành trình của tâm thức xuyên qua những sự phô diễn thanh tịnh và bất tịnh của tâm. Nó bắt đầu khi như Đức Tara chỉ dạy, “Tôi để tâm tôi an trụ trong một tâm thái khoáng đạt và cực kỳ hỉ lạc, tôi kinh nghiệm một trạng thái hoàn toàn trong sáng... Tôi hoàn toàn tỉnh giác về trạng thái nền tảng của tâm tôi trong mọi tính chất thông thường của nó. Bởi giác tánh đó không bị ngăn che, tôi như thể nghe được tất cả những âm thanh và tiếng nói trong mọi xứ sở, chứ không chỉ ở vùng lân cận”.

Khi sự tham luyến, sân hận và si mê thông thường của sự nhị nguyên đối tượng chủ thể hoàn toàn biến mất, ta kinh nghiệm giác tánh không bị tạo tác, trần trụi - tuyệt đối, không hai, siêu vượt ý niệm, tánh Không tràn đầy mọi phẩm tính thuần tịnh và năng lực để hiển lộ như hình tướng bất khả phân với tánh Không. Đây là Phật tánh, bị ngăn che và không được nhận ra trong tâm chúng sinh, nhưng hoàn toàn được hiển lộ nơi những bậc giác ngộ.

Để làm lợi ích chúng sinh, các bậc giác ngộ hóa hiện một cách tự nhiên các cõi của sự xuất hiện thuần tịnh, chẳng hạn như Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ của Đức Padmasambhava, Núi Potala (Phổ Đà) của Đức Avalokiteshvara và Yulokod của Đức Tara. Những hành giả đã tịnh hóa dòng tâm thức và những người đã tích tập công đức rộng lớn qua thiện hạnh của họ có thể kinh nghiệm các cõi thuần tịnh trong các linh kiến, trong các giấc mơ hoặc như mẹ tôi đã làm, như một delog. Tường thuật của bà hết sức đặc biệt trong khoa địa lý vũ trụ của nó và đầy đủ chi tiết trong sự diễn tả, tuy thế chắc chắn là những cõi giới mà bà thăm viếng là sự phô diễn tròn đầy của bản tánh tâm, được kinh nghiệm khi sự thiên định xuyên thủng những giới hạn của tri giác bình phàm.

Các cõi thuần tịnh là sự phô diễn của tâm, nhưng vì thế nó cũng là trạng thái bardo và sáu nơi đến của sự tái sinh. Sự khác biệt nằm ở chỗ các cõi thuần tịnh là sự phô diễn của giác tánh, trong khi sáu cõi và bardo là sự phô diễn của mê lầm và sự phóng chiếu của những độc chất của tâm. Cõi địa ngục là một phóng chiếu của sự thù ghét, sân hận và ác hạnh sát sinh; cõi ngạ quỷ, là một phóng chiếu của sự tham lam và thèm muốn; cõi súc sinh là một phóng chiếu của sự ngu si; cõi bán thân là phóng chiếu của đức hạnh bị ô nhiễm bởi sự ganh tị; cõi trời là một phóng chiếu của đức hạnh bị hư hỏng bởi sự kiêu ngạo; cõi người là một phóng chiếu của một sự hòa trộn tất cả năm độc kết hợp với đức hạnh tối thiểu để ngăn chặn việc tái sinh nơi các cõi thấp. Sự tái sinh làm người may mắn được đặt nền trên một số lượng đức hạnh rộng lớn và giúp cho ta thực hành một con đường tâm linh. Mẹ tôi thường nói: “Cho dù cuộc sống làm người của con có khó khăn tới đâu, nhưng những khó khăn ở đây không thể so sánh với những khốn khổ trong các cõi thấp”.

Loài người và súc sinh cùng sống trong thế giới này và cùng có khuynh hướng nhìn mọi sự như cái gì hết sức vững chắc, thật có. Khi cái chết chia cách tâm và thân, và lột trần sự kiên cố tương đối của sắc tướng, tâm thức trần trụi đi vào trạng thái bardo sau – cái chết. Nếu không sớm đạt được giải thoát suốt trong sự phô diễn thuần tịnh của cái gọi là bardo chân tánh của thực tại, thì tâm thức của ta bị đẩy vào bardo trở thành, sau giai đoạn này nó

sẽ tái sinh ở một trong sáu cõi của sự kinh nghiệm phù hợp với nghiệp của ta.

Như thể trong một giấc mơ hay ảo giác, chúng sinh trôi lênh bênh trong và ngoài tri giác của Dawa Drolma như những bông tuyết. Trong chốc lát bà gặp gỡ một người quen đang chịu đựng những đau khổ ghê gớm nhất của địa ngục hay ngã quý trải qua những thống khổ của sự mất mát cực độ; giây lát kế tiếp bà gặp một người đức hạnh trên đường đi tới một cõi thuần tịnh hay một chúng sinh trong cõi trời. Thỉnh thoảng, bà thấy toàn bộ đoàn người trong địa ngục hay chúng sinh trong bardo đi tới các cõi thuần tịnh, được dẫn dắt bởi một đạo sư hay hành giả vĩ đại là những người bằng năng lực của những ước nguyện vị tha của mình đã tới cứu giúp chúng sinh. Điều này thực sự có ý nghĩa khi ta cầu nguyện “xin hãy lưới vét tận đáy sâu của vòng luân hồi sinh tử và giải thoát chúng sinh”.

Dawa Drolma đối mặt với Yama Dharmaraja, Thần Chết và cùng với Đức Tara, bà đã tán thán ông ta bằng một bài ca chứng ngộ:

Nếu nhận ra được, thì chính là đây - bản tâm của ta;

Nếu không nhận ra, đó là Thần Chết phần nộ vĩ đại.

Thực ra, đây chính là Đấng Chiến Thắng, Pháp Thân Phổ Hiền (Samantabhadra):

Chúng con đánh lễ và tán thán dưới chân Dharmaraja.

Mặc dầu sự thật là, trong ý nghĩa tuyệt đối thì các cõi luân hồi sinh tử có bản tánh trống không, chỉ là những phóng chiếu của những mê lầm của tâm thức, nhưng trên bình diện tương đối, nỗi khổ mà chúng sinh phải chịu đựng thì không thể phủ nhận được. Khi Dharmaraja cùng các thuộc hạ của ông liên tục đưa ra nhiều bằng chứng thì không có sự nói dối hay giả đò nào làm giảm bớt được nghiệp quả của ta. Cuộc đời của ta trôi qua trước mắt với từng hành vi tốt và xấu được vạch rõ; những nghiệp quả phát sinh một cách tương ứng. Những mô tả ớn lạnh của Dawa Drolma về những hậu quả khủng khiếp của việc sát sinh và hãm hại người khác cảnh báo thật rõ ràng để ta tránh làm những hành động như thế. Mặt khác, những mô tả quyến rũ của bà về những cõi thuần tịnh gây hứng khởi cho ta để thực hành thiền định bổn tôn và để chứng ngộ bản tánh thuần tịnh của những phẩm tính của tâm.

Sau cái chết, ngay cả khi năng lực của nghiệp quả xô đẩy tâm thức ta tái sanh trong vòng luân hồi, nhưng nếu ta đã từng thực hành đủ tốt đẹp trước đó để có sự tỉnh giác trong việc khẩn cầu bổn tôn thiên định của ta với đức tin, thì ta tức thời tái sinh trong cõi thuần tịnh của vị bổn tôn đó.

Sau kinh nghiệm delog của mình, Dewa Drolma làm một cuộc hành hương tới Lhasa, ở đó với phối ngẫu của bà là một lạt ma cao cấp, bà mang thai tôi. Bà sống với ông bà tôi cho tới khi tôi lên bốn, sau đó di chuyển tới Tanp'hel Gonpa, một tu viện xa khoảng một tuần trên lưng ngựa. Một ngôi nhà với quang cảnh đẹp đã được xây cao trên sườn núi và bà sống ở đó, được kính trọng như một đạo sư và một dakini, một hiện thân nữ của trí tuệ và hoạt động giác ngộ. Sau đó, bà sanh em gái tôi, T'hrinlay Wangmo, một đứa trẻ phi thường mà cuối cùng được công nhận là hóa thân của một yogini trí tuệ. Em tôi và tôi, cả hai đều hoang dã và ngang ngạnh, và đôi khi tôi vẫn còn cảm thấy hối tiếc về những rắc rối mà tôi đã gây nên cho mẹ tôi. Bà không kèm chế việc sử dụng kỷ luật nghiêm khắc với tôi, nhưng bà cũng quả quyết rằng nếu tôi thực hành Pháp mạnh mẽ và với động cơ thanh tịnh thì tôi sẽ đem lại lợi lạc cho chúng sinh. Những lời khuyên dạy của bà gia hộ sâu xa cho con đường của tôi.

Bà mất năm 1941, không lâu sau khi sanh một bé trai, nó cũng chết hai năm sau. Khi mất, mẹ tôi khoảng giữa tuổi ba mươi, còn tôi thì mười một. Xác bà vẫn ở tư thế thiên định trong vài ngày, sau đó gục xuống, cho thấy tâm thức đã thoát đi. Bà được hỏa táng trên mái nhà bà. Các cầu vòng xuất hiện và năm con kên kên, mà trong Phật Giáo Kim Cương thừa là những con vật tượng trưng cho nhân kiến siêu việt rằng bà đã trở về những cõi thuần tịnh, nhưng tôi cũng không nghi ngờ là bà cũng đã trở lại các cõi địa ngục và ngạ quỷ để cứu thoát bất kỳ ai có liên hệ với bà. Với lòng bi mẫn, bà tuyệt đối không sợ hãi.

Tôi rời Tây Tạng năm 1959, ngay trước cuộc củng cố xâm lược tàn bạo của Trung Quốc. Năm 1982, sau gần ba thập kỷ không có tin tức của gia đình, bất ngờ tôi nhận được một lá thư ngắn của người em gái, trong đó kể rằng cô có một bản sao duy nhất tường thuật delog của mẹ tôi. Điều này giống như một cái móc từ Tây Tạng thả xuống California, tuy thế tôi không thể chụp được nó mãi cho tới năm năm sau khi lập trường chính trị của Trung Quốc đã có phần mềm dẻo hơn. Sau cùng khi tôi về thăm T'hrinlay Wangmo, cô bảo tôi rằng bản văn đã từng bị tịch thu nhưng cô biết được ai lưu giữ nó. Trong những năm tháng khủng khiếp của cuộc Cách Mạng Văn Hóa, khi những kinh điển bị người Trung Quốc dùng làm giấy vệ sinh, cô chẳng thể

làm được gì, nhưng ngay khi cảm thấy an toàn, cô đã biếu một số tiền rất lớn để có được bản tường thuật. Chỉ có vài trang bị mất.

Tôi không muốn giữ bản gốc của em tôi, nhưng người Trung Quốc ở Szechuan thủ phủ của Chengdu không cho phép tôi sao chụp nó. Hiểu rằng tôi phải lên đưa nó ra ngoài, tôi có đem sách Tây Tạng từ Hoa Kỳ về và đã liệt kê chúng trong tờ khai quan thuế. Tôi ghi thêm bản tường thuật delog vào danh mục sách của tôi không bị phiền nhiễu khi quá cảnh ở phi trường. Vài năm sau, tôi trở về Tây Tạng để cho em gái tôi một bản sao. Tôi vẫn còn giữ bản gốc, giờ đây nó đã hơn sáu mươi tuổi, được một người sao chép ghi lại bằng chữ viết tay thật đẹp khi Dawa Drolma thuật lại tiểu sử của bà.

Có những tường thuật delog khác – một trong số đó là tường thuật khá nổi tiếng của nữ hành giả Delog Ling Zha Chhodron. Thư viện tác phẩm và văn khố Tây Tạng ở Dharamsala có ít nhất là một tá cuốn. Các delog thì thường là phụ nữ; một số xuất hiện như những cư sĩ bình thường, nhưng chính kinh nghiệm là một dấu hiệu của sự chứng ngộ thiền định vĩ đại, vì thế thực ra các ngài không thể là những người bình thường. Những tường thuật của các ngài làm tăng thêm lòng tin của mọi người nơi giáo lý của các đạo sư về các cõi hiện hữu vô hình.

Tôi không rõ có những tường thuật nào khác từng được dịch ra các ngôn ngữ Tây phương không. Tôi thật may mắn có mối liên hệ với dịch giả tuyệt hảo Richard Barron (Chokyi Nyima) và chủ bút rất có năng lực Mary Racine, họ đã cho ra đời bản dịch Anh ngữ tường thuật của Dawa Drolma. Richard Barron chịu trách nhiệm về các chú thích cuối mỗi chương. Mặc dù các chương được viết với ba cõi thuần tịnh ở phần đầu rồi tới cõi bất tịnh nằm trong chương thứ tư, nhưng nội dung của bản văn dường như chỉ ra rằng cuộc du hành không được biểu lộ ra theo thứ tự khi xuất bản ở đây: Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ, các cõi bất tịnh, núi Potal và yulokod. Chương cuối cùng, được con trai tôi là Jigme Tromge Rinpoche đem từ miền đông Tây Tạng tới Hoa Kỳ năm 1994, là một tóm lược mà chính yếu là những kinh nghiệm của Dawa Drolma trong các cõi bất tịnh. Để bản Anh ngữ dễ đọc, hơn là một bản dịch sát nghĩa và chính xác, bản văn là một dịch phẩm bằng văn xuôi có phần uyển chuyển của nguyên bản Tây Tạng được viết bằng thể thơ. Sự phiên âm ngữ âm học của cấu trúc ngôn ngữ Tây Tạng được dựa trên một hệ thống mà nhà xuất bản Padma sử dụng.

Kinh nghiệm delog thì phi thường, kỳ diệu, ngay cả trong phạm vi bí truyền của các phái Kim Cương thừa của Phật Giáo Tây Tạng. Tuy thế, tường thuật

của Delog Dawa Drolma có năng lực và sự gần gũi của kinh nghiệm trực tiếp và tôi tin rằng những ai đọc nó sẽ nhận ra rằng các hiện tượng của các cõi giới thì tương ứng với những khía cạnh kinh nghiệm của bốn tâm họ. Cầu mong những nhắn ngữ của bà truyền cảm hứng cho sự thành tựu tâm linh tối cao; cầu mong những nhắn nhủ ấy đưa dẫn bất kỳ ai đọc chúng tới những tịnh thổ của các Đấng Chiến Thắng.

CHAGDUD TULKU

---o0o---

1-NÚI HUY HOÀNG MÀU ĐỒNG-ĐỎ CỐI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC PADMASAMBHAVA

Con đường mà tôi đề cập tới là một lối đi hẹp, khó khăn và đóng kín.

Vì thế những ai khao khát giải thoát có thể đi vào con đường dẫn tới giải thoát đó.

Tôi sẽ rộng mở chút ít trên vòng hoa lời dạy chữa lành này liên quan tới động lực cao cả hơn¹.

Những tường thuật được kể lại ở đây liên quan tới tôi, Dawa Drolma, con gái của Jigmed T'hrogyal thuộc bộ tộc Tromge, một đạo sư sống trong vùng Washul T'hron. Từ khi còn là một đức trẻ, tôi được phú bẩm một bản tánh bi mẫn, đức tin không định kiến và thị kiến thanh tịnh. Tình thương của tôi thật mãnh liệt đối với mọi hành khát và những người kém may mắn hơn tôi và tôi hiến thân mình để cúng dường và bố thí.

Tôi thực hiện nhiều cuộc nhập thất trì tụng mãnh liệt, đã hoàn tất chẳng hạn như hàng trăm ngàn lần Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng². Sau này tôi được cảm hứng bởi Dakini Dorje Yudron³ và những bản tôn khác của giác tánh nguyên sơ, cũng như bởi một Bồ Tát (bodhisattva) đệ bát địa⁴, Ngài mang thân tướng của một vị trời địa phương, đại nyen siêu phàm ở phương bắc⁵. Mặc dù các Ngài không hoàn toàn thuật lại quá khứ, hiện tại và tương lai cho tôi nghe, dù sao thì tôi cũng đã nhận một số lượng phi thường những tiên tri liên quan tới thời đại của chúng ta.

Có một dịp, ba vị tulku⁶, cũng như ngài Jatrul⁷ và những vị khác du hành xuống thung lũng để tham dự một nghi lễ trọng thể, một sự kiện hàng năm được tổ chức trong một cái lều lớn bằng nỉ. Vào buổi chiều tối, trước khi các ngài giải tán, tôi có một linh kiến mà nửa là một kinh nghiệm thiền định, nửa là một giấc mộng. Trong linh kiến này, ba yêu ma có tên là “các chị em gãy bể samaya”⁸ từ hướng cao nguyên Lashar tới, lấy cấp sinh lực của chúng sinh trên ba mức độ thuộc sự hiện hữu có điều kiện⁹. Bà Chị chính cầm một lá cờ bằng lụa đen và một sợi thòng lọng; mặc dù nhiều lần bà ta cố cột chúng vào eo lưng tôi, nhưng vị bản tôn nghiệp của tôi là Đức Tara tôn quý đã xuất hiện trong một biểu lộ trẻ trung, thân màu trắng chói lọi và đặt tôi trong một chiếc lều được bảo vệ chặt chẽ khiến sợi thòng lọng không thể đụng tới tôi được¹⁰.

Sau này, tôi có một thị kiến về người nào đó lại gần và đánh vào xương vai tôi bằng một cuộn len màu có kích thước cỡ một hòn đá nhỏ, sau đó biến mất. Đây là một kinh nghiệm hết sức xấu, nhưng một lần nữa, Đức Tara lại can thiệp và nói: “Bởi sự việc này, ta phải đi Ấn Độ để lấy một ít thuốc kanadava từ kho tàng bí mật của các dakini ở Orgyan¹¹. Ta sẽ không trở về trong bốn ngày. Trong thời gian này, con nên mặc y phục của người nào đó như anh Palchhen của con mà thân anh ta được các vị trời bảo vệ che chở và hãy giữ gìn đừng để tâm con lang thang vô vẩn. Vào tối thứ tư, hãy dâng cúng tám mươi torma để giải trừ các chướng ngại¹². Sau đó, như một dấu hiệu là ta đã lấy được thuốc, ta sẽ đến như mặt trời chói lọi, không bị mây che hay một cơn gió hung tợn vây bủa”.

Trong bốn ngày này, tôi đau đớn ghê gớm; cơn đau dữ dội đến nỗi tôi không thể buộc khăn quanh người. Vào tối ngày thứ tư, vị đạo sư hóa thân Tromge Trungpa cử hành một nghi lễ cúng dường tám mươi torma, và ba chị em cắt đứt sinh lực hài lòng với các vật cúng dường, đã quay về trụ xứ riêng của họ. Một mùi hương dễ chịu ngập đầy căn lều bằng nỉ, từ đỉnh lều tới đáy, cho thấy là thuốc đã về tới. Tôi đã có thể thưởng thức một chất dị thường có hương vị rất tuyệt vời, và ngay lập tức, cơn đau của tôi tan biến. Tôi thực sự kinh nghiệm sự kiện kỳ diệu này, là điều mà bất kỳ ai cũng có thể tự mình chứng thực.

Một lúc khác, bất ngờ tôi bị đánh gục như thể giò chết của tôi chắc chắn đã tới. Đạo sư gốc quý báu¹³ và chỗ nương tựa duy nhất của tôi, bậc quyền uy từ bi là kho tàng của lòng bi mẫn, đã cử hành một buổi lễ tràn đầy oai lực để triệu hồi sinh lực trường thọ của tôi. Các vị đạo sư của dòng Sakya¹⁴ lừng lẫy cử hành những sự cầu nguyện, những nghi lễ ban sự che chở, lễ quy y

của Đức Hevajra vinh quang¹⁵ và những buổi lễ khác. Sau cùng, những cơn đau mạnh mẽ suy giảm và những cơn đau vi tế hơn nguôi dịu thành một kinh nghiệm về đại lạc tánh Không.

Sau đó, ngài Khakyod Wangpo, đứng thống lĩnh của một trăm bộ Phật, kho tàng vô song và duy nhất của lòng bi mẫn, Đức Vajrasattva¹⁶ toàn thiện vĩ đại trong thực tế, đã dẫn dắt tôi trong một linh kiến với sắc tướng huyền mộng của giác tánh nguyên sơ của Ngài. Như một người nói chuyện với người khác, tôi đã trò chuyện cùng các dakini của giác tánh nguyên sơ không có thân thể vật lý và đáp lại những câu hỏi của tôi, họ cho tôi những câu trả lời rõ ràng, khiến cho những chướng ngại đối với thọ mạng của cô gái¹⁷ này được giải trừ và tôi đã có thể làm lợi cho chúng sinh theo khả năng của riêng tôi. Tôi đã được tiên tri rằng tôi phải thực hiện các cuộc nhập thất trì tụng về ba vị bản tôn – Amitayus, Samyak và Vajrakilaya – để viếng thăm nhiều cõi thuần tịnh Hóa thân¹⁸.

Đức Tromge Kundun Rinpoche đã cử hành các lễ quán đảnh về ba bản tôn này từ các giáo lý của đại terton Laykyi Dorje¹⁹. Những cách nhìn quen thuộc của tôi về các sự việc được nhẹ nhàng quét sạch và tôi được đưa dẫn trực tiếp vào bản tánh tinh túy vô điều kiện của giác tánh nội tại, không chút lấm lạc. Tôi đón nhập vào giác tánh nội tại trong toàn bộ sự trần trụi của nó, rồi thì những ngôn từ kim cương bí mật tuôn ra không ngưng nghỉ²⁰. Thiên nữ tôn kính, Đức Tara Trắng cao quý, ban cho tôi một linh kiến và nhiều kinh nghiệm thiền định của sự hợp nhất không thể nghĩ bàn của đại lạc và tánh Không đã lộ rạng trong dòng tâm thức tôi.

Đó là năm đầu tiên của chu kỳ sáu mươi năm cũ, năm Mộc Tý²¹. Trong tuần trăng khuyết tháng tám, vào ngày hai mươi ba âm lịch xảy ra một sự kiện quan trọng kỷ niệm sự tụ hội của các dakini, một thời gian tốt lành cho sự truyền bá được cách-tâm giáo lý quý báu của con đường mật chú²². Vào ngày này, chúng tôi lại thăm Chhogtrul Rinpoche. Cô gái này nằng nặc hỏi Ngài về những giấc mơ và kinh nghiệm thiền định trong đời trước của cô, cũng như những kinh nghiệm gần đây và mới vừa xảy ra. Ngài có vẻ hân hoan đến độ đáng kinh ngạc và hết sức hài lòng bởi những tường thuật này.

Tôi nói với Ngài: “Theo một tiên tri mà Đức Tara Trắng nói về cô gái này, con sẽ trải qua khoảng sáu hay bảy ngày trong một trạng thái kiên cố thiền định sâu xa, như thể ở trong một sự hôn mê hay một trạng thái giống như chết”.

Trên thực tế, Chohogtrul Rinpoche và Tromge Trungpa đều bảo tôi: “Tuyệt đối không cần tới loại độn đại này. Sau khi trải qua tối đa một ngày trong nghi lễ chay nyungnay, con cảm thấy đói và khát²³. Không tốt hơn sao khi ở trong một lều thiền định tĩnh lặng tự nhiên, không suy nghĩ nhiều, nghỉ ngơi thoải mái trong những điểm trọng yếu của các giai đoạn phát triển và thành tựu²⁴ và hoàn tất một ít sự trì tụng thần chú?”

“Nhưng”, tôi trả lời “an trụ bảy ngày trong một tình trạng như thế là một điều lợi lạc và rất cần thiết cho việc chữa trị bệnh tật của con”. Tôi cứ quấy rầy các ngài mỗi khi hỏi:

“Con có nên ở trong phòng khóa cửa, không dùng chút thực phẩm và nước uống nào không?”

Tromge Kundun Rinpoche nói: “Hoàn toàn không nên làm gì cả! nếu muốn bớt bệnh, con nên cử hành những nghi thức và lễ trường thọ rộng lớn và hãy nhận những lễ quán đảnh Vajrakilaya cùng nghi lễ tắm gội của bốn tôn Bhurkakuta²⁵. Con cũng nên chuộc mạng những con vật sắp bị làm thịt. Nếu con ước muốn hoàn thiện hạnh phúc của chúng sinh, hãy thực hành một nghi thức chẳng hạn như nghi thức dẫn dắt chúng sinh ở sáu cõi²⁶ được tìm thấy trong giáo khóa Sự Giải thoát Tự nhiên của Ý hướng Giác ngộ của các bốn tôn hòa bình và phẫn nộ²⁷ cùng khẩn cầu nguyên lý của lòng bi mẫn siêu việt bằng cách trì tụng thần chú mani²⁸ cùng với những lời cầu nguyện hồi hương và ước nguyện”.

Trước phương cách này và nhiều cách khác mà Ngài buộc tôi phải làm, và mặc dù rất tốt khi tuân theo lời khuyên của Ngài, tôi lặp lại rằng theo ý kiến của tôi thì không có gì để làm ngoài những gì tôi đã mô tả, và tôi quyết định thực hiện phù hợp, không thể trì hoãn thêm nữa.

Vào ngày hai mươi lăm âm lịch, tôi báo cho mọi người xung quanh về tình trạng của tôi. Vào buổi tối, thời điểm của năng lực²⁹, khi các dakini tụ hội, bảy lạt ma và tulku khá đặc biệt (lạt ma toàn trí Tromge Kundun Rinpoche là vị lỗi lạc nhất trong số họ) được nhiều đệ tử và các thị giả tháp tùng. Cô gái này cũng nhập vào đám đông. Khi tôi ở đó, tâm tôi trở nên minh mẫn hơn bao giờ hết và những kinh nghiệm thiền định và các trạng thái chứng ngộ hết sức đặc biệt xuất hiện trong dòng tâm thức của tôi. Trong tâm nghe của Tromge Kundun Rinpoche tôi tụng đọc những bản văn nghi lễ theo thứ tự thích hợp của chúng mà tôi chưa bao giờ học, Những Mệnh lệnh của Bà

Mẹ Phôi ngẫu, cũng như sự dâng cúng tiệc và nghi thức thực hiện³⁰. Tâm tôi cực kỳ hỉ lạc và tôi cảm thấy chưa bao giờ hạnh phúc như đêm ấy.

Sau khi đám đông giải tán, tôi ở lại một lúc trong sự hiện diện của đạo sư quý báu của tôi. Sử dụng nhiều phương tiện cả nhẹ nhàng đến phần nộ, Rinpoche lập đi lập lại: “Con gái ta, ta xin con đừng tiến hành kế hoạch này”. Tuy nhiên, yêu cầu đó không ích lợi gì và vì thế sau cùng Ngài nói” “Bởi con đã quyết định làm thế, hãy giữ những lời này trong tâm và đừng quên chúng. Từ nay trở về sau, đừng ô nhiễm nẻo đường mê muội, bất tịnh và tăm tối như con đã làm trong quá khứ. Hãy an trụ mà không dùng phương tiện hay nỗ lực nào trong bản tánh chân thật của tâm con, đúng như nó xuất hiện và tự nó xuất hiện. Càng nhiều càng tốt trong mức độ có thể, hãy phát triển lòng tin và cái nhìn thanh tịnh về các đạo sư và bản tôn được chọn lựa của con, cũng như lòng từ bi đối với mọi chúng sinh, họ đã từng là những bậc cha và mẹ của con”³¹

Cùng với lời nói đó, Ngài tỏ vẻ cung kính tôi bằng cách đích thân cho tôi một đĩa đầy những khẩu phần đặc biệt của tiệc cúng dường. Ngài ngâm tụng: “Cầu mong con được đặt dưới sự bảo trợ của các đạo sư, Tam Bảo và Đức Orgyan vĩ đại³². Cho tới khi con thành tựu sự Giác ngộ, cầu mong mọi chướng ngại và nghịch duyên được làm yên dịu. Cầu mong ý hướng giác ngộ không bị tạo tác của hai phương diện của Bộ Đề tâm (bodhicitta)³³, bản tánh nền tảng của thực tại được nảy sinh trong dòng tâm thức của con. Cầu mong con được thiên nữ tôn kính, Đức Tara cao quý dẫn dắt trên con đường và nhờ đó hãy thành tựu lợi ích không thể nghĩ bàn cho chúng sinh”.

Khi Ngài nói những lời này, lòng tin của tôi phát triển thật mãnh liệt khiến tôi có cảm tưởng như thể mình bật khóc. Tôi thực hiện ba lễ lạy và quay trở về ẩn thất của mình.

Sau đó tôi nói với Tulku Tromge Trungpa: “Con sẽ như thể thực sự chết trong khoảng năm ngày. Trong thời gian đó không ai trong những nhà sư hay đệ tử được ra vào phòng con hoặc đi lại nhiều ngoài cửa; họ không nên nói luôn miệng hay gây những tiếng động kinh suât, quấy rối. Xin dọn dẹp mọi thực phẩm ở trước mặt con, đừng để lại nhiều hơn bảy hạt lúa mạch³⁴. Để tịnh hóa những khuynh hướng quen thuộc, sự che chướng thai tạng³⁵ và những ô nhiễm của thân thể con, xin rửa sạch con bằng nước nghệ đã được hiến cúng qua thực hành Vijaya³⁶. Vào lúc đó, để cung cấp một điều kiện tốt lành đặc biệt, phải có sự hiện diện của một cô gái tên là Drolma”. (Nhưng cuối cùng mọi việc hóa ra tự nhiên suông sẻ bởi một người đàn bà đức hạnh

có giới nguyện samaya trong sạch tên là Tsult’hrim Drolma đã trở thành bạn đồng hành của tôi)³⁷.

Tôi nói tiếp: “Để xác định rõ ràng con thuộc loại bộ Phật nào và để giải trừ các chướng ngại, xin quán một miếng vải màu xanh da trời quanh đầu con³⁸. Cho tới khi con trở lại cuộc đời, Kuzhab Rinpoche³⁹ sẽ cử hành sự cúng dường bánh cho năm chị ở Lhaman Tsering⁴⁰. Tromge Trungpa sẽ cử hành một trăm tiệc cúng dường của Nữ Hoàng Cực Lạc trong giáo khóa Những Mệnh lệnh của Bà Mẹ Phôi ngẫu. Để giải trừ những chướng ngại cho các linh kiến của con, các đệ tử và thị giả nên trì tụng càng nhiều càng tốt Lời khẩn nguyện Bảy-Dòng, bài cầu nguyện Giải trừ Chướng ngại trên Con Đường và các thần chú vajra guru (Kim Cương Đạo sư) và Tara⁴¹. Để bảo vệ con, hãy cài chốt cửa phòng con bằng một khóa móc và có người mặc đồ xanh dương. Và để ngăn chặn và trấn áp thế lực của loài quỷ khát máu, xin niệm phong miếng vải với sáp ong được đóng dấu bằng dấu triện ngược đầu⁴².

“Bây giờ cần một bộ quần áo sạch để thay đổi, nó không làm bằng da thú vật hay da sống⁴³. Nếu con không chết thực mà quay trở lại cõi đời, con sẽ phải súc miệng; vì thế, con sẽ phải cần tới một cái bình đựng đầy nước mưa sạch hứng từ một trận mưa thuốc của các nhà thấu thị, nó xảy ra nhờ năng lực của những sự ban phước và đại nguyện của Đức Phật Dược Sư Bhaishajyaguru⁴⁴.

“Nếu bất kỳ ai hỏi Dawa Drolma đang làm gì khi hành động như này, thì đừng nói điều gì đặc biệt, tốt hay xấu; chỉ cho biết chắc chắn con không sống cũng không chết. Trong năm ngày, xin hãy mời anh Palchhen của con, anh ấy đang sống với gia đình con và những người bà con dưới thung lũng và nói với anh ấy rằng “Em gái anh đang ở trong một trạng thái không sống cũng không chết. Hãy đích thân tới thăm cô ấy”. Mặc dù đòi hỏi chút ít nhọc nhằn nhưng mọi sự con vừa sắp xếp thì hết sức quan trọng, vì thế xin Ngài tiến hành cho”.

Tulku Tromge Trungpa và các thị giả của Ngài hứa sẽ tôn trọng bức thư hướng dẫn mà tôi đã đưa và trung thành với lời cam kết của họ, và như thế tôi nằm xuống giường để nghỉ ngơi.

Cô gái này nói: “Hãy để tâm mi an trụ trong trạng thái tự nhiên nơi đó nó phát triển một cách nội tại, không bị bất kỳ niệm tưởng lan man nào làm gián đoạn”. Phù hợp với yêu cầu này, tôi để tâm tôi an trụ. Trong một tâm

trạng khoáng đạt và cực kỳ hỉ lạc, tôi kinh nghiệm một trạng thái hoàn toàn trong sáng. Đây không phải là trạng thái tiềm ẩn kunzhi, là sự vắng mặt đơn thuần các niệm tướng lan man⁴⁵. Cũng không phải là việc tôi hoàn toàn mê đắm trong những cảm xúc của lạc, sự trong sáng và sự tỉnh giác vô niệm⁴⁶. Và tôi không đơn thuần rơi vào một cuộc nô đùa vô tận của sự vô minh. Đúng hơn, tôi hoàn toàn tỉnh giác về trạng thái nền tảng của tâm tôi trong mọi tính chất thông thường của nó⁴⁷. Bởi giác tánh đó không bị ngăn che, tôi như thể nghe được tất cả âm thanh và tiếng nói trong mọi xứ sở, chứ không chỉ ở vùng lân cận.

Vào sáng ngày hai mươi sáu âm lịch, khi mặt trời nhú lên ở chân trời, tôi nhìn thấy Đức Tôn kính và cao quý Tara thực sự hiện diện trước mặt tôi giữa một khối ánh sáng cầu vồng, thân Ngài có sắc trắng như một bình pha lê. Bà cầm một mũi tên có trang trí những giải ruy băng mà bà dùng để ban phước cho tôi⁴⁸.

Từ hướng núi Huy Hoàng trên tiêu lục địa Chamara, một cầu vồng gồm năm dải ánh sáng màu song song rơi vào thiền phòng của tôi⁴⁹. Dọc theo con đường này xuất hiện một toán hộ tống gồm bốn phụ nữ trẻ mặc y phục bằng lụa và tô điểm các đồ trang sức bằng xương. Vị dakini ở phương đông, Thiên nữ có Năng lực trên sự Trường thọ, sắc trắng sáng ngời và cầm một mũi tên trang trí dải ruy băng lụa và một cái bình. Dakini ở phương nam là Akyang Tara, dakini ở phương tây là Tara Ròng màu Lam Ngọc, và dakini ở phương bắc là Thiên nữ phương Bắc.

Các ngài đặt tôi trong một ổ rom có trái lụa sặc sỡ trang trí hoa văn đỏ và trắng. Ngay lập tức, các dakini ở bốn tầng cấp và tôi cùng nhau hát tụng Lời Khẩn nguyện Bảy-Dòng và lớn tiếng trì tụng liên tục các thần chú vajra guru và mani. Tâm tôi trải rộng rộng tới một trạng thái cực kỳ hỉ lạc, bản tánh cốt tủy của sự hoàn toàn trong sáng trong đó tôi không thể bám níu vào bất kỳ điều gì dù tốt hay xấu theo nghĩa thông thường, giống như pháp giới vô sanh không có gì trong nó và của chính nó, nhưng với một sự chói lợi tự nhiên tuyệt đối không bị ngăn che. Kinh nghiệm thiền định hài hòa và tự phát này xuất hiện như sự phô diễn không thể nghĩ bàn của một đám mây mạn đà la, phạm vi hoàn toàn rộng lớn của kinh nghiệm thuần tịnh⁵⁰.

Sau đó tôi cảm giác leo lên càng lúc càng cao tới một khoảng không gian khá rõ ràng, còn nhanh hơn một con chim kên kên đuôi trắng hoang dã bay vút lên không trung. Khi kinh nghiệm bi tráng này mở trải ra như một ảo ảnh biến dịch, bất ngờ tôi thấy mình ở một nơi mà tôi không nhận ra là ở đâu.

Giữa một cánh đồng rộng lớn, bao la và siêu phàm đến nỗi dường như bầu trời đổ sập xuống trái đất, một tảng đá có bề mặt lớn đứng sừng sững có hình dạng như một trái tim. Ở mọi phương và những rặng núi trông như những vũ khí chĩa lên bầu trời và đỏ như thể có lấm tấm máu. Trên bầu trời xuất hiện một vòm ánh sáng cầu vồng năm màu. Những chim công trống, chim hét và chim cu cu vút lên, bay chuyền thật vui thích. Không gian tràn ngập mùi hương ngọt ngào có năng lực chuyển hóa những tri giác của ta. Khắp mặt đất phủ đầy các loài hoa gồm năm màu thật đáng yêu – trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây và xanh dương. Tôi kinh nghiệm cảnh giới này như một nơi chốn thực sự.

Tôi cũng nhìn thấy một ngọn núi rất đẹp, xanh thắm như một viên ngọc bích. Tâm tôi tràn đầy đức tin và thị kiến thanh tịnh không tưởng tượng nổi. Tôi lớn tiếng lập đi lập lại những lời cầu nguyện của pháp guru yoga, Lời Khẩn Nguyện Bảy-Dòng và một lời khẩn cầu mà trước đây chính Đức Tara đã nói với tôi và tôi thực hiện những sự lễ lạy và cúng dường mạn đà la.

Nơi đây là Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ trên tiêu lục địa Chamara. Khoảng nửa đường lên tới mặt tảng đá, trên một vùng bằng phẳng rộng lớn bao la là lâu đài Liên Hoa Quang rộng mênh mông đứng sừng sững⁵¹. Cung điện, một hóa thân của giác tánh của Đức Padmasambhava, dc làm bằng năm loại châu báu, một mạn đà la thành tựu tự-sinh và tự nhiên. Từ ngoài vào, bên trong sáng sủa rực rỡ và từ trong nhìn ra, ta có thể thấy rất tường tận. Được kết bằng những cầu vồng, lâu đài có bốn mặt, bốn cổng và các sân, trong đó có hơn một ngàn cung điện khác. Trong những cung điện này là tập hội các vidyadhara⁵² cũng như những daka và dakini.

Cô gái này tới cổng phía đông. Ở đó tôi gặp bốn người đàn bà, họ mặc cho tôi một áo choàng lụa sắc sỡ, chiếu sáng như một cầu vồng. Rồi họ ra đi, nhưng tôi không rõ họ đi đâu.

Người đàn bà gác cổng phía đông thách thức tôi: “Cô là ai?”

Tôi trả lời: “Tôi là Dawa Drolma, một con gái của bộ tộc Tromge trong thế giới con người”.

“Vì sao cô tới cõi này?”

Tôi trả lời khiêm tốn: “Nhằm mục đích bảo đảm hạnh phúc của chúng sinh, tôi xin được hội kiến Đức Orgyan Tsokey Dorje⁵³ và nhiều vidyadhava, daka và dakini trên Núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ trong tiểu lục địa Chamar”.

Vị dakini trả lời:

Cầu mong cô được Đức Vajravarahi ban phước⁵⁴.

Cầu mong các nghịch cảnh và chướng ngại cho sự trường thọ của cô được giải trừ.

Cầu mong cô đạt được quán đánh kim cương bất diệt.

Và cầu mong cô bảo đảm được hạnh phúc của vô lượng chúng sinh.

Sau đó tôi nhìn thấy cảnh tượng phi thường của cổng phía đông kỳ diệu, một cửa làm bằng pha lê. Trên đó, trong hình chạm khắc mờ mờ là hình ảnh của một tathagata⁵⁵ và những chữ đi kèm đem lại sự giải thoát nhờ cái thấy. Bên trái và phải cửa là những báu vật có hình những con rồng màu lam ngọc uốn mình hình xoắn ốc theo chiều kim đồng hồ và ngậm nhiều viên ngọc.

Thình lình vị dakini mở cửa bằng một chìa khóa pha lê thạch anh trắng, có bề dài khoảng một bàn tay và đánh dấu bằng những chữ tượng trưng tự-tạo hình, kỳ diệu và huyền bí. Tôi đi bộ vào trong và tìm thấy một cầu thang dài làm bằng châu báu. Tôi trèo lên và trong một căn phòng rộng mênh mông, tôi tìm thấy ngài Jampa Migyur ngồi trên một cái ngai nhỏ⁵⁶. Ngài mặc một áo choàng không tay bằng lụa trắng và tô điểm với nhiều vật trang sức quý báu, tóc Ngài kết lại thành một cái búi. Tay trái Ngài đang lần một mala bằng pha lê trắng, mỗi một trong 108 hạt có kích thước khoảng ngón tay cái của ta⁵⁷. Quanh Ngài là đoàn tùy tùng gồm vài trăm dakini mặc áo choàng lụa trắng, đang cử hành một buổi tiệc vui vẻ. Các thiên nữ kim cương thuộc sự hoạt động mặc áo choàng xanh dương cúng dường những phần đặc biệt của bữa tiệc trong bốn phương chính trên bầu trời.

Từ hàng sau của tập hội, cô gái này thực hiện ba lễ lạy và cầu nguyện với những ước nguyện cao quý khi xuất hiện trong tâm. Đến gần vị lạt ma, tôi dâng lời sám hối, tự tịnh hóa bằng cách tụng thần chú một trăm âm⁵⁸ và cử hành mạn đà la vũ trụ ba mươi bảy điểm⁵⁹. Một dakini ở bên phải vị lạt ma là điều tra kỹ lưỡng quá khứ của tôi. Để trả lời bà, tôi nói năng thẳng thắn

nhưng khiêm tốn. Vị lạt ma có vẻ hết sức hài lòng. Tôi tham dự vào buổi lễ tiệc.

Rồi tôi được một bà mặc y phục xanh dương đưa ra ngoài và dẫn tới lâu đài rộng mênh mông khác. Một người có mặt ở đây đang tắm cho một dakini của mộ bộ tộc thuộc thảo nguyên thấp ở miền đông Tây Tạng⁶⁰. Tôi cũng nhận một nghi lễ tắm rửa. Ngự trên một chiếc ngai cao ngất ở giữa chúng tôi, trên một tấm nệm cao bằng lụa đỏ trông thật đặc biệt là ngọn đèn soi sáng các sutra và tantra⁶¹, vương miện của mười triệu vidyadhara, đạo sư vô song, bậc thông thái và thành tựu, bậc toàn trí Jamyang Khyentsei Wangpo⁶². Thân tướng chói ngời của Ngài trông thật lôi cuốn và trẻ trung; dường như khoảng mười sáu tuổi. Ngài mặc ba chiếc y nghi lễ và đầu đội chiến nón tượng trưng cho ba sự tích tập kinh điển⁶³. Tay Ngài cầm chày kim cương và chuông⁶⁴. Ngài được vây quanh bởi một đoàn tùy tùng hơn một trăm daka và yogini.

Như trước đó, tôi đánh lễ, cúng dường và cử hành lễ dâng cúng mạn đà la vũ trụ. Tôi dâng lên Ngài một đoạn khăn lụa trắng⁶⁵ toàn mỹ để xin được diện kiến và thực hiện những sự khẩn cầu ước nguyện khi tôi có thể. Vị lạt ma dường như có một tánh khí rất khó khăn và cứng cỏi; Ngài không nói một tiếng nào và cố ý tránh nhìn tôi.

Tôi ra đi và tới lâu đài rộng mênh mông khác. Người gác cửa là một cô gái không thể quá mười lăm tuổi. Mặc dù tôi không nhận ra cô, cô ta tỏ ra rất vui thích đối với tôi như cha mẹ bộc lộ khi gặp con cái họ. Bên trong lâu đài, ngồi trên một cái ghế thấp chất đầy những đệm lót bằng lụa xanh là một người đàn bà tên là Yul-lha, một dakini vùng Derge, là một hóa thân của bản tôn Vajravarahi⁶⁶. Tóc bà được búi lên bằng sáu dải ruy băng màu xanh da trời, bà cầm một bản văn giáo huấn tâm linh nhỏ. Bà đang tụng những vần kệ gốc của Trạng thái Trung ấm sau Cái Chết⁶⁷. Có khoảng mười sáu dakini trong đoàn tùy tùng của bà. Tôi đánh lễ và cúng dường hương trầm được pha chế từ gỗ đàn hương trắng Ấn Độ. Tôi được ban thức ăn khô với các gia vị làm từ năm thứ cam lồ.

Sau cùng tôi nói về các sự kiện trong cõi người. Bà tiếp tục: “Con sẽ tìm thấy bốn cầu thang trong một sảnh đường, ở giữa vùng này. Đừng dùng cầu thang màu đen, bởi ở đó ẩn dấu nguy hiểm do rắn độc và những quỷ ma khát máu. Thay vào đó, hãy lên cầu thang màu xanh lá cây”.

Với sự chỉ dạy ấy tôi tiếp tục cuộc hành trình. Trong lâu đài rộng mênh mông khác, tôi đi ngang qua một người đàn bà có vẻ rất già, tóc ngả màu xám hơi vàng, có khoảng hai trăm dakini vây quanh. Các dakini đang đọc các bản văn từ giáo khóa của ngài Karma Lingpa trên mạn đà la các bốn tôn hòa bình và phần nô và Tantra Sám hối Bất Nhiễm⁶⁸. Người đàn bà chính cầm giữ hơi thở trong thực tập thờ-cái bình⁶⁹. Khi bà thở hết ra, bà trục xuất nhiều sinh vật sống trong nước như rắn nước, ếch và cá; từ thây chúng nổi lên những cầu vồng trắng, vàng, đỏ và xanh lá cây, trong khi tâm thức chúng được kéo lên các cõi thuận tịnh,

Thực ra vị dakini này tên là Wangmo. Sau khi đánh lễ và cúng dường, tôi tới gần bà. Bà đặt một chuỗi xương sọ lên đầu tôi và cười thật dễ thương, trong một lát bà hỏi tôi là ai.

Trong lâu đài mênh mông khác, bất chợt tôi gặp một thiên nữ áo trắng, một dakini có năng lực an bình, ngồi trên một tấm nệm phủ lụa và mặc áo choàng thêu kim tuyến linh thánh, có đoàn tùy tùng gồm bảy dakini vây quanh. Tôi đánh lễ và cúng dường bà. Các dakini đang hát thật ngọt ngào một bài cầu nguyện sùng mộ để khẩn cầu năng lực của Đức Avalokiteshvara và một bài nguyện ước hợp nhất với thân chú mani sáu âm. Nhưng ở đây tôi sợ trở thành quá dài dòng và sẽ không viết dài hơn nữa.

Đức Yeshe Tsogyal xuất hiện trong một tòa lâu đài rộng mênh mông rất đẹp có cửa nhìn về hướng đông. Bà phục sức đẹp đẽ với những áo choàng lụa và trang điểm nhiều vật trang sức bằng châu báu và bằng xương, mái tóc Bà đen, dày và rục rở. Sắc thân mỹ lệ không tả xiết của Bà đem lại niềm hi vọng cho người chiêm ngưỡng. Bà được một đoàn tùy tùng gồm một ngàn dakini vây quanh. Họ đang làm lễ tiệc cúng dường cội gốc đạo sư (guru), Sự Hội tập các Đạo sư Trì giữ-Giác Tánh; cội gốc bốn tôn, Sự Hội tập các Đấng Vĩ đại và Vinh quang; và cội gốc dakini, Nữ Hoàng Cực Lạc⁷⁰. Tôi nhập vào những người tham dự tiệc cúng dường, đánh lễ và cúng dường Đức Yeshe Tsogyal, điều ấy làm Bà hài lòng. Tôi khiêm tốn kể cho Bà về tiểu sử của mình thật rõ ràng và chi tiết.

“Hãy tiếp tục đi lên” Bà nói “và ta sẽ cho người dẫn co tới gặp chú của con⁷¹. Sẽ khó mà vượt mà vượt qua, bởi con sẽ gặp một người gác cổng rất nghiêm khắc”.

Tôi đi tới một nơi khủng khiếp, quả là cảnh tượng làm tôi rùng mình khiếp sợ. Những mái vòm làm bằng da người được treo bằng những sợi thừng

là những con rắn. Những đầu lâu khô, những đầu người còn mới và những đầu héo khô còn dính tóc treo khắp nơi. Những màn cửa và rèm tường làm bằng da trắng màu đen.

Giữa tất cả những thứ đó, ngồi trên một cái ngai màu đen tuyền là một yogi tên là Pawo Namkha Odsal mặc y phục đen pha lẫn đỏ tía. Tóc Ngài kết lại thành búi quanh một chày kim cương, trên đỉnh của nó là một miếng ngọc lam nhỏ. Tai Ngài đeo những chiếc vòng bằng vỏ ốc xà cừ. Ngài mặc một áo choàng trắng và cầm một trống tay lớn và chiếc kèn làm bằng xương đùi người. Trông Ngài thật lôi cuốn khó cưỡng nổi. Một đoàn tùy tùng vây quanh Ngài gồm sáu nhân vật mặc áo choàng không tay màu đen. Họ cực kỳ hung nộ, với mái tóc đen xổ xuống và những biểu lộ nham hiểm, giận dữ. Tôi đánh lễ và cúng dường các ngài, cũng như dâng những lời ước nguyện.

Tiếp theo, tôi gặp một người gác cửa, một người đàn bà da trắng mặc quần áo lụa và những vật trang sức bằng xương. Tên bà là Nordzin Dronma và bà có mối liên hệ với tôi trong nhiều đời.

Giữa một lâu đài màu cam rộng mênh mông có bản chất ánh sáng, ngự trên một cái ngai rất cao bằng pha lê đỏ và những tấm đệm bằng lụa nhiều màu là vị phối ngẫu linh thánh Mandarava⁷², có sắc đỏ sậm. Trong tay phải, bà cầm một mũi tên cột những dải ruy băng và tay trái cầm một bình trường thọ. Bà mặc một hạ y lụa ngắn, xếp li và đeo những vật trang sức quý báu. Được vây quanh bởi một đoàn tùy tùng gồm một trăm dakini giác tánh nguyên sơ, bà hát một bài ca du dương về âm nhạc kim cương bất hoại. Tôi đánh lễ và cúng dường như đã làm trước đây và được Đức Tara thúc giục, tôi tụng một bài sùng mộ với bà. Một cảm thức của đức tin phát khởi không thể tưởng tượng nổi trong tôi.

Tôi đứng lên khi hội kiến và tới gần bà. Vị phối ngẫu linh thánh đặt bàn tay phải có cầm mũi tên cột dải ruy băng lên đầu tôi và hát:

Hung Ở biên giới tây bắc xứ Orgyan, ...

Con khẩn cầu Ngài tới ban cho những ân phước.

Khi đã ban phước cho con nơi chốn tuyệt hảo này,

xin ban bốn quán đảnh cho hành giả ưu tú này.

Xin giải trừ những chướng ngại bởi cái chết không đúng lúc.

Xin ban cho thành tựu của sự bất tử⁷³.

Đi xa hơn nữa, tôi chợt thấy một lâu đài rất đẹp, duyên dáng. Mười hai người đàn bà gác cửa đông, mười hai người gác cửa nam, mười hai người gác cửa tây, mười hai người gác cửa bắc. Ở phía đông, cửa và những người gác cửa toàn bằng pha lê, mặt phía nam bằng vàng, phía tây bằng hồng ngọc và mặt phía bắc bằng lam ngọc.

Ở hướng đông là mười hai thiên nữ có mục đích dẫn dắt chúng sinh, ở phương nam là mười hai thiên nữ có nhiệm vụ chỉ ra con đường đi tới giải thoát. Ở phương tây tôi nhìn thấy mười hai thiên nữ thuộc yếu tố lửa chói sáng và phương bắc mười hai thiên nữ là những bậc chiến thắng những mara⁷⁴. Tất cả các ngài mặc áo choàng theo màu phù hợp với các hướng tương ứng⁷⁵.

Ổ khóa trên cổng ngoài có chiều dài khoảng cánh tay⁷⁶ và bằng vàng. Một trong những dakini mở cổng và cho tôi vào. Rồi cửa bắc mở ra và tôi đi vào tòa nhà. Trong tòa lâu đài có 180 cây cột chống, 180 dakini mặc y phục bằng lụa và đeo những đồ trang sức bằng xương, nhảy múa ca hát với nhạc đệm một bài hát tên là “Sự Giải thoát Tự nhiên khỏi những Cõi Thấp”:

Hri Trạng thái không chỉnh sửa thoát khỏi sự tạo tác ý niệm là đạo sư Pháp Thân.

Cực Lạc là đạo sư Báo Thân, chúa tể của Pháp⁷⁷.

Sinh ra từ một hoa sen là đạo sư của Hóa thân.

Chúng con đánh lễ và tán thán bậc Kim Cương trì của ba thân.

Thân giác ngộ của Ngài thì bất biến, là thân tướng của Đức Samantabhadra (Phổ Hiền)⁷⁸

Ngũ giác ngộ của Ngài thì không lay động và siêu vượt ngôn ngữ, sự tưởng tượng, cùng sự biểu lộ.

Chúng con tán thán Ngài. Ôi vua Hoa Sen, bậc được phú bẩm thân, ngũ và tam giác ngộ.

Đại học giả của xứ Ấn Độ cao quý, xin thương xót xứ sở Tây Tạng.

Đức Kim Cương Sanh - trong - Hồ thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử.

Chuyên hóa đám quỷ ma hiểm độc khát máu hướng về Pháp.

Chúng con tán thán Ngài, Ôi Đức Padma T'hod T'hreng Tzal⁷⁹.

Om ah hung vajra guru padma siddhi hung.

Maha guru padma t'hod t'hreng tzal la namo hung.

Khi họ hát, tôi kinh nghiệm vô lượng đức tin và sự hỉ lạc.

Ở một nơi khác, thỉnh linh tôi nhìn thấy một người đàn bà có nước da trắng mặc một cái khăn choàng và hạ y thêu kim tuyến trắng và cầm một sợi chuỗi bằng pha lê đỏ. Bà chính là ni cô Kunga Monlam mà cũng được biết là dakini Laykyi Wangmochhe⁸⁰. Bà biểu lộ niềm vui chân thành đối với tôi. vén một tấm rèm có đính những hình trang trí bằng lụa, bà dẫn tôi tới giữa cung điện. Ở đó tôi thấy đoàn tùy tùng của bà gồm bảy dakini, họ đặt một chiếc nệm trắng để tôi ngồi. Chính Laykyi Wangmochhe đặt một mũi tên trường thọ lên đỉnh đầu tôi và ngâm:

Om Sự trường thọ nguyên sơ không làm lỗi.

Ta triệu mời điều này trong sự vinh quang cao cả nhất của sự nối kết mặt trời và mặt trăng⁸¹.

Sự trường thọ của đại lạc không biến đổi,

Ta triệu thỉnh điều này trong sự vinh quang của cốt tủy vi tế của thân ánh sáng.

Sự trường thọ lâu dài không có sự đến và đi bình phàm.

Ta triệu thỉnh điều này giữa Pháp giới bao la bất hoại, vĩnh cửu và kiên cố.

Sự trường thọ là cái bị đánh cắp, cướp đoạt, gãy bể, hoặc suy sụp bởi niệm tưởng lan man,

Ta triệu thỉnh điều này trong bản tánh nền tảng vô điều kiện của giác tánh nguyên sơ vô niệm

Sự trường thọ đặt nền trên sự vô minh về các sự xuất hiện của samsara, nirvana và con đường tâm linh⁸².

Ta triệu thỉnh điều này trong trạng thái tự nhiên của các sự việc bởi chúng thì phi - thời gian và nguyên sơ.

Nếu không có sự ngừng dứt, thì không có gì già đi,

và vì thế ta cũng triệu thỉnh sự trường thọ, nó không có ngừng dứt và già đi.

Nếu không có sanh, thì không có chết đi,

và vì thế ta cũng triệu thỉnh sự trường thọ là cái không sanh và không diệt.

Ah ah ah.

Bà tiếp tục: “Thật là may mắn bởi con đã tới cõi thuần tịnh này từ thế giới bình phàm của con người. Con làm ta xúc động biết bao” và bà khóc. Rồi bà gọi một cô gái tên là Apal đi cùng với tôi và tôi được dẫn ra ngoài.

Đức tôn quý Tara Trắng nói với tôi: “Dawa Drolma, con gái ta, chính ta là người đã sắp xếp cho con rời cõi người bình phàm và là người dẫn dắt con tới cõi thuần tịnh này. Nhưng bây giờ chưa tới lúc để con và ta ở lại núi Huy Hoàng này⁸³.

“Có một cõi thuần tịnh cao hơn cõi này, được phú cho năm điều chắc chắn⁸⁴, nó là phạm vi chứng nghiệm của những bậc an trụ trong địa thứ mười của sự chứng ngộ. Ở đó Báo thân của Đấng Bi Mẫn Siêu việt⁸⁵ được vây quanh bởi một đoàn tùy tùng gồm vô số các Bồ Tát nam và nữ, đang giảng dạy Tantra Chúa công của sự Nhảy múa Hoa Sen Bình mẫn Siêu phàm.

“Trên đó là cõi thuần tịnh Pháp Thân, thoát khỏi sự tạo tác ý niệm. Ở đó Đức Guru Padma an trụ, không gì khác hơn là sự xuất hiện tự-nhiên lộ tự nhiên của Đấng bảo trợ nguyên sơ⁸⁶, ban những giáo lý tâm linh cho một tập hội trong đó ý hướng giác ngộ của vị thầy và của quyền thuộc thì không thể phân ly, trình bày những giáo huấn truyền dạy trực tiếp vượt lên những biểu

tượng, ngôn ngữ và niệm tướng bình phàm – tantra Đại Viên Mãn của sự bí mật tối hậu, có tên là Giác Tánh Nội tại Tự-sinh⁸⁷.

“Thời đại ngày nay thiếu một sự may mắn cần thiết để tiếp xúc trực tiếp với những cấp độ này. Vì thế hãy liên tục biểu lộ ước nguyện thực hiện điều này vào một lúc nào đó. Đừng đề cập tới việc con đã đi tới cõi thuần tịnh này”⁸⁸.

Cơ sự đã như thế này, tôi đau khổ đến nỗi tim tôi tưởng chừng tan vỡ, buồn tủi đến độ tôi tưởng như mình có thể mất trí, hoàn toàn lạc hướng khiến tôi không thể nhớ lại bất kỳ điều gì đã từng suy nghĩ vào thời gian đó; tri giác của tôi bị mê lầm và lạc lối. Nước mắt tuôn rơi như thể mắt tôi rơi ra ngoài. Tôi tự nghĩ: “Mặc dù giờ đây tôi có thể hội kiến Đức Padmasambhava, tôi không vật cúng dường chính thức nào để dâng lên Ngài, không có vàng bạc, không lễ cúng dường mạn đà la, ngay cả một khăn quàng lụa cũng chẳng có”.

Ngay lập tức, Đức Tara ban cho tôi một dải ruy băng tinh khiết bằng lụa trắng rất dài lấy từ mũi tên có trang trí ruy băng của Ngài. Bởi quá nhiều hồ nghi, tôi nghĩ rằng hành động này sẽ làm mũi tên giảm giá trị, nhưng Đức Tara nói: “Nó không bao giờ bị suy giảm, vì thế đừng quá keo kiệt”. Ngài nói thêm: “Đây không phải là chỗ để bắt đầu kêu khóc. Hãy đi tới Đức Guru và thỉnh cầu Ngài bất kỳ điều gì con ước muốn. Bất luận Ngài ban cho con điều gì, dù là vàng, bạc hay ngọc quý, đừng mang chúng đi với con. Thay vào đó hãy cầu xin Ngài ban cho con một khăn quàng lụa màu xanh dương có điểm những hình ảnh của năm Hóa Thân⁸⁹. Cũng hãy cầu xin để những mối liên hệ nghiệp của con với Ngài từ những đời trước được thức giác, những hành động làm lợi lạc chúng sinh của con sẽ không có định kiến hay phân biệt, cầu xin cho con có năng lực để trực nhận ra chúng sinh trong cõi thấp và để đem lại hứng khởi cho họ trong việc trau dồi đức hạnh và cầu xin bất kỳ ước nguyện nào của con cũng được thành tựu”.

Rồi tôi nhìn thấy cung điện khác, làm bằng pha lê đỏ với hai cánh cung điện dính liền, giống như những tay áo màu san hô trên bộ quần áo. Không cần chìa khóa để vào cung điện; thay vào đó là một chữ biểu tượng màu đỏ trên cửa. Một người đàn bà đứng nơi cửa, bà có mái tóc trắng và nước da trắng như một vỏ ốc xà cừ. Bà có hàm răng đầy và được gọi là Thiên nữ có Năng lực đối với Trường thọ. Bà ban cho tôi một nghi thức để thỉnh cầu trường thọ và cho tôi một miếng pha lê có sáu mặt. Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng rõ ràng là tôi không nên nhận miếng pha lê, và vì thế tôi đặt nó trên đỉnh một

đĩa mạn đà la chất đầy gạo được sắp đặt theo kiểu mẫu làm ta nhớ lại những chủ đề Ấn Độ.

Đi xa nữa, tôi chợt thấy một lâu đài rộng lớn mênh mông và cao sừng sững đến nỗi kích thước của nó vượt quá tiêu chuẩn xác đáng. Đỉnh mai có trang trí những viên ngọc. Ở bên trong, tôi nhìn thấy hàng trăm chiếc dù bằng lông công, những cờ chiến thắng bóng mượt, những tấm rèm treo tường bằng sa tanh, những màn trướng thêu kim tuyến, những cái móc và dây bằng ngọc trai, những dây vật cúng dường không thể tưởng tượng nổi và những cửa cái của một buổi tiệc cúng dường vĩ đại chất cao như núi, đồ sộ xuống giống như những con dê vỡ nát và cuộn tròn như một đại dương cam lồ.

Trong mạn đà la này, nó giống như những đám mây không gì sánh được gồm những vật cúng dường của Đức Phổ Hiền⁹⁰, là một cửa cái gồm những chất thể samaya linh thánh vượt xa của cái của những vị trời vĩ đại ở cõi trời Nirmanarati⁹¹. Những tia sáng phóng ra muôn phương không bờ mé từ một cái ngai khổng lồ mà kích thước khó có thể đo lường, cao hơn cả một tòa nhà ba tầng. Mặt ngai có ba tấm nệm chồng lên nhau bọc lụa đủ màu, trang trí những hoa sen ngàn cánh.

Ngự trên ngai là tinh túy, suối nguồn của sự quy y và sự hợp nhất của tất cả các Đấng Chiến Thắng, vị thống lãnh tràn đầy năng lực của tâm giác ngộ của tất cả các Đấng Chiến Thắng, sự hợp nhất trong một thân tướng duy nhất của ba phẩm tính – trí tuệ, lòng bi mẫn và năng lực – của tất cả các Đấng Chiến Thắng khắp mười phương, bốn tôn được chọn lựa duy nhất của Xứ Tuyết, vương uốc Tây Tạng: Đức Guru xứ Orgyan, Padma T'hod T'hreng Tzal, chính là Đức Kim Cương Sanh-trong-Hồ bất tử.

Thân Ngài sắc trắng hơi pha đỏ. Ngài cầm một chày kim cương trong tay phải, tay trái cầm một bình trường thọ trong một chén sọ người đựng đầy chất cam lồ. Trong chỗ gập của khuỷu tay trái, Ngài mang chìa ba bí mật kim cương⁹². Hai chân Ngài chéo nhau lơ lửng trong tư thế du hí vương giả. Ngài mặc một áo choàng ngắn tay bằng lụa màu hạt dẻ như sa tanh, một hạ y bằng lụa đỏ, một đại y màu đỏ trang trí bằng chỉ vàng và một quần áo bên trong bằng lụa trắng của các vị trời. Trên đầu Ngài là vương miện hoa sen đem lại sự giải thoát nhờ cái thấy.

Khi cô gái này trông thấy mạn đà la hài hòa viên mãn của khuôn mặt Đức Orgyan vĩ đại, tôi mê mải ngắm nhìn Ngài. Mọi tri giác lơ mờ thường tục của tôi tự nhiên ngừng dứt và tôi kinh nghiệm một trạng thái không thể nghĩ

bàn, không thể diễn tả được, giống như một người cầm đang ném đường mía⁹³. Tôi an trụ một lát trong tâm thái này, vừa vui lại vừa buồn.

Ở bốn phương chính quanh Đức Orgyan vĩ đại là bốn dakini giác tánh nguyên sơ ban-hỉ lạc, mặc áo choàng lụa nhiều màu, thân huyền mộng của họ giống như những khối ánh sáng. Họ vung vẩy những mũi tên trường thọ và những bình trường thọ trong bốn phương khi hát bài ca tán thán.

Ở bên kia chiếc ngai, trên một ngai khác là bậc đạo sư tôn kính của lòng bi mẫn, bậc Kim Cương Trì ba nhánh vĩ đại⁹⁴, bậc dẫn dắt siêu phàm Dechhen Dorje (cũng được biết là Drimed Khakyod Wangpo). Ngài là hiện thể đầy năng lực gân dây nhất của một loạt những hóa thân linh thánh trải qua nhiều đời, gồm cả Srongtzan Gampo (thân tướng mà Đức Avalokiteshvara đã hóa hiện làm một vị vua tâm linh để che chở miền bắc Tây Tạng, Xứ Tuyết), cũng như Nub Namying và Dagpo Daod⁹⁵. Thân tướng của Dechhen Dorje thì còn gây xúc động hơn trước đây⁹⁶, rực rỡ với “cờ chiến thắng” là những chiếc y nhà sư màu nghệ. Ngài đội chiếc nón của học giả, nhọn đầu với những miếng vải che tai dài, cầm một cái trống tay và một cái chuông. Trong bốn hướng chính quanh Ngài, tôi thấy bốn dakini màu trắng cầm những mũi tên có đính những dải ruy băng lụa xanh dương. Trước mặt Ngài là một dakini màu xanh dương sậm có vẻ biểu hiện phẫn nộ, đeo một khăn choàng lụa nhiều màu và cầm một mũi tên có dải ruy băng lụa màu xanh dương.

Trên một chiếc ngai, bên trái ngai là bậc siêu vượt mọi hoạt động, đạo sư chứng ngộ Jigmed Pawo (cũng được biết là Dza Konchhog) là một tái sinh của Lhatsun Namkha Jigmed⁹⁷ và là trưởng tử tâm huyết của Dzaga Chhogtrul Ringpoche⁹⁸. Ngài có nước da hơi xanh sậm, mặc một áo choàng lụa buông dài, đội một chiếc nón học giả, trong tay một cái bình. Ngài là một vị vua trong số những bậc lão luyện thành tựu, là bậc trong đời đã đạt tới sự chứng ngộ tột bậc của bốn cái thấy về con đường bí mật hợp nhất sự thuần tịnh nguyên thủy và sự hiện diện tự nhiên⁹⁹, và là bậc tâm đã ngập chìm trong trạng thái nơi những hiện tượng thường tục biến mất trong chân tánh của thực tại. Trong bốn phương chính quanh Ngài là bốn dakini đỏ mặc áo choàng đỏ và trước mặt Ngài là dakini khác.

Tôi cũng nhìn thấy một tập hội khoảng mười ngàn daka, những bậc trì giữ giác tánh nội tại, đội nón lông công. Không gian quanh họ tràn đầy hằng hà sa số hàng tỉ thiên nữ đang cúng dường từ nước uống, nước tắm cho tới hoa và thực phẩm. Vài vị trong số đó cầm chày kim cương và chuông, một số

cầm trống tay nhỏ, một số cầm xập xõa, một số cầm chiêng, một số cầm các vỏ ốc xà cừ và một số (ở bốn hướng chính) cầm các kèn trắng, vàng, đỏ và xanh lá cây. Những chiếc kèn ở phương tây được làm bằng san hô và được hai dakini mặc áo choàng cam thối; tôi được kể lại rằng họ đã thực hiện chứng năng đặc biệt là kéo chúng sinh tới con đường Kim Cương thừa. Những chiếc kèn trum pét xương đùi hoàn toàn được làm bằng xương đùi của con người, chứ không bằng đồng đỏ hay đồng thau¹⁰⁰. Khoảng một trăm tù và bằng cây sậy cũng vang lên. Có khoảng một trăm người giữ lăng mộ trong những áo choàng vàng, vai trái của họ quấn một miếng lụa đủ màu truyền thống.

Tôi hỏi một trong những dakini: “Tập hội nghi lễ được thực hành cái gì ở đây?”

Bà trả lời: “Chúng tôi đang cử hành nghi thức và lễ cúng dường Tám Mệnh lệnh, sự Tập Hội của các Đấng đã Đạt tới Đại Lạc, nó là tinh yếu của giáo lý trong thời kỳ ban đầu của trường phái dịch thuật”¹⁰¹

Lúc này, nhiều thành viên của tập hội đứng lên. Cảm thấy bối rối và sợ hãi, tôi cũng đứng lên và lễ lạy liên tục. Tiến lại gần, tôi đặt bàn chân Đức Guru toàn trí vĩ đại lên đỉnh đầu. Tôi cúng dường Ngài một mạn đà la có hình dạng kim loại và đá quý và một khúc lụa trắng trinh nguyên. Sau đó Đức Orgyen vĩ đại đặt bàn tay lên đầu tôi, đọc Lời Khẩn nguyện Bảy-Dòng.

Chú tôi, Khakyod Wangpo bắt đầu: “Với năng lực đối với sự trường thọ, cuộc đời con sẽ vô hạn...” và, trong khi vung vẩy một mũi tên trường thọ ông tụng một nghi lễ triệu thỉnh những năng lực trường thọ.

Về phần mình, Dza Konchhog hát:

Tri giác của giác tánh nguyên sơ thì trong trẻo sống động.

Ngọn đèn cho sinh linh là ngọn đuốc của giác tánh nguyên sơ.

Lộng lẫy và tráng lệ tột bậc, chói ngời rực rỡ.

là bậc đạo sư trì giữ thân chú, vị vua của các thân chú của giác tánh.

A P’hat A P’hat A P’hat.

Tôi vẫn quỳ trên nệm bằng lụa trắng, kêu khóc không thôi. Những giọt nước mắt rơi xuống tụ lại giống như nước trên nền pha lê. Sau cùng, bởi tràn ngập đau buồn, tôi kêu lên: “Ôi chú tôn quý, chú đã bỏ rơi chúng sinh, nhất là lũ chúng con là những đệ tử và thị giả và là đối tượng của lòng thương yêu của chú. Trong khi chú đã đi tới một cõi thuần tịnh không để lại một dấu vết, thì đứa cháu gái này cảm thấy còn đau đớn hơn là trái tim nó bị xé tung ra. Những đệ tử và thị giả khác của chú cũng cảm xúc như thế. Chú ơi, con khẩn cầu chú từ đáy lòng con. Chú chỉ phải quay trở lại thế giới loài người vì lợi lạc của chúng sinh. Cho tới khi hiện thân giác ngộ của chú xuất hiện trở lại, đứa con gái này sẽ không đi đâu hết. Con tới đây với ý hướng chín chắn. Con đã tới, con gặp được chú; và gặp chú rồi, con đưa ra lời thỉnh cầu. Xin hãy làm cho tất cả những gì con yêu cầu chú trở nên có ý nghĩa, con van xin chú!” Và tôi lại bắt đầu khóc, đôi mắt tôi đẫm lệ.

Drimed Khakyod Wangpo biểu lộ lòng thương yêu của Ngài bằng cách trả lời: “Dadrol cháu ta, những gì con nói thì hoàn toàn chân thực, tuy thế con không nên buồn rầu. Giữa ta và Đạo sư Orgyen vĩ đại không có chút khác biệt nào. Mặc dù những danh xưng theo quy ước ‘sinh’ và ‘chết’, đối với ta, trong ý nghĩa tối hậu, không có chút ý niệm nào về sinh hay tử.

“Mọi chúng sinh hữu tình đã từng có bất kỳ mối liên nào – dù tích cực hay tiêu cực – với ta, lão già Dechhen Dorje này, đã được đưa dẫn tới núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara, cõi thuần tịnh của các Đấng Chiến Thắng của ba thân, giống như một đàn chim bị giết mình bởi một viên sỏi bắn ra từ một súng cao su¹⁰². Ngay cả bây giờ, ta ban cho con một lời hứa trang nghiêm rằng những đệ tử hay thị giả nào có thể cầu xin ta sẽ đồng thời trở thành những vị Phật”.

“Con là kẻ đau khổ vì lời giải thích của ta, hãy thận trọng trong sự sùng mộ của con, hãy nhìn đạo sư như Pháp Thân của Phật Quả. Hãy chú tâm tới lòng bi mẫn của con, hãy thấu hiểu rằng sáu loài chúng sinh là những cha mẹ của con. Hãy thận trọng trong việc thực hành đức hạnh, đừng làm mờ tối bất kỳ điều gì con làm với những lợi lạc vị kỷ. Hãy thận trọng trong việc tri tụng các thần chú và những thực hành thiền định, đừng rơi vào tám ảnh hưởng thế tục¹⁰³, hãy thấu suốt duy nhất thần chú mani sáu-âm để làm đầy đủ thực hành của con. Hãy thận trọng trong thực hành chính thức của con, hãy gộp chung mọi sự trong tâm chân thật của riêng con. Chớ phạm sai lầm! Chớ phạm sai lầm!”.

“Ngay khi con rời bỏ thân người này, ta sẽ dẫn tất cả các con tới cõi thuần tịnh này như một con ngỗng dẫn dắt đàn ngỗng con của nó. Hãy đơn giản nhận ra rằng không phải ta dẫn dắt, mà chính là Tam Bảo! Khi con trở lại cõi người, hãy thuật lại tất cả những thông điệp này cho Tromge Kundun, cho những người chủ gia đình trong vùng và cho các đệ tử thân thiết của ta. Hãy thực hiện điều ta nói, bởi ngay cả nếu họ có trực tiếp gặp ta, ta cũng không có gì hơn để nói với họ”.

Khi nói những lời này, Ngài ban cho tôi một phần hậu hĩnh thức ăn và nước uống của tiệc cúng dường. Tôi quỳ lạy ba lần nữa rồi từ giả Ngài.

Trong một lâu đài bằng pha lê với tám con rồng lam ngọc cầm những hạt ngọc trong móng vuốt của chúng và cặp đôi trong tám phương chính và phụ, tôi tìm thấy một cái giường dễ thương với những chiếc gối và gối ôm, và nằm xuống đó. Một dakini làm thị giả phục vụ tôi. Tôi có cảm tưởng là mình đã ngủ một lúc, khi tôi được đánh thức bởi tiếng kêu của một chim công có màu xanh xanh: “A a u u e o a m!”¹⁰⁴

Tôi lập tức quay trở lại với Đức Guru linh thánh và được hội kiến Ngài như trước đó. Tôi thực hiện nhiều lễ lạy và cúng dường. Trước sự hiện diện của người chú linh thánh, tôi lại khóc. “Chú ơi, không phải chú chỉ bỏ chúng con, mà giờ đây chú còn bỏ lại phía sau cả Tromge Chhogtrul Rinpoche là nơi nương tựa duy nhất cho những người tràn đầy hy vọng. Nếu công đức cho phép chúng con nương cậy Ngài đã cạn kiệt, thì nỗi khổ của chúng con sẽ to lớn hơn nỗi khổ của một người mù thiếu sự dẫn dắt và ngã nhào nơi vách núi. Có thể làm được gì để bảo đảm rằng sẽ không có chướng ngại nào cho cuộc đời Rinpoche, để Ngài có thể hoàn toàn thực hiện được sứ mạng của Ngài là làm lợi ích chúng sinh và làm thỏa mãn quyền thuộc và các đệ tử của Ngài?”

Chú Khakyod Wangpo có vẻ quan tâm: “Điều đó chắc chắn là một vấn đề có giá trị”, Ngài nói: “Tromge Chhogtrul sẽ sống mười một năm nữa. Nhưng bởi Ngài có thể đau đớn bởi vài bệnh tật nhẹ trước thời gian đó, nên nếu cử hành một nghi thức để mời gọi lại sự bảo hộ của các dakini tương ứng với số tuổi của Ngài, và cúng dường một hình nộm của Ngài theo hướng mặt trời mọc thì sẽ có ích lợi”¹⁰⁵. Sau đó chắc chắn Ngài sẽ sống thọ như thế”.

Tôi hỏi: “Khi nào Ngài quay trở lại?”¹⁰⁶

Ngài trả lời: “Hiện tại ta sẽ đi cõi thuần tịnh gọi là Mộ Địa Núi lửa Đang Phun để dạy Giọt Tâm Yếu của Chetzun¹⁰⁷ cho những người tụ hội ở đó. Mặc dù rất có thể người ta nghe nói về cách thức mà hóa thân của ta sẽ được sanh ra sau đó, chớ ghi lại những điều này, bởi chúng cần một sự niêm phong bí mật.

Còn bây giờ con gái ta sẽ nguy hiểm cho con khi ở lại cõi giới này và con không nên tới đây một lần nữa¹⁰⁸. Hãy quay về cõi người và làm lợi lạc các sinh loài. Trong vòng ba năm tới, ta sẽ tái sanh ở đó một lần nữa”.

Mặc dù rất đau đớn khi phải chia ly với nơi nương tựa của tôi, tôi chuẩn bị để quay trở về. Tôi hát lớn ba lần Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng và cầu nguyện tha thiết nhiều lần với Đức Padmasambhava, với chú tôi và với Tam Bảo. Như một dấu hiệu là tôi đã viếng thăm núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara, tôi được ban pháp danh là Khadro Sherab Chhodron (Dakini Bạc là Ngọn Đèn Trí huệ Tâm linh).

Nhiều hiện thể tập hợp ở đó tấu nhạc và các dakini làm những người hộ tống cho tôi. Thân tôi bị đê ý và tâm tôi thì tràn đầy sự vương mắc, nhưng không có gì để làm. Nước mắt tôi rơi như mưa trong khi thiết tha cầu nguyện thật nhiều.

Rồi chúng tôi tiến lên phía trước. Dakini Tsewang Barma lại gặp tôi lần nữa. Bà ban cho tôi bảy viên cam lồ¹⁰⁹ và một hộp châu báu hình khối vuông của dakini làm bằng pha lê thạch anh. Bởi tôi không mang chúng theo mình, bà đọc một bài cầu nguyện rất hay cho tôi:

Cầu mong giáo lý của chư Phật được truyền bá.

Cầu mong cuộc đời các đạo sư được vững chắc.

Cầu mong đại lạc và hạnh phúc đến với các sinh loài.

Cầu mong tất cả đạt được Phật Quả giác ngộ.

Tôi cũng gặp dakini Laykyi Wangmochhe một lần nữa. Bà ban cho tôi lụa trắng, gạo, những bó nhang và những thức khác và tôi ở với bà một lát, Bà nói:

Cầu mong đại lạc và hạnh phúc đến với cô gái này.

Cầu mong không có chướng ngại cho cô gái này.

Cầu mong sự che chở và nương tựa cho cô gái này.

Cầu mong cô gái này có thể làm lợi lạc các sinh loài.

Sau đó tôi gặp vị phôi ngẫu linh thánh Mandarava một lần nữa. Một người đàn bà với vẻ mặt phẫn nộ rót một chất cam lồ trong giống như nước than từ bình bát của bà và đưa cho tôi. Đức Mandarava nói:

Cầu mong chúng sinh được phú tặng sự hạnh phúc.

Cầu mong họ thoát khỏi đau khổ.

Cầu mong họ không bao giờ xa rời hạnh phúc.

Cầu mong họ chứng ngộ tánh bình đẳng của mọi hiện tượng.

Kể đó tôi gặp rapa¹¹⁰ Namkha Odsal, Ngài nói:

Bồ Đề tâm quý báu:

Nơi đâu nó không phát khởi, cầu mong nó phát khởi.

Nơi đâu nó đã phát khởi, cầu mong nó không bao giờ suy giảm.

Mà tăng trưởng thêm, thêm nữa!

Om mani padme hung¹¹¹.

Sau đó tôi gặp dakini Yeshe Tsogyal. Bà cho tôi một chất lỏng màu hơi trắng giống như nhựa cây. Mặc dù Bà hát một bài ca nối kết với thần chú bao gồm danh hiệu của Đức Padmasambhava, nhưng tôi không viết ra đây. Bà cho tôi bài cầu nguyện tha thiết sau:

Cho cô gái Dawa drolma này,

trong thế giới phàm tục của cõi người,

trong lãnh vực của thị kiến bao gồm trong đôi mắt cô ta,
khi còn trong thân xác hữu hình:

Ở phương đông khi cô ta nhìn về phương đông,
cầu mong cô nhìn thấy một người gác cổng pha lê.

Khi cô nhìn về phương nam, hãy nhìn về phương nam,
cầu mong cô thấy một người gác cổng bằng vàng.

Khi cô nhìn về phương tây, hãy nhìn về phương tây,
cầu mong cô nhìn thấy một người gác cổng bằng san hô.

Khi cô nhìn về phương bắc, hãy nhìn về phương bắc,
cầu mong cô thấy một người gác cổng màu lam ngọc.

Khi cô ta hát một bài ca thần chú Kim Cương Đạo sư
cầu mong cô thấy Đức Padma Jungnay.

Khi tiệc cúng dường được cử hành ở đây
cầu mong cô gái tới viếng cõi giới này.

Cầu mong cô đưa dẫn những chúng sinh này, những kẻ có liên hệ với cô,
trong phạm vi vật lý hay ngôn ngữ¹¹²

tới lục địa Chamara.

Bà bảo tôi: “Hãy tới đây vào những ngày âm lịch khi những kết quả của
những hành động của chúng ta được nhân lên một trăm ngàn lần: những
ngày mồng mười, mười lăm và những ngày mười lăm và mồng một”.

Bà nói thêm: “Hãy khởi hành ngày hôm nay và đừng khóc lóc”, nhưng khi
Bà đi với tôi một trăm bước, Bà đã để mặc nước mắt tuôn rơi. Bà nhấn
mạnh: “Trừ một quãng ngắn ta đã đi hôm nay, nhưng thực ra ta chưa bao giờ

đi đâu hết”. Sau khi đi thêm 110 bước nữa, tôi nhìn lại Bà. Tôi đã quá quyến luyến, nhưng Bà gọi to: “Đừng buồn vì điều này”.

Đi xa hơn nữa, tôi lại tới trú xứ của dakini Wangmo. Một trong những người gác cổng dẫn tôi tới gặp bà. Do bởi mối liên hệ chặt chẽ của chúng tôi, tôi khóc òa lên vì sợ rằng chúng tôi sẽ phải chia ly và chính vị dakini cũng nhỏ ít dòng lệ. Bà cho tôi một nhúm hạt.

Bà nói: “Ta không được tự do đi hộ tống con, nhưng ta có một thông điệp cho con mang về. Không có lỗi làm gì trong việc con kiên quyết cắt đứt những ràng buộc của con với cõi người và đi tới đây. Nếu con thấy mình không thể thoát khỏi miệng một con cá sấu dữ tợn hay một con rắn độc hiểm¹¹³, hãy ném hạt này và nói: “Hạt này ném ra từ tay dakini Wangmo”.

Tiếp tục đi xuống, tôi được gặp và hộ tống bởi tám dakini, gồm cả Yul-lha, vị dakini ở vùng Derge đã nói ở trên. Khi chúng tôi thảo luận về sự tường thuật của tôi về cõi thuần tịnh, tôi cứ khóc mãi. “Bây giờ hãy nghỉ qua đêm”, bà nói. “Nếu ta có thể ban cho con một quán đánh về ba bốn tôn-Amitayus, Samyak và Vajrakilaya thì con, ôi dakini, đối với các tulku đặc biệt, các lạt ma, thiện tri thức và những terton hóa thân linh thánh đang ở trong cõi người bình phàm, con sẽ trở thành một dakini cao quý, bậc sẽ xua tan chướng ngại cho những cuộc đời trường thọ của các ngài”. Nhưng tôi không có thời gian để nhận lãnh quán đánh này.

Khi tôi tiếp tục, Đức Tara Trắng cảnh báo tôi chớ nói bất kỳ điều gì về các điềm xấu. Tôi lại tới hội kiến Đức Jamyang Khyentsei Wangpo. Với vẻ khoan thai từ tốn, dường như Ngài vui hơn lần trước và hơi mỉm cười. Ngài chấp tay hướng về phía tôi và Đức Tara Trắng nói những lời như sau:

Dù Ngài có chấp tay hay không,

dù Ngài có tin hay không,

tái sanh này của Đức Tara Trắng tôn quý

sắp đi tới cõi người bình phàm.

Đi xuống nữa, vị nhiếp chính Jampa Migyur gọi một đội hộ tống gồm năm dakini tới gặp tôi. Để xua tan nỗi sợ của tôi đối với những cư dân ở trong địa ngục, Ngài ban cho tôi một sợi dây ban phước có một chày kim cương được

khắc từ một miếng đá phiến và một cái nơ có hình dạng một con bò cạp khắc trên đá. Ngài tụng những lời ước nguyện chẳng hạn như bài bắt đầu bằng “Bồ Đề tâm quý báu...”¹¹⁴

Khi tôi tiếp tục, Đức Tara Trắng nói: “Con đã không mang theo người hộp châu báu của dakini bằng pha lê mà hai chúng ta định đem về, vì thế có ý nghĩa gì khi mang chiếc nơ đá này, là thứ không cần thiết?” và vì thế tôi bỏ rơi nó trên mặt đất.

Rồi ở chỗ khuất gió của một mặt tảng đá, tôi nhìn thấy một cõi thuần tịnh sinh ra từ đại nguyện, một cung điện rộng lớn bằng pha lê. Trên công phía đông là một cái khóa bằng pha lê có kích thước khoảng chiều dài tay áo tôi. Bên phải và trái trên chiếc công là hai hình ảnh của Đức Phật Amitayus. Giữa hai tấm hình tôi nhìn thấy thần chú mani sáu-âm được viết trong ba loại chữ, chữ này trên chữ kia: Tây Tạng, Lantza và Wardhu¹¹⁵. Ở đó vị dakini Yul-lha (là vị tôi đã gặp trước kia) và tôi gặp một cô gái thuộc gia đình Gya Chhagla tên là Adam. Cô ta và Yul-lha hết sức mừng rỡ, hôn và ôm nhau quanh cổ như những người trong thế giới phàm tục.

Trên một chiếc ngai cao trong cung điện là một lạt ma cao tuổi có bộ râu trắng. Ngồi nép một bên trên một cái ngai trước Ngài là Ashey Drolma, chị của cha tôi (Tromge Jigmed T’hrogyal). Một người đàn bà với mái tóc cột túm lên trong một chiếc khăn xếp đang đặt nhiều câu hỏi cho cả hai vị về những vấn đề liên quan tới giáo lý đạo Phật. Có khoảng hai mươi ngàn người đàn bà khác ở đó, cả nữ cư sĩ lẫn ni cô; tất cả đều cầm những chiếc đèn bơ bằng kim loại và hát tụng những lời ước nguyện.

Khi tôi tiến lại gần hơn, Ashey Drolma nói: “Hãy mang thông điệp sau đây tới cho Jigmed T’hrogyal: ‘chị đã tái sinh trong cõi giới của đại nguyện này. Cha mẹ chúng ta đều đã tái sinh tại Zangri Kharmar¹¹⁶, nơi họ đang làm lợi ích cho chúng sinh như những hành giả Kim Cương thừa đầy năng lực. Tên của em khi em còn nhỏ là Yudra Nyingpo; tên mà em được gọi bây giờ thì không rõ ràng đối với chị, nhưng em đã mắc phạm những hành động đức hạnh lẫn ác hạnh trong đời này. Trong khi không khó để thực hiện một sự pha trộn như thế gồm những hành động như một con người phàm tục trong vòng luân hồi, điều quan trọng là em đã có được sự sinh ra làm người ít nhất là một lần. Đã tới lúc để chứng ngộ tiềm năng của đời người này, vì thế hãy trì tụng thần chú sáu-âm và đừng quên thỉnh thoảng nhập thất. Khi ấy, không còn nghi ngờ gì là em sẽ được tái sinh trên núi Huy Hoàng ở tiểu lục địa Charmara ngay tức khắc khi từ giã cuộc đời này”.

Tôi cũng tụng những lời ước nguyện nhiệt thành.

Như thế, đây là linh kiến vắn tắt của tôi về núi Huy Hoàng. Tôi, một đứa con gái khiêm tốn của bộ tộc của Đạo sư Tromge, có tên là Dawa Drolma đã chết trong năm ngày và đã kinh nghiệm những linh kiến về núi Huy Hoàng, núi Potala và những cõi giới khác. Những tường thuật này không được thêm thắt bằng những ngôn từ bác học, không được tô điểm bởi văn thuật của thi ca kinh điển mà cũng chẳng có những vần điệu du dương thích hợp. Nhưng tôi cũng không làm cho những ngôn từ huyền diệu của các dakini trở nên khó hiểu.

Đây là những câu chuyện dông dài, không đầu không đuôi khùng điên của chính cô gái này, được hóa thân Nyag Trulpa¹¹⁷ ghi chép ngay khi tôi thuật lại chúng trên đỉnh Đèo Mani Tashi trong vùng T'hrom. Tôi xin sám hối với tập hội chư vị dakini và Hộ Pháp bất kỳ lỗi lầm nào bao hàm trong những câu chuyện đó và cầu mong công đức này khiến cho những ai nghe tới ngay cả danh hiệu của tôi và những ai nhiệt thành quan tâm tới những kinh nghiệm thuần tịnh linh kiến này được tái sinh trong núi Huy Hoàng trên tiểu lục địa Chamara.

May mắn, may mắn, may mắn!

Sarva mangalam – cầu mong mọi sự tốt lành.

---o0o---

2-NHỮNG QUÁN CHIẾU TRONG TẤM GƯƠNG PHA LÊ

SÁU CỠI BẤT TỊNH

Xin đánh lễ Đức Avalokiteshvara, đấng cao quý của thế giới

Ngàn cánh tay của Ngài là ngàn đại đế;

ngàn con mắt Ngài là ngàn vị Phật của thời đại may mắn này.

Ngài xuất hiện trong bất kỳ phương cách nào cần thiết để thuần hóa chúng sinh.

Con đánh lễ Đức Avalokiteshvara cao quý và siêu phàm.

Con đánh lễ Ngài, đáng che chở chúng con thoát khỏi tám nỗi sợ hãi;¹¹⁸

Con đánh lễ Ngài, đáng dẫn dắt chúng con trên con đường tới các cõi cao hơn;

Con đánh lễ Ngài, đáng đưa dẫn chúng con tới sự giải thoát.

Con đánh lễ Đức Tara, với Ngài mọi mối liên hệ đều có ý nghĩa.

Sắc thân vinh quang của các Ngài hợp nhất tất cả chư Phật;

Các Ngài là tinh túy đích thực của Đức Kim Cương Trì;

Các Ngài là cội gốc của Tam Bảo.

Con đánh lễ các bậc đạo sư.

Bằng sự kính lễ, cúng dường, sám hối,

hoan hỉ trước công đức của người khác, khuyến thỉnh các bậc thầy giảng dạy và khẩn cầu chư Phật hiển lộ trong thế giới,

bất kỳ đức hạnh nhỏ bé nào con có thể tích tập

con hồi hướng cho sự giác ngộ siêu việt vô song.

Giờ đây Kundun Rinpoche, bậc có linh kiến về Phật Pháp,

hai tulku cực kỳ quý báu¹¹⁹,

những bậc cha mẹ tốt lành đã sanh ra tôi, và những người khác

đã liên tục thúc giục tôi, cho tới khi tôi không thể phớt lờ họ,

và vì thế tôi viết ra những điều chỉ là một giọt nước trong đại dương.

Tôi, cô gái khiêm tốn này là Dawa Drolma,
đã phát khởi động lực thanh tịnh và đi vào cửa Pháp,
Tôi đã từ bỏ cách hành xử xấu xa và những hành vi ác hại, vô đạo đức.
Tôi đã cúng dường Tam Bảo càng nhiều càng tốt
và bố thí cho hành khất bất kỳ thứ gì tôi có thể.
Tôi đã làm bất kỳ tinh tấn nào để thực hành đức hạnh.
Khi đã vứt bỏ những thái độ xấu, tôi chỉ nỗ lực trong những cách thể bi mẫn.
Một số người nói: “Đây là một sự tái sinh may mắn”,
và tự đặt mình vào hàng ngũ những đệ tử trung thành và sùng mộ của tôi.
Những người khác nói: “Cô ta không phải là một vị trời cũng chẳng phải là
một quỷ ma”.

Dù họ giải thích cho tôi, nhưng khó coi những gì họ nói là sự thật.
Trong bất kỳ trường hợp nào, tôi là một cô gái ít ham muốn và nhu cầu.
Tôi không có những hy vọng được nổi tiếng.
Tôi không có sức mạnh để mang vác gánh nặng của một nữ anh hùng đang
tìm kiếm một địa vị cao ngất.
Tôi không khao khát của cải hay kiếm tìm để có được ngay cả một sợi chỉ.
Tôi không ước muốn thuyết giảng, và thiếu hẳn một cái miệng lanh lợi và
cái lưỡi dí dỏm.
Tuy nhiên, với tâm hoàn toàn thanh tịnh và vị tha
tôi có cảm tưởng rằng mình có thể ảnh hưởng tâm thức của một ít chúng
sinh,

và vì thế tôi sẽ bày lộ một con đường cao quý, không thể sai lầm và thẳng tắp.

Nếu các bạn coi nó như cái gì chân thật, thì đó sẽ là sự tốt lành vĩ đại nhất mà các bạn có thể làm cho chính mình.

Bởi bằng những chọn lựa đạo đức, các bạn bảo đảm hạnh phúc của riêng mình.

Vì thế, hãy chú tâm lắng nghe những lời này của tôi!

Đây là câu chuyện của tôi về sự chết và hành trình đi tới địa ngục.

Các đạo sư tôn kính ở địa vị cao,

những nhà cai trị với quyền lực và ảnh hưởng vĩ đại, an tọa trên những chiếc ngai của họ,

và những nhà bảo trợ giàu có, là những người tạo nên hạnh phúc và kho lẫm của cải vật chất –

khi họ chết và đi tới các cõi địa ngục,

không có vô số nhà sư tề tựu trong sự lộng lẫy, tráng lệ,

không có những cuộc duyệt binh với kiếm đao và các loại vũ khí,

không có những kho thực phẩm hay của cải để thực hiện những cuộc hồi lộ bí mật.

Địa vị cao ngất, sức mạnh và quyền lực tàn nhẫn,

của cải của người giàu, những thân xác yêu kiều đẹp đẽ,

sự hóm hĩnh tinh ranh và những lý lẽ thông minh

không thể làm khô khốc hay lừa gạt Thần Chết.

Có ai trong cõi người này sống mãi mà không chết?

Có ai không phải chia ly gia đình và bằng hữu?

Có sự thâu đạt của bất kỳ ai mà không bị bỏ lại đằng sau?

Có ai không rơi ngã từ một đỉnh cao tột vời?

Thật tốt cho tất cả các bạn nếu có những người như thế!

Mặc dù chúng ta nói về địa ngục như nơi nào xa xôi lắm, nhưng không phải thế.

Mặc dù chúng ta nói về bardo¹²⁰ như nơi nào khác để đi, nhưng không phải thế.

Cái chết lảng vảng bên mình như cái bóng của ta đi theo thân xác.

Nếu các bạn tỉnh giác về cái chết không thể tránh, các bạn là những người thông minh nhất trong tất cả.

Khi giờ chết đã tới, những bậc cha mẹ và con cái,

vợ chồng, thân quyến và bạn bè, của cải và tài sản đều như nhau

họ có hiến tặng cho các bạn lợi ích hay nơi nương tựa nhỏ bé nhất? Hãy nhìn và thấy đấy!

Họ điều làm ác độc to lớn nhất là gọi các bạn tới các cõi thấp¹²¹.

Như thế, điều gì là lợi lạc? Chính là Tam Bảo không thể sai lầm.

Nếu các bạn duy trì một tâm thức cao quý, đức hạnh và trì tụng thần chú mani sáu-âm,

các bạn sẽ không đi vào con đường dẫn tới những tái sinh ở các cõi thấp trong vòng luân hồi,

mà đạt tới trạng thái toàn giác không gì sánh.

Om mani padme hung hri.

Xin đừng thất bại trong việc ban cho chúng con sự nương tựa, Ôi các bậc đạo sư và Tam Bảo¹²².

Xin đừng ấn dấu lòng bi mẫn của Ngài, hỡi Đức Avalokiteshvara cao quý.

Xin làm những đấng bảo trợ nương tựa cho chúng con, hỡi các thiên nữ trắng và xanh¹²³.

Xin chỉ cho chúng con con đường đi tới giải thoát, Ôi các Đấng Chiến Thắng và những bậc kế thừa của các Ngài.

Om mani padme hung hri.

Trong bầu trời trống rỗng và mặt đất trống không của trạng thái bardo giữa cái chết và sự tái sinh,

ta không có cả cha lẫn mẹ để quay về nương cậy.

Trong chốn mê lương, xa lạ này,

chúng sinh phạm tục lang thang, tan nát trong tâm tưởng.

Om mani padme hung hri.

Giờ đây tôi sẽ nói về những kinh nghiệm linh kiến của tôi. Trong khi tôi, cô gái Dawa Drolma, đang vượt qua một hẻm núi xa lạ và khủng khiếp thì gặp Sherab Dronma, con gái của gia đình ông Raga Shag, một trong những bộ trưởng của chính phủ Lhasa. Bởi bà là một hóa thân của Đức bản tôn Vajravarahi nên tất cả những ai có quan hệ với bà qua việc chia sẻ hoặc thọ nhận những của cải hay thực phẩm từ bà sẽ được dẫn dắt tới cõi thuần tịnh ở tiểu lục địa Chamara. Vì thế, bà xuất hiện trong các cõi thấp của sự tái sinh và đã đưa dẫn khoảng một trăm triệu chúng sinh theo bà thoát ra ngoài. Khi tôi gặp bà, bà đang tụng hát thần chú mani với một âm điệu cực kỳ du dương, khơi dậy lòng tin đến nỗi những giọt lệ tuôn chảy trên đôi mắt tất cả những người hiện diện.

Thiên nữ cao quý Tara Trắng (vị bản tôn mà với Ngài tôi đã có mối liên hệ nghiệp riêng và Ngài đã dẫn dắt tôi trong nhiều đời) và Sherab Dronma đều hiển lộ trong những hình tướng có vẻ bình thường. Các vị cư xử với nhau

thật đầm thắm, giống như sự gặp gỡ giữa mẹ và con. Hơn nữa, Sherab Dronma còn xử sự với tôi trong cung cách có vẻ sùng mộ và tôn kính. Sau đó bà hát bài ca này:

Om mani padme hung hri.

Có năm con đường: trắng, đỏ, xanh dương, xanh lá cây và vàng.

Con, con gái, hãy biết rõ con đường nào để đi.

Đức Tara Trắng, xin dẫn dắt cô gái trên con đường đó!

Con đường màu trắng đi về phương tây dẫn tới Cõi Cực Lạc,
cõi thuần tịnh của Đức Phật Amitabha.

Con đường màu đỏ dẫn tới Chamara,
cõi thuần tịnh của Đức Padmasambhava.

Con đường màu xanh dương dẫn tới Núi Potala,
cõi thuần tịnh của Đức Avalokiteshvara cao quý.

Con đường màu xanh lá cây dẫn tới Yulokod,
cõi thuần tịnh của Đức Tara cao quý, tôn kính.

Con đường màu vàng dẫn tới Cõi Hoa thượng,
cõi thuần tịnh của vị nhiếp chính Jampa Gonpo.

Nếu con không thể quyết định theo con đường nào,
thì thật ít ý nghĩa trong việc lang thang trong bardo sau cái chết.

Con, Dawa Drolma, hãy biết rõ nơi phải đi.

Cầu mong con đến được cõi mà con tìm kiếm.

Ta là một hóa thân của Vajravarahi.

Không có những tái sinh trong trạng thái thấp đối với những ai có liên hệ với ta qua ngôn ngữ hay tiếp xúc.

Từ núi Huy Hoàng trong tiểu lục địa Chamara,

hãy đi tới thế giới của cõi người.

Cầu mong con được ban cho những sự ban phước để thực hiện con đường giải thoát.

Bà tiếp tục: “Con gái, con cần phải trở về cõi người. Nhưng chỉ mới mười sáu tuổi, năng lực tinh thần của con chưa phát triển đầy đủ, và khi đã tái sinh làm một người đàn bà, con sẽ có một chút uy quyền. Bởi chúng sinh trong những thời đại suy hoại này sẽ khó tin rằng những tường thuật của con là chân thật, sự lợi lạc mà con có thể đem lại cho họ sẽ bị suy giảm”. Nước mắt bà rơi lã chã bởi lòng trắc ẩn đối với tôi. Đức Tara Trắng, bậc đang dẫn dắt tôi trên con đường, có vẻ hơi phật lòng vì những lời này. Ngài trả lời:

Những cô gái thế tục bình thường và cô gái này thì không giống nhau,

bởi cô ấy là một hóa thân của Tara Trắng.

Cô ấy là một cô gái có tâm hồn đức hạnh.

Cô ấy là cô gái có lòng bi mẫn.

Cô ấy là một nữ anh hùng có tâm hồn can đảm.

Cô ấy là một dakini được chứng nhận trong tiên tri.

Cô ấy là cháu gái của bốn đạo sư.

Ngài Khakyod Wangpo bất nhiệm đã khởi hành tới Chamara trong một thời gian ngắn;

cô gái này đi tới cõi đó hy vọng gặp lại Ngài.

Cô ấy tới chốn này không chút quyền luyện với cha cô;

Cô ấy tới chốn này không chút quyến luyến với mẹ cô;

Cô ấy tới chốn này không chút quyến luyến với những vật sở hữu, thực phẩm hay tài sản;

Cô ấy tới chốn này không chút quyến luyến với bằng hữu hay các người phục vụ.

Không thể phân ly với bậc thống lĩnh Manjughosha¹²⁴,

bậc thống lĩnh bảo trợ, hóa thân hoạt động của một ngàn vị Phật,

là bậc thống lĩnh nương tựa, Đức Sakya Sodnam Tzemo vĩ đại¹²⁵.

Hóa thân của Ngài trong thân tướng của một thiện tri thức,

đạo sư Tromge Chhogtrul, nhập thể tuyệt hảo,

nỗ lực liên tục trì hoãn cô, Ngài nói: “Đừng đi!”

nhưng cô ấy không nghe và đi tới nơi này.

Cô ấy cũng gặp những cõi linh kiến thanh tịnh không thể suy lường.

Nếu cô ấy trở về thế giới con người,

cô có thể kể về những chọn lựa đạo đức trong việc chấp nhận những hành vi đức hạnh và từ bỏ những ác hạnh.

Cô ấy có thể chuyển tâm của chúng sanh.

Cô ấy có thể thành tựu vô số lợi ích cho họ.

Cô có thể nói về những linh kiến của cô trong những cõi này.

Cô có thể viếng thăm cõi giới này một lần nữa.

Vì thế không cần đối xử với cô ấy với lòng trắc ẩn,

và bà không nên cảm thấy buồn đau trong lòng.

Rồi chúng tôi tiến lên.

Trong công vào lối đi dài và ghê sợ của bardo là Đạo sư Gyajam, một đệ tử thân thiết của Tromge Kundun Rinpoche. Tóc Ngài bới lên thành một búi, và Ngài khoác một khăn choàng và mặc một hạ y bằng vải trắng. Mặc dù tôi rất mong được gặp Ngài, nhưng chúng tôi không tiếp xúc và không bao lâu tôi tiếp tục đi. Tôi hỏi bà mẹ bi mẫn của Đấng Chiến Thắng: “Vị lạt ma đó của chúng ta, ngài Gyajam chứng ngộ - Ngài từ đâu tới, từ hướng nào? Và với mục đích gì?”

Các thiên nữ Tara Trắng và Tara Xanh trả lời:

Bậc chứng ngộ và hết sức cao quý đó được đặt tên theo Đức Manjughosha¹²⁶

đã nương tựa một đạo sư nhân từ và cực kỳ bi mẫn.

Bởi mối liên hệ nghiệp của Ngài sâu đậm, Ngài đã phát triển sự chứng ngộ toàn hảo;

bởi sự tinh tấn của Ngài lớn lao, Ngài đã thực hành Pháp thật dũng mãnh;

bởi lòng bi mẫn của Ngài vĩ đại, Ngài đã tới giảng dạy Pháp trong bardo.

Om mani padme hung hri.

Lại thêm những điều để kể: Hàng năm chúng sinh bị cuốn lên giống như một trận bão tuyết; hàng ngàn chúng sinh nữa rớt xuống như một trận mưa tuyết dày đặc. Họ kêu khóc, tiếng kêu như âm thanh của một ngàn con rỗng. Nước mắt như một trận mưa rào dài một năm tuôn ra từ đôi mắt họ. Từ đỉnh đèo cát giữa sự sống và sự chết xuống tới những cánh đồng sắt nóng đỏ rộng lớn trong các địa ngục, chúng sinh nhiều vô số kể, như những hạt cát trong đại dương. Họ không được nghỉ ngơi hay rảnh rỗi, giống như những cừ cái lẫn lộn với cừ non¹²⁷. Nỗi khổ của họ không thể đo lường được, giống như nỗi khổ của một con cá trên đất khô. Như người cố leo lên một đồi cát, họ không có cơ may để trốn thoát. Như người bị ném vào lò lửa, họ không có phương tiện để chịu đựng. Như người có ảo giác nhìn thấy nước, họ kinh nghiệm những hình tướng lầm lạc theo nghiệp của họ. Các thiên nữ bi mẫn và cao

quý, xin đưa dẫn những chúng sinh này là những người đang kinh nghiệm nghiệp quả thật hỗn loạn!

Om tare tuttare ture soha.

Trên một cánh đồng trống và rộng lớn trong bardo, Lozang Drolma, con gái của Tromge Kundun Dargyay, đang lang thang. Nỗi khổ của cô không quá lớn cũng không quá nhẹ nhàng. Cô trao cho tôi thông điệp sau đây để thuật lại:

Hãy nói lại điều này cho những người trong gia đình tôi:

Nếu cha mẹ thực cảm nhận rằng con gái của mẹ đang đau khổ,

thì một lần duy nhất trì tụng thần chú mani sẽ có lợi ích to lớn.

Nếu cha mẹ có thể thu xếp để trì tụng Kinh Giải Thoát,

càng nhiều càng tốt thần chú mani,

và Tantra Sám Hối Bất nhiễm,

thì con có thể từ bỏ thân bardo này

và đạt được tái sinh như một con người với samaya trong sạch¹²⁸.

Với một tấm lòng bi mẫn, tôi lớn tiếng tụng thần chú sáu-âm cho cô từ xa, và cô ấy ra đi, bị cuốn dạt như một chiếc lông chim trong gió.

Trên đèo cát rất cao giữa sự sống và sự chết, là một cánh đồng cực kỳ hoang vắng, thảo nguyên bao la xám xịt của sự chết. Con sông người chết có một màu nâu ngàu đục, không có chỗ cạn, chỉ có những con sóng tung cao thật dữ dội. Chiếc cầu sáu-nhip dễ sợ làm tôi ớn lạnh. Những sứ giả kinh khủng của Yama, Thần Chết, thì cực kỳ hung dữ và phàm ăn. Không có tới một vị bảo trợ trong xứ sở của người chết, chúng sinh ở đó thật bơ vơ, không nơi nương tựa!

Om mani padme hung hri.

Aga, con dâu của gia đình Gyaten xứ T'hromt'hog, ở trong con sông nâu không có chỗ cạn của người chết đó, phải chịu nỗi khổ không thể tưởng tượng nổi. Đây là hậu quả sau cùng của việc cô đã cúng dường trà bất tịnh cho tập hội nhiều nhà sư. Tôi hát thần chú mani và với một mũi tên có trang trí dải ruy băng, Đức Tara đã cứu thoát cô, kéo cô ra khỏi con sông nâu hung dữ.

Tôi tiếp tục đi xuống một nơi khủng khiếp. Không có ánh sáng, mà chỉ là bóng tối âm đạm đến nỗi tôi chỉ có thể nhìn thấy khoảng một cánh tay trước mặt. Từ trên cao, một trận mưa đổ xuống. Mặt đất bị bao phủ bởi sắt nóng. Kim loại nóng chảy tràn ngập mọi hướng và đủ loại vũ khí rải đầy khắp nơi. Xác chúng sinh chết cao khoảng một trăm sải (1 sải = 1,8m), da họ màu đen như mực. Họ kêu thét một âm thanh inh tai nhức óc không dứt, giống như trăm cừu mẹ gặp được trăm cừu con của chúng, “Trời ơi! Than ôi! Ôi khổ tôi chưa! Chao ôi! Ôi Cha ơi! Ôi Mẹ ơi! Cứu con! Ôi, nóng quá!”

Sự xuất hiện hỗn loạn và khủng khiếp này dường như rải rác ở một địa điểm nào đó.

Ở giữa một cánh đồng bao la khác sừng sững một cái ngai sắt màu đen có kích thước của một tòa nhà ba tầng. Ngự trên đó là Dharmaraja¹²⁹, Thần Chết. Thân tướng ông màu nâu pha đỏ tía đậm, trông thật khủng khiếp, hung nộ và dữ tợn. Đôi mắt ông sáng rực như mặt trời và mặt trăng, đỏ ngầu và lóe sáng như tia chớp. Có những mụn cóc trên má và những chỗ khác trên mặt ông. Ở phần thân trên, ông khoác miếng da sống của một con voi, quanh thắt lưng là miếng da lột của một con người, quần quanh phần thân dưới là hạ y bằng da cạp. Ông tô điểm bằng quần áo lụa cùng nhiều món trang sức bằng xương và châu báu. Trên đầu đội một vương miện làm bằng năm đầu lâu khô. Trong bàn tay phải, ông ôm một bảng định mệnh có vẽ các vạch chéo song song, trong bàn tay trái là tấm gương nghiệp quả¹³⁰. Ông ngồi trong tư thế xếp chéo chân. Vẻ rực rỡ phát ra từ thân ông làm chói mắt không thể chịu nổi.

Trước mặt Yama là Ác Ý, một thuộc hạ có đầu của một con rắn đang cầm một tấm gương. Bên phải Yama là Kiêu Ngạo với cái đầu sư tử, cầm cái trống tòa án. Phía sau Yama là Định Mệnh với cái đầu khí, cầm một cái cân. Bên trái Yama là Awa Đầu-Bò, cầm những cuộn giấy. Xung quanh họ có vô số hàng triệu thuộc hạ của Thần Chết hóa thân trong những hình dạng có đầu của vô số thú vật.

Đức Tara và tôi, cô gái, cùng thực hiện ba lễ lạy và dâng bài tụng ca tán thán sau đây:

Nếu nhận ra được, thì chính là đây - bồn tắm của ta;

nếu không nhận ra, thì đó là Thần Chết phần nộ vĩ đại.

Thực ra đây chính là Đấng Chiến Thắng, Pháp Thân Samantabhadra (Phổ Hiền).

Chúng con đánh lễ và tán thán dưới chân Dharmaraja.

Nếu nhận ra được, thì đó là Đức Phật Vajrasattva (Kim Cang Tát Đỏa);

Nếu không đó là Ác Ý với đầu của một con rắn.

Thực ra đây chính là tâm giác ngộ, với sự sân hận hoàn toàn được tịnh hóa.

Chúng con đánh lễ và tán thán vị thuộc hạ vĩ đại cầm một tấm gương.

Nếu nhận ra được, thì đó là Đức Phật Ratnasambhava (Bảo Sanh);

nếu không, đó là Kiêu Ngạo với đầu sư tử.

Thực ra đây chính là tâm giác ngộ, với sự kiêu ngạo hoàn toàn được tịnh hóa.

Chúng con đánh lễ và tán thán vị thuộc hạ vĩ đại cầm một cái trống tòa án.

Nếu nhận ra được, thì đó là Đức Phật Amitabha (A Di Đà)

nếu không, đó là Định Mệnh với cái đầu khi.

Thực ra đây chính là giác ngộ, với sự tham luyến hoàn toàn được tịnh hóa.

Chúng con đánh lễ và tán thán vị thuộc hạ vĩ đại cầm một cái cân.

Nếu nhận ra được, thì đó là Đức Phật Amoghasiddhi (Bất Không Thành Tựu);

nếu không đó là Awa Đầu-Bò.

Thực ra đây chính là tâm giác ngộ, với sự gan tị hoàn toàn được tịnh hóa.

Chúng con đánh lễ và tán thán vị thuộc hạ vĩ đại cầm những cuộn giấy.

Các ngài biết rõ đức hạnh hay điều xấu ác, những thuộc hạ phần nộ của sự chết này.

Cầu mong những chúng sinh đó, là những kẻ không hoàn tất điều gì, không tích tập nghiệp xấu.

không bị dẫn vào những con đường không lối thoát và không thể chịu đựng,

được tái sinh trong một cõi thuần tịnh không lỗi lầm và không sợ hãi.

Dharmaraja hơi mỉm cười và trả lời: “Cô con gái có biện tài từ cõi người, cô đã tích tập loại nghiệp tích cực, thiện lành nào? Cô đã tích tập loại nghiệp tiêu cực, xấu ác nào? Hãy nói thật trung thực, bởi nói dối sẽ không ích lợi gì!”

Đức Tara Trắng đứng lên, lạy Dharmaraja ba lạy và nói: “Thay mặt cô gái này, tôi có vài điều muốn nói”.

“Tốt lắm”, ông trả lời.

“Cô gái này là con gái của gia đình Lạt ma Tromge” bà nói. “Về đức hạnh, cô ấy cúng dường bất cứ điều gì có thể cho Tam Bảo, coi Tam Bảo là bậc trưởng thượng của cô. Cô có lòng đại bi và không coi thường những người xấu, những người hành khát như người dưới của cô. Cô rất rộng lượng, thừa Ngài. Mặc dù bản thân cô không thực hành Phật Pháp nhiều, cô làm cho những người khác thực hành và khuyến khích họ sống đức hạnh. Cô luôn luôn có đức tin, lòng sùng mộ và Bồ Đề tâm to lớn. Cô không bao giờ mắc phạm dù chỉ một hành vi ác hại hay phi-đạo đức, thừa Ngài”.

Khi bà trình bày xong, Yama nói: “Tốt, nào! Thuộc hạ đầu-rắn sẽ nhìn vào tấm gương của ông xem điều này có đúng sự thật không”.

Thuộc hạ đầu-rắn chăm chú nhìn vào tấm gương và nói: “Hình ảnh giống như mặt trời lộ ra từ sau đám mây”. Thuộc hạ đầu-sư tử đánh cái trống tòa

án và phát biểu: “Âm thanh thật du dương”. Thuộc hạ đầu-khỉ đặt các vấn đề lên bàn cân và tuyên bố: “Đức hạnh của cô ta hoàn toàn trôi vọt; hầu như chỉ có hơn một hoặc hai hành động xấu”. Cuối cùng, thuộc hạ bảo vệ đầu-bò liếc nhìn những cuộn giấy và nói: “Một phút thôi! Cô có phạm vài hành động xấu, như đập vỡ trứng chim trên mặt đất hoặc tỏ lộ tánh khí quá ngang bướng, phải không?”

Nghe những điều này, Dharmaraja cười khúc khích và nói: “Ồ, thế à! Tốt, con gái ta, mặc dù con là một người đầy lòng bi mẫn, nhưng lỗi lầm của những người xấu thì thật nặng nề. Nếu ta trừng phạt một số người và tha thứ những người khác, thì với tư cách là một vị vua có quyền lực đối với những ác hạnh, ta sẽ phải chịu những hậu quả của sự sao lãng nhiệm vụ. Vì thế, bây giờ ta sẽ gọi con trở về cõi giới của con một lần nữa, nhưng con nên sám hối những hành vi xấu của con và cẩn thận giữ gìn đức hạnh chừng nào con có thể. Hãy giữ trong tâm những cảnh tượng của địa ngục, những thông điệp từ những người quá cố, và những lời khuyên này của Dharmaraja. Con cũng hãy thuật lại các điều này cho những người khác và khuyến khích mọi người thực hành đức hạnh”.

Nhìn xung quanh, tôi thấy một cô gái tên là Bilima ở miền Zurpa. Một con rắn đen to mập như thân cây thông quấn quanh người cô từ đầu tới chân như thể cô đắp một cái mền. Những thuộc hạ của Yama la hét và rống lên: “Ha, ha!Ồ, ồ!” tạo nên một âm thanh inh tai nhức óc. Nước mắt cô đầm đề như đại dương, và tôi nghe tiếng cô kêu khóc: “Ôi, Cha ơi, Mẹ ơi, cứu con!”

Vị thuộc hạ la lớn:

Ồ đưa con gái tội lỗi giết những con rắn,

Kêu réo cha mẹ mi thì chẳng có ý nghĩa gì.

Đây là hậu quả của những hành động bản thân mi đã phạm.

Sẽ không thể thoát khỏi trong một ngàn kiếp!

Đây là kết quả sau cùng của việc cô giết một con rắn trong khi thu hoạch lúa mạch trong cánh đồng. Bà mẹ già của cô lo sợ những hậu quả của hành động này và nói với cô: “Con quý cái, đừng kêu la nữa – hãy sám hối hành động này!” cô gái đã cười phá lên và sự tái sinh này kết quả.

Cũng có một cô gái tên là Palkyid ở quận Nyagrang. Những thuộc hạ của Yama đã đặt một cái rây bằng sắt trên đầu cô, qua đó họ đổ chất kim loại đỏ rực, nóng chảy và sôi sùng sục từ đầu tới chân cô. Với những âm thanh xèo xèo, xương thịt cô bị đóng dấu bằng sắt nung và bị thiêu đốt. Cô thút thít, không thể khóc lớn tiếng. Những thuộc hạ la hét: “Ồ đứa con gái tội lỗi, trong thế giới con người phạm tục, mi đã la cà bên ngoài khu vực tu hành của một hội chúng tu sĩ, bắt đầu mỉm cười và tán tỉnh họ. Gấu áo quần của mi làm tung bụi đất. Một nhà sư nói: “Đừng cư xử như vậy – đừng tích tập nghiệp xấu!” Nhưng mi không nghe ông ấy và điều đang xảy ra cho mi bây giờ là hậu quả sau cùng của việc mi phá rối những thành viên này của tăng đoàn. Trong một ngàn kiếp, mi sẽ không có cơ may thoát khỏi”.

Bà mẹ bi mẫn của các Đấng Chiến Thắng vung vẩy mũi tên có trang trí dải ruy băng lụa; tôi, cô gái, đã tụng thần chú mani du dương như một giai điệu. Thoát khỏi trạng thái thấp đó, Palkyid tái sinh trong cảnh giới mà cô cầu nguyện, nhưng dường như cô vẫn còn phải chịu một vài hậu quả do các hành động của mình.

Om mani padme hung hri.

Sau đó tôi thấy một người đàn bà già ở miền Tro, tên là Anag. Khi kim loại nóng chảy sôi sục được đổ vào miệng bà, thân bà ta vỡ tung ra từng mảnh từ đầu tới chân. Bà chịu đựng loại đau khổ này liên tục không ngừng nghỉ. Tôi được cho biết hậu quả này là bởi bà đã đầu độc một vị lạt ma¹³¹.

Dingla ở vùng Aso, Khargya và những người khác – thực ra phần lớn những người ở vùng đó – đang lang thang trong bardo. Rinchen Dargyay cũng lang thang vợ vẫn ở đó. Một người tên là Nyima Holeb bị tái sinh trong Địa ngục Sống lại¹³². Cũng có khoảng mười người ở Aji. Một số đã bị tái sinh trong các cảnh giới địa ngục, một số thì ở các cảnh giới preta¹³³.

Trong số họ có một người tên là Abo có một cái đầu to như một cái bình đất sét lớn và thân mình bị biến dạng trông thật khủng khiếp. Miệng ông ta nhỏ như lỗ kim và thực quản bằng bề rộng của một sợi bươm ngựa, trong khi bao tử thì lớn bằng cả một thành phố. Móng tay ông đâm thủng các năm tay nắm chặt của ông ba lần. Ông không tìm được thức gì để ăn; những lưỡi lửa trào ra khỏi miệng. Ông ra đang phải chịu nỗi khổ không thể tưởng tượng nổi.

Tôi hỏi: “Hành động nào dẫn tới nỗi khổ của người này?” Tôi được kể lại rằng ông ta không bao giờ cúng dường Tam Bảo là những bậc trưởng

thượng của ông, và đối xử thiếu nhân từ với chúng sinh ở các trạng thái thấp là những kẻ dưới ông. Ông luôn luôn cúng dường một số lượng nhỏ bé và do sợ cạn kiệt lương thực, ông ta chỉ dâng cúng sự tham lam.

Một người quen của tôi tên là Atar thuộc gia đình Tampa xứ T'hromt'hog cũng ở đó. Thông điệp của ông ta gửi cho mẹ và thân quyến là: “Xin đừng từ bỏ những thực hành đức hạnh, sự trì tụng thần chú mani và nghi thức của Đức Phật Akshobhya¹³⁴, cùng sự quyên cúng cho tập hội đông đảo các nhà sư”.

Tashi Dondrub thuộc gia đình Nag cũng tái sinh ở đó và trải qua nỗi khổ ghê gớm. Tôi hỏi bạn đồng hành của tôi là Đức Tara: “Người này đã phạm hành động nào mà phải chịu hậu quả này?”.

Ngài đáp: “Không giữ gìn các hứa nguyện samaya của mình, hành động với sự ích kỷ kiêu căng, nghĩ tưởng rằng: “Có phải ta sẽ được cái này?” và “Ta sẽ kiếm được cái kia chăng?”

Ông ta trao cho tôi thông điệp gửi về gia đình: “Vì lợi ích của tôi xin hãy trì tụng bảy mươi triệu lần thần chú mani và Kinh Giải thoát, hãy sám hối những hành động có hại của quý vị, và hãy dâng những lời cầu nguyện hồi hướng trong tập hội đông đảo”.

Gyashod Atsang bị tái sinh trong một cõi ngạ quỷ (preta). Vô số không thể nghĩ bàn những người khác, những người tôi quen biết lẫn những người không quen cũng bị tái sinh ở đó. Cõi giới này thì thật khủng khiếp. Các chúng sinh hết sức tuyệt vọng bởi họ không sao tìm được thứ gì để ăn hay uống. Tóc họ dựng đứng lên, thân thể gầy mòn, miệng giống như lỗ kim, cổ họng như những sợi bươm ngựa, bụng lớn như toàn thể xứ sở, và chân tay thì như những cọng cỏ. Móng tay rất dài, đâm thủng bàn tay họ chín lần.

Phần lớn trong số đó, có trong bàn tay chút nước bọt mà Đức Jamyang Khyentsei Wangpo hồi hướng cho họ¹³⁵, nhưng họ phải trải qua hàng trăm hay hàng ngàn năm trước khi có thể mở miệng và liếm tí chút nước bọt ấy. Họ không tìm thấy bất kỳ sự nhân nhã nào ngoại trừ giây phút nghỉ ngơi ngắn ngủi này. Trong nỗi đau khổ của họ, họ đồng thanh kêu khóc: “Tôi sẽ ăn cái gì? Tôi sẽ uống cái gì? Tôi đói! Tôi khát! Trời ơi, trời ơi! Than ôi!”

Quân lính bảo vệ cõi preta bày ra nhiều loại món ăn và của cải, rồi cầm những lưỡi gươm sắc nhọn trong tay và nhìn trừng trừng trông thật hiểm ác.

Bị dồn ép bởi đói khát, những preta tới ăn cắp thực phẩm và nước uống này, nhưng chỉ khiến cho thân xác họ bị những thanh gươm này đâm chém làm họ kêu khóc thật hoảng loạn.

Các bán thần phải trải qua nỗi khổ dữ dội trong cuộc chiến đấu với các vị trời trên những dốc núi Tu Di¹³⁶. Họ ganh tị không thể chịu đựng nổi trước sự tráng lệ và của cải trong các cõi trời cùng trò nô đùa ve vãn của các thiên nữ đang ca hát và nhảy múa, nhưng họ chỉ gánh chịu sự đau khổ không tưởng tượng nổi bởi thất bại trước các vị trời. Các vị trời ném đĩa có các đinh nhọn, cũng như các mũi tên và chĩa ba, và sử dụng những con voi say có những vũ khí hình bánh xe được trang bị ở cuối thân voi. Các bán thần trải qua những đau khổ không thể nghĩ bàn khi bị giết chết hay bị thương tích. Họ cũng chiến đấu ngay trong nội bộ của họ, với những âm thanh inh tai “Giết, giết!” và “Đánh, đánh!” vang dội như tiếng gầm của một ngàn con rồng.

Ngay cả bản thân tôi cũng kinh hoàng trước những gì được chứng kiến trong cảnh giới đó. Đối với việc ném mạnh một trái trứng chim trên mặt đất, tất nhiên là tôi phải kinh qua mọi loại khí giới; nhưng tôi đã nhất tâm khẩn cầu Bồ Tát của lòng bi mẫn và vị thiên nữ tôn kính và hát tụng thần chú sáu-âm ba lần, và rồi dường như đối với tôi, những âm thanh dần dần trở nên dịu đi.

Khoảng năm ngàn người ở vùng Chamtring và một số không rõ những người Trung Quốc tái sinh trong cùng cảnh giới này. Dường như cũng có nhiều nhà quý tộc, nổi bật nhất trong số đó là Lozang Tendzin, một vị tướng miền Chamtring. Một số đông người không thể tính xuể bị tái sinh ở đó, trong đó có gia đình Wanggyal và bộ tộc Dugtza, phần lớn họ đã chết vì đao.

Đi xa hơn nữa, trong một công viên đầy hoa, tôi tìm thấy một vị trời hết sức già, không chịu đựng điều gì ngoài sự đau khổ. Vài người bạn tới gần, ném những vòng hoa lên người ông và nói: “Ngay khi ông rời bỏ thân xác, cầu mong ông được tái sinh trong cõi người, thực hành mười loại thiện hạnh[20], và một lần nữa được sanh vào cõi trời này”. Cùng với lời nói đó, họ tung rải những bông hoa. Ông đã phải chịu nỗi khổ không thể tưởng tượng nổi, như thể trái tim ông vỡ tung ra và thân xác thì tan thành cát bụi.

Sự trường thọ của đời một vị trời có thể được đo lường từ sự kiện là khoảng bảy ngàn năm của con người chúng ta chỉ bằng một tuần lễ đối với họ. Một tuần trước khi chết, họ trải qua những đau đớn mà mức độ dữ dội thì vượt xa những đau khổ trong địa ngục khủng khiếp nhất của sự hành hạ không

ngừng dứt. Khi nghiệp của họ cạn kiệt, do các niệm tưởng bị hư hỏng bởi những cảm xúc như sự kêu ngạo, họ thực sự nhìn thấy nơi tái sinh trong tương lai của mình ở một cõi thấp. Điều ấy làm họ đau khổ ghê gớm hơn việc tự vẫn bằng cách tự ném mình vào hầm lửa lộ thiên.

Om mani padme hung hri.

Tôi tiếp tục đi và gặp Kardo thuộc bộ tộc Gestsay trong một cõi địa ngục. Ở đó, trong một căn nhà bằng sắt đồ sộ có kích thước to lớn, ông ta đang thu thập đất, đá, cỏ và gỗ (mặc dù tôi nghi ngờ về sự cần thiết của những hành động của ông), và đặc biệt là lam ngọc, san hô, pha lê, đá lưu ly, vàng và bạc. Rồi các thuộc hạ của Yama chất đống tất cả của cải cùng đất đá lên đầu ông. Ông kêu khóc trong đau đớn. Dù cố trốn thoát ở đâu, ông cũng bị chặn giữ lại. Sau đó, phải nhìn những viên đá và kim loại quý bị rải rắc như những lông chim trong gió, một lần nữa, lòng ông đau khổ dữ dội. Rồi lại như lần trước, ông thu thập của cải và thực phẩm và lại bị chúng đè bẹp, và vì thế ông phải chịu đựng trong từng giây phút những hình thức đau khổ luân phiên này.

Tôi hỏi: “Đây là hậu quả của hành động nào?”

Đức Tara nói với tôi: “Đây là hậu quả của việc ông ta thêm muốn tất những gì ông để mất tới, hậu quả của việc ông có ác tâm với mọi người ông nghe nói, hậu quả của việc ông không có gì ngoài những tà kiến về mọi sự ông nghĩ tưởng tới. Đây là hậu quả của việc không thực hành đức hạnh, mà dấn mình vào những hành động phi đạo đức và có hại, kể cả việc đeo một mala (chuỗi hạt) trong khi bị phóng tâm bởi chuyện ngồi lê đôi mách và trò chuyện tâm phào không đâu”.

Kardo trao cho tôi thông điệp này để mang về: “Với Tsagdi, con dâu trong gia đình tôi, tôi nói: ‘mặc dù con trang điểm bằng mã não và san hô, điều này không tốt cho cha. Con không thương xót cha sao? Con đã không thỉnh cầu một đạo sư duy nhất để tạo mối liên hệ với cha bằng cách hồi hướng tài sản của con nhân danh cha. Không gì lợi ích cho cha hơn nghi lễ tẩy tịnh của Đức Phật Akshobhya, bồn tôn trong cổng phía nam của mạn đà la của Đức Phật Vairocana”’.

Tôi trì tụng thần chú mani và trong chốc lát ít ra ông ta đã có thể nghỉ ngơi. Nhưng cũng như trước đó, ông bắt đầu phải chịu đựng những tri giác lầm lạc của mình.

Thêm vào đó, có nhiều lạt ma (đạo sư) và nhiều sư trong một ngôi nhà trông-đẹp để làm bằng sắt. Mặc dù thoát đầu họ có vẻ khá hòa nhã, bỗng nhiên tâm họ trở nên rối loạn và cùng lúc đó họ bắt đầu la hét một ngôn ngữ góm ghiếc. Trong sự hoài nghi, tôi tới gần và thấy lửa phun ra từ miệng họ, khói thoát ra từ lỗ mũi và những chiếc cửa sắt kêu rì rầm trên đỉnh đầu họ. Khi tôi hỏi họ hành động nào đã dẫn tới hậu quả này, họ trả lời là họ đã nói chuyện tầm phào trong các nghi lễ được cử hành cho tín đồ (cả người sống lẫn người chết), trong khi kết giao với những hành giả đang hoàn thành những thực hành bốn tôn theo nghi thức và trong khi dự những nhóm hội trong đền thờ của họ. Họ đã làm gián đoạn việc thiền định của người khác bằng cách nói luôn miệng, cãi cọ trong những tiệc cúng dường và tạo nên một âm thanh chói tai.

Một người hành hương du phương xuất hiện mặc quần áo rách rưới tả tơi và cầm một cây cờ cầu nguyện¹³⁷. Yama Dharmaraja hiện ra với thuộc hạ của ông, biểu lộ sự vui thích và nói: “Lợi lạc to lớn biết bao cho Phật Pháp! Và không có gì vĩ đại hơn Pháp cao quý của một lá cờ cầu nguyện. Những lá cờ cầu nguyện là cội gốc của Pháp. Thần chú mani là tinh túy của Pháp. Thần chú siddhi đem lại sự giải thoát từ lối hẹp của bardo¹³⁸. Nghi lễ chay nyungnay là bậc thầy chỉ rõ con đường đi tới giải thoát. Những hòn đá một trăm ngàn thần chú mani là vòng hoa của Pháp¹³⁹. Hành vi cứu giúp những sinh mạng là cỗ xe của con đường. Việc đúc các satsa là cách chặn đứng sự tái sinh trong các cõi thấp¹⁴⁰. Đi hành hương là cây chổi quét sạch những hậu quả của các ác hạnh. Bày tỏ sự tôn kính bằng những lễ lạy tiết trừ các lỗi lầm. Tara là nguồn mạch bên ngoài của sự nương tựa (quy y). Sự tích tập công đức và giác tánh nguyên sơ (trí tuệ) là lương thực dự trữ cho những đời sau. Lòng bi mẫn là trục chính của Giáo Pháp. Vì thế, con ta, hãy vui vẻ đi tới Potala”.

Người hành hương đi qua, dẫn khoảng một ngàn chúng sinh có liên hệ với ông qua ngôn ngữ hay tiếp xúc.

Om mani padme hung hri.

Đức tôn kính Tara nói với tôi:

Những kẻ không bỏ nón khi một vị lạt ma bước vào trước sự hiện diện của họ,

đã có một thời họ từng phải trải qua những địa ngục sẽ tái sinh làm con cừu hoang.

Những kẻ không đứng dậy và vẫn đứng khi các nhà sư bước vào trước sự hiện diện của họ,

đã có một thời họ từng phải trải qua những địa ngục sẽ tái sinh làm những người què.

Những kẻ không cúng dường đèn bơ tinh sạch sẽ tái sinh trong hầm lửa.

Những kẻ bước lên hay để quần áo trên ba biểu tượng của Châu báu¹⁴¹

sẽ tái sinh làm những người câm hoặc làm những con sâu dơ bẩn.

Những kẻ khắc nhỏ hay hỉ mũi trong các chùa miếu

sẽ tái sinh trong Địa ngục Đầm lầy Tử thi Rữa nát.

Những kẻ ăn thịt từ một con vật bị giết trong cùng ngày mà không tịnh hóa hành động đó bằng sự sám hối,

sẽ tái sinh làm những quỷ ma khát máu.

Những kẻ ăn bám vô dụng biển thủ tài sản của Tam Bảo

sẽ tái sinh làm các preta (quỷ đói) hoặc những lính canh trong các cõi preta.

Những kẻ uống rượu không được hiến cúng

sẽ tái sinh trong Địa ngục Kêu khóc.

Những kẻ sử dụng những ghế ngồi của tăng đoàn xuất gia,

sẽ tái sinh trong các địa ngục nhất thời.

Sự lấy đi các lễ phục từ ba loại biểu tượng,

sự biển thủ phóng túng tài sản của tăng đoàn,

và đặc biệt là trộm cắp tài sản chung của tăng đoàn,
sự cướp đoạt hay đánh đập các hành giả trong ẩn thất cô tịch –
những hành vi này đưa tới sự tái sinh trong tám địa ngục lạnh.

Những kẻ tích tập nghiệp bằng năng lực của sự sân hận
sẽ tái sinh làm các chúng sinh trong địa ngục;

những kẻ tích tập nghiệp bằng sự tham lam, sẽ tái sinh làm các quỷ đói;
tích tập nghiệp bằng năng lực của sự ngu si, tái sinh làm súc sinh.

Cầu mong những chúng sinh trải qua ba cõi thấp
được tái sinh ở Núi Patala.

Om mani padme hung hri.

Cũng có nhiều người ở bộ tộc Gyashod. Ở giữa cây cầu sáu nhịp trên con sông màu nâu không có chỗ cạn của người chết. Gonpo Dargyay bị xích lại, không hy vọng được giải thoát. Khói xuất hiện trên da thịt ông khi bị đốt cháy và ông phải chịu nỗi đau khổ không tưởng tượng nổi. Những thuộc hạ trong các địa ngục, với các đầu sư tử và nai đực, đang canh giữ ông. Ông nói rằng thần chú mani sẽ là một phương tiện để tịnh hóa nỗi khổ và những lỗi lầm của ông và sẽ hết sức lợi lạc nếu có ai nhân danh ông sám hối những ác hạnh của ông.

Tôi hỏi Đức Tara là những hành động gì dẫn tới hậu quả này. Ngài trả lời: “Khi ông ta là một nhà cai trị trong vùng, ông đã không phân phát của cải và thực phẩm hoặc không xét xử đúng đắn, và ông hành xử với ác ý”.

Thợ săn nai Tsewang Gonpo đang ở trong Địa ngục Sống lại. Ông nói rằng ông sẽ được giải thoát nếu có ai khắc vào đá Kinh Giải Thoát, hành động đó tịnh hóa những hậu quả của ác hạnh. Tôi hỏi những hành động nào dẫn tới hậu quả này, Đức Tara đáp: “Bởi giết hươu nai vô tội”.

Tashi Wangkhyug đang đau khổ trong Địa ngục Sợ chỉ Đen. Ông giao cho tôi một thông điệp để mang trở về: Nếu nhân danh ông ta mà trì tụng một

trăm triệu lần mỗi thần chú sau: thần chú một trăm âm của Đức Vajrasattva, thần chú mani và thần chú siddhi thì ông sẽ được tái sinh làm người.

Tsewang Gonpo đang đau khổ trên đỉnh Núi Shangma. Ông nói rằng nếu một trăm hay một ngàn nghi lễ chay nyunnay được thực hành tích cực nhân danh ông, ông sẽ có một tái sinh làm người tuyệt hảo.

Trong số những người ở Gyashod, một số trong đó có tâm hồn đức hạnh – các đạo sư, các nhà sư và các cư sĩ – ở trong các cõi thuần tịnh, kể cả nhà sư già Padma Kalzang, Tsering Dondrub, Dontse, cũng như một người được gọi là Barchhung Dragho, người ta nói rằng ông ta đã được tái sinh trong một cõi thuần tịnh bởi lòng bi mẫn của Ngài Drimed Khakyod Wangpo Rinpoche tôn quý.

Phần lớn những người ở bộ tộc Nat'har từng tinh tấn thực hành Pháp được tái sinh ở núi Potala, trong khi những người không có mối liên hệ với các bậc linh thánh, tiêu phí cuộc đời khi dẫn mình vào những ác hạnh, thì phải chịu sự tái sinh sau khi tái sinh trong các cõi thấp. Một nhà sư tên là Hulay Buchhung đang đau khổ trong bardo. Một người tên là Natar Alug Chhodzin có một tái sinh may mắn. Nhà sư Lodro Zangpo đang ở cõi thuần tịnh Yulokod của Đức Tara.

Lahai Yontan, mặc dù đã từng thực hành đức hạnh và từ bỏ các ác hạnh, đã nuôi dưỡng những tà kiến hết sức nặng nề và đã bị tái sinh trong một cõi, ở đó ông ta bị giam cầm trong một căn nhà có bốn người canh gác. Khi tôi hỏi Yontan là tôi có nên thỉnh cầu nhân danh ông để đức hạnh đó được thực hành trong cõi người hay không, vị sư già trả lời rằng tôi nên để ông chịu đựng hậu quả những hành động của ông cho tới khi nghiệp của ông cạn kiệt. Ông nói rằng sau khi đau khổ như thế này trong ba năm, ông sẽ được tái sinh ở núi Potala.

Kunzang và Tendzin Wanggal được tái sinh ở núi Potala. Samyay Monlam thuộc gia đình Khamtay đang ở trong cõi thuần tịnh này. Ông nói: “Tôi có một thông điệp gửi cho con trai út của tôi. Xin nói với nó: ‘Đừng giết hươu nai, cừu hoang hoặc linh dương. Đừng sống cuộc đời của một kẻ trộm cướp. Đừng nói dối hoặc thề thốt. Đừng lấy cắp của các anh con hay đánh nhau với chúng. Hãy thực hành đức hạnh nào mà con có thể cùng với thần chú mani và nghi lễ chay nyungnay!’”.

Một người đàn bà tên là Dronma đã tới Potala, khẩn cầu nhiều đạo sư. Một vị tulku ở làng Natar tên là Adam cũng ở núi Potala. Ông nói rằng mặc dù để làm lợi lạc cho chúng sinh, có lần ông đã tái sinh trong gia đình Apal của các đạo sư trong quận Nyagrong, nhưng bởi những chứng ngại trong đời đó nên ông đã nhập Niết Bàn.

Petsa Gonpo Rinchen cũng có mặt ở đó; ông nói rằng ông đã tái sinh trong cõi thuần tịnh đó nhờ lòng bi mẫn của Tromge Kundun Rinpoche.

Ở một nơi cách xa cõi giới này tám mươi ngàn lý (1 lý bằng khoảng 4,8km), tôi đi tới một mặt vách đá khổng lồ và dễ sợ của một tảng đá màu đỏ sậm, có bề cao bằng thế giới-ba-ngàn-nhánh¹⁴². Ở giữa vô số các khí giới, cạnh một pháo đài đầy dầu lâu thật khủng khiếp là Thần Chết, Yama, đang hút đời sống và hơi thở trong tam giới¹⁴³, ném tất cả những chúng sinh đã chết không ngoại trừ ai vào máng ăn, chứa ba mức độ của sự sống¹⁴⁴ trong bụng ông. Với cái dạ dày súc vật teo tóp thềm thường, cái lưỡi cuộn tròn giật giật, các răng nanh dài nhe ra sắc nhọn, đôi bàn tay chìa ra để chộp bắt, ông ta trông thật khủng khiếp. Ông có thân thể của một người đàn ông với cái đầu của một con bò đỏ, những cái sừng sắc nhọn bằng sắt và đôi mắt nhìn chòng chọc sáng như mặt trời và mặt trăng. Những lưỡi lửa nóng bắn ra từ miệng ông. Ông có sự nhanh nhẹn, lẹ làng của gió, làm thiên đường và trái đất rung lên bằng những tiếng cười khiếp sợ như bò rống. Khi tôi thấy cái nhìn dữ dội phần nộ vô bờ này và nghe tiếng gầm điếc tai của ông, tôi cảm thấy như thể muốn ngất đi.

Ngậm lục địa phương nam¹⁴⁵ của thế giới buồn khổ này trong miệng (một cái miệng dường như nuốt trọn thiên đường và trái đất), ông có thể làm thế giới run sợ bằng âm thanh của lưỡi đập vào vòm miệng. Trong khi trước kia từng có một đại dương cuộn cuộn máu đỏ sẫm khi ông ta ngậm chặt miệng lại thì trong năm này chỉ có ít giọt máu trông giống như sương. Đó là bởi ngài Khakyod thuộc gia đình Tromge, ngài Dza Konchhog và những bậc linh thánh khác đã thị tịch, và vì thế trong năm đó nhiều chúng sinh không phải chết¹⁴⁶. Mặc dù nhiều điều khủng khiếp xảy ra cho tôi, nhưng nhờ khẩn cầu các thiên nữ tôn kính, tôi đã có thể giữ một quan điểm vững vàng không sợ hãi.

Gonpo Samdrub ở Tangkya đang ở trong một cõi địa ngục. Khi tôi hỏi Đức Tara hành động nào dẫn tới hậu quả này, Ngài đáp: “Khi làm một thủ lãnh, ông ra đã tham ô tài sản, coi thường phong tục đã được lập ra”.

Droje Dondrup, con trai của Zangli thuộc gia đình Sadu, đang trải qua sự đau khổ không tưởng tượng nổi. Có nhiều nhà quý tộc ở vùng Hor miền viễn đông Tây Tạng. Và cũng có nhiều người tôi không nhận ra. Bởi một lòng bi mẫn kỳ lạ phát khởi trong tâm thức tôi, tôi trì tụng thần chú mani theo giai điệu du dương.

Khi tôi, cô gái Dawa Drolma, tiếp tục cuộc hành trình thì một yogin mặc quần áo trắng với mái tóc dài chảy lòa xòa tiến lại gần, có một số daka và dakini vây quanh. Ông quay một bánh xe cầu nguyện với một cái bao thêu kim tuyến rất tỉ mỉ và bàn chân không chạm đất. Ông đi ngang qua mặt tôi trên đường đi tới cánh đồng địa ngục.

Khi tôi hỏi ông đi đâu, ông đáp: “Đi tới những cõi tái sinh thấp. Tôi sắp đi tới các cõi địa ngục để dẫn ra những người đã từng chia sẻ thực phẩm tôi. Tôi là Togdan Pawo, một đạo sư dẫn dắt chúng sinh. Tên này có ý nghĩa thực sự là ‘anh hùng của sự chứng ngộ tâm linh’”. Khi ông hát thần chú mani ba lần theo giai điệu, các ngôi nhà sắt nóng trở thành những cung điện pha lê và tất cả chúng sinh được chuyển hóa thành các thân ánh sáng. Ông tiến lên, đưa họ lên núi Potala, cõi thuần tịnh siêu phàm, giống như một đàn chim giạt mình hoảng hốt bởi một viên đá từ nả bắn ra.

Bà mẹ của tất cả các Đấng Chiến Thắng, Đức Tara tôn kính, chắp hai tay nơi ngực và nói:

Kỳ diệu thay – bậc dẫn đường phi thường và linh thánh!

Vị hoa tiêu siêu phàm đưa dẫn tất cả những ai có liên hệ với Ngài:

Nếu không có mối liên hệ, Ngài không thể dẫn.

Đáng thất vọng biết bao, những người không tạo nên một mối liên hệ.

Om mani padme hung hri.

Trên đỉnh ngọn cây shalmali¹⁴⁷, những con chim sắt đen đang móc mắt những chúng sinh trong địa ngục. Ở gốc cây là những người đàn bà dễ sợ đang ôm cổ những chúng sinh này và giựt đứt đầu họ. Trong cái nhìn của tôi, những chúng sinh ở địa ngục này không thể tránh đi tới chỗ đó, bởi nghĩ rằng bè bạn yêu quý đang kêu gọi họ. Khi họ chạy trốn, các khí giới rơi vào người họ. Khi họ quay trở lại, khí giới nhảy lên đục khoét phổi, tim, gan và

ruột họ. Khi họ chạy lên dốc, khí giới đâm xuống người họ. Thịt xương họ biến thành máu. Đó là nỗi nguy cơ trước mắt những lạt ma dâm dăng và những nhà sư, ni cô thế tục, họ đã hủy hoại những đứa con bất hợp pháp của mình, và những kẻ hãm hiếp ni cô hoặc những kẻ không hài lòng với người vợ của họ mà kết giao với người đàn bà khác.

Có những người ở địa vị cao chót vót mà ngay cả tên của họ tôi cũng không dám đề cập tới, gồm cả nhiều lạt ma và các nhà sư. Một người là Nyikho thuộc gia đình Sorgu, một nhà sư của bộ tộc Tromge bị gãy bả giới nguyện. Mặc dù có lúc ông đã được tái sinh làm người, sau đó bởi nghiệp lực, ông tái sinh trong cõi địa ngục. Dưới gốc cây shalmali bị vũ khí chông chắt nặng nề, ông trải qua nỗi khổ không chịu đựng nổi. Bà mẹ bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng cùng tôi hát tụng ba lần thần chú sáu-âm theo giai điệu. Thoát khỏi gánh nặng của khối sắt, ông ra đi. Nếu sự trì tụng Tantra Sám hối Bất nhiễm và Kinh Sám hối những Thiểu sót được ủy thác từ một tập hội rộng lớn, nếu có thể tổ chức với nhiều sự bảo trợ và nhiều vật cúng dường trong mức độ có thể, và nếu những lời cầu nguyện cao quý của sự hồi hướng và ước nguyện được thực hiện nhân danh ông, thì ông sẽ được tái sinh ở Núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ trên tiểu lục địa Chamara.

Một người tên là Atsul thuộc gia đình Sogru này, nhờ lòng bi mẫn của nhiều bậc xuất chúng và linh thánh, và nhờ con đường bí mật của chân lý siêu vượt nhân và quả, có lần đã được sanh ra làm người. Nhưng sau khi chết, ông bị rơi vào một cõi địa ngục. Ông đang đau khổ dưới chân núi có cây shalmali. Bị lôi bừa đi bởi một vòng sắt siết ngặt cổ, thân ông bị bọc trong một bộ y phục bằng sắt. Ba lính canh dữ tợn với đầu hươu đục đánh đập, đâm và xé ông bằng lưỡi dao cạo có cán bằng-hoa sen cho tới khi thịt ông bị lóc tới tận xương. Ông ta la hét dữ dội.

Khi tôi hỏi hành động nào dẫn tới hậu quả này, tôi được cho biết là ông đã dùng những quả cân sai trong việc mua bán với các lạt ma và nhà sư, nói xấu những thành viên của tăng đoàn, làm ra vẻ mình là một bậc thầy của nghệ thuật nhảy múa tôn giáo, và v.v... Nỗi khổ này là hậu quả không thể tránh khỏi của những ác hạnh này. Với lòng bi mẫn, tôi hát những thần chú sáu-âm từ xa.

Người quá cô Atsul trao cho tôi thông điệp sau đây để đem về:

Tôi chết sớm, một người đàn ông trẻ bị cái chết hủy hoại,

bị hủy hoại bởi sự chia ly cha mẹ và thân quyến của tôi.

Tôi để lại sau lưng lều bạt, bầy thú, và những vật sở hữu, vì thế khó mà từ bỏ.

Tôi đau khổ bởi những hậu quả của những ác hạnh của chính tôi – chúng chỉ chín mùi cho mỗi mình tôi.

Đề giải thoát tôi khỏi nỗi khổ không thể chịu nổi này,

mọi người có thể trì tụng thần chú mani một trăm triệu lần,

tụng đọc Kangyur¹⁴⁸, và khắc trên đá mười ngàn thần chú sáu-âm.

Khi ấy tôi sẽ không đau khổ trong chôn này, mà sẽ có được một thân người.

Đừng quên thông điệp này; xin mang nó về cho người bà con Chhung Lima của tôi.

Một đạo sư tên là Yengmed Dorje xuất hiện, Ngài là đệ tử thân tín của đạo sư Padma Duddul ở quận Nyagrong. Ngài có mang một bánh xe cầu nguyện và một chuỗi hạt cùng một nhóm năm đệ tử. Ngài ngâm:

Hri con khăn cầu đạo sư, Đấng Bi mẫn Siêu việt.

Con khăn cầu bốn tôn được chọn lựa, Đấng Bi mẫn Siêu việt.

Con khăn cầu daka, Đấng Bi mẫn Siêu việt.

Con khăn cầu bốn tôn bảo vệ, Đấng Bi mẫn Siêu việt.

Con khăn cầu sự hợp nhất của chư vị này, Đấng Bi mẫn Siêu việt.

Con nguyện cầu, xin đưa dẫn những chúng sinh đó là những người có mối liên hệ tốt hay xấu với con tới núi Potala.

Om mani padme hung hri.

Rồi Ngài dẫn khoảng một ngàn chúng sinh ra khỏi mười tám tầng địa ngục theo một con đường ánh sáng trắng.

Ani Bumo, một ni cô ở miền Zurpa cũng xuất hiện, tay cầm một bánh xe cầu nguyện và một chuỗi hạt màu vàng. Cô và một thị giả tụng thần chú mani từ xa tạo nên một giai điệu hết sức đẹp đẽ. Sự cô này dẫn khoảng một ngàn người – tăng, ni, nam nữ cư sĩ, những người hành khát và những người mù – là những người có liên hệ với cô qua ngôn ngữ hay tiếp xúc, đi theo một con đường ánh sáng xanh dương tới cõi thuần tịnh Yulokod của Đức Tara.

Tsachhung, một phụ nữ già nua ở miền Tromge, bị nghiền nát trong Địa ngục Đè bẹp. Tiếng kêu thét của bà vang dội khắp các cõi trời. Khi tôi tụng một lần thần chú mani cho bà từ xa, một lính canh dễ sợ với sừng trên đầu la hét: “Hừ, hừ! Chỉ một lần thần chú mani thì khó có lợi ích gì”. Khi hỏi hành động nào dẫn tới hậu quả này, tôi được cho biết: “Khi ở trong thế giới con người, bà ta đã ăn cắp dê, cừu và giết hại chúng”.

Bà ta muốn nhắn gởi cho con trai là Chhot’har và con gái là Lukyid. Mặc dù thoát tiên tôi từ chối mang bất kỳ thông điệp nào cho bà, Tsachhung cứ kêu khóc mãi: “Cô phải mang! Cô không thể không mang về thông điệp của tôi!” Và vì thế tôi hứa làm điều đó.

“Xin nói với chúng điều này”, bà nói. “Chớ ấp ủ hy vọng được trở nên giàu có. Chớ mê đắm trong sự sân hận và ganh ghét. Hãy bảo Lukyid đừng quyết ganh đua với những con rắn trong việc tạo ác nghiệp¹⁴⁹. Hãy khắc thần chú mani trên đá. Hãy thỉnh cầu sự đọc tụng Kinh Giải thoát và Tantra Sám hối Bất nhiễm. Hãy trì tụng liên tục thần chú mani. Hãy hồi hướng đức hạnh theo một cách thế cao quý và sau khi chịu đựng nỗi khổ này trong một ngàn năm, tôi sẽ được tái sinh trong một cõi trời, vẫn phải chịu sự đọa lạc từ cảnh giới tráng lệ đó”.

Khi nói những điều đó, bà cứ khóc mãi.

Om mani padme hung hri.

Sau đó, một phụ nữ trung niên thuộc gia đình Lo ở Gualrong tiến lại gần. Lúa khoảng bốn ngàn con cừu phía trước, bà ta lao xuống một con đường ngập máu. Những cư dân ở địa ngục, như Awa Đầu-Bò, Định Mệnh Đầu-Khỉ và La Sát Đầu-Heo – một số lượng không thể nghĩ bàn những thuộc hạ của Thần Chết – săn đuổi bà và la lớn: “Giết nó, giết nó! Đánh nó, đánh nó!”. Run rẩy như một chiếc lá, nước mắt tuôn rơi, người đàn bà già được dẫn tới trước Dharmaraja. Yama Dharmaraja bùng bùng giận dữ như ngọn

lửa, cả khuôn mặt ông đen như than, đôi mắt thì như những cái hồ cuộn cuộn máu.

Từ miệng ông phát ra một tiếng gầm khiếp sợ: “Mi, mù già thế tục, hãy thận trọng lưỡi của mi, mi phạm vào loại hành động nào, tốt hay xấu? Đừng dấu diếm hay che đậy. Hãy nói thật trung thực!”

Ông dậm chân làm mặt đất rung chuyển như một trận động đất. Những cư dân địa ngục la hét: “Nói nhanh lên!” và cùng đi dậm chân huỳnh huých trong sự điên cuồng.

Người đàn bà tái mét và không thể nói được điều gì. Đập đầu xuống đất, đôi bàn tay bà xé tung bộ ngực. Giữa những vị này là hai đứa trẻ tượng trưng cho nghiệp tốt đẹp và tối ám¹⁵⁰ của bà. Đứa trẻ tốt đẹp có vẻ không có gì để nói; vẻ mặt của nó chuyển sang màu đen như than. Sau một lát, nó nói: “Có lần bà ta cúng dường một con ngựa cho lãnh địa của tulku (vị hóa thân) Tsamtrul ở tỉnh Dza, nhưng tới lúc giao con ngựa thì bà ta lưỡng lự”.

Đứa trẻ tối ám múa may nhảy nhót và nói:

Người đàn bà hết sức xấu xa, kẻ tạo nên những ác nghiệp trong cõi người thế tục,

quỷ cái ăn thịt người tài ba, kẻ tổ chức cuộc tàn sát chúng sinh,

kẻ tham tàn xảo quyệt – mi không nhớ những hành vi tối tăm khác ư?

Mi không chỉ mắc phạm một ác hạnh từng dự tính.

Dù điều này có là sự thật hay không, nó cũng sẽ được sáng tỏ trước tâm thức Dharmaraja;

nó đúng hay không, các thuộc hạ biết rõ.

Hãy đem mù ta đi tới con đường không hy vọng được giải thoát.

Sau khi đứa trẻ nói, một thuộc hạ của Yama cân trường hợp của người đàn bà già trên cái cân nghiệp và ngay lập tức bàn cân nghiêng từ đầu này sang đầu kia. Lấy ra một bằng chứng trên tấm bảng định mệnh, Yama nói: “Hãy

đưa mụ ta tới Địa ngục Đè Bẹp. Trong nhiều ngàn kiếp mụ sẽ không tìm được sự giải thoát”.

Một đội quân gồm các thuộc hạ của Thần Chết đang la hét: “Giết nó, giết nó! Đánh nó, đánh nó! Ha, ha! Hê, hê!” và ném vào người bà những mũi tên, các ngọn giáo và gươm đao. Ân mặt bà xuống đất họ kéo bà ta đi.

Om mani padme hung hri.

Wangchan, một thủ lĩnh tầm thường trong miền Derge là con trai của một người giàu có và nổi tiếng có tên là Drugdrag và một người đàn bà tên là Tseyang Drolma. Ông ta là một thủ lĩnh rất mạnh mẽ, là kẻ hưởng thụ của cải và thực phẩm của người khác, là kẻ lỗ mãng, hung hãn, không có lòng từ bi. Khi nghiệp lực duy trì thọ mạng của ông đã cạn kiệt, ông ta chết và lang thang vợ vẫn trong những cõi bardo.

Như thể bất thần nhìn thấy một kẻ thù căm ghét đã giết cha ông, Dharmaraja la lên: “Nhanh lên, các ngươi, tất cả thuộc hạ của Thần Chết, chạy mau, tất cả các ngươi! Đừng phí thời gian, dẫn ngay tên Wangchan lại đây cho ta!”.

Những thuộc hạ la hét “Ki!” và “Ha!” và lôi kéo ông ta. Những người cầm búa đánh đập ông, những người cầm kèm kéo giựt da thịt ông; những người cầm cưa cắt xẻ, những người cầm kiếm chặt chém, những người cầm giáo đâm; những người cầm rìu chặt ông. Trước mặt Dharmaraja, đứa trẻ tối tăm kể câu chuyện sau đây:

Kẻ độc ác tên là Wangchan

tư tưởng và hành vi quay lưng lại Tam Bảo.

Ông ta móc mắt các lạt ma tốt lành,

phạm vô số ác hạnh, cắt môi và lưỡi

của nhiều nhà sư và ni cô, cư sĩ nam và nữ¹⁵¹.

Ông kết án nặng nề nhiều nhà sư thọ đại giới và giam cầm họ.

Ông gây ra nạn đói gần như giết hại dân chúng.

Ông khiến cho nhiều ngàn con cừu bị sát sanh.

Ông là một tập hợp của ác hạnh lớn như Núi Tu Di.

Ông ta xứng đáng loại trừng phạt nào, Dharmaraja biết rõ!

Nghe lời thỉnh cầu này, ngay lập tức Dharmaraja lôi một bằng chứng trên tấm bảng định mệnh của ông và nói: “Hãy đưa hắn tới Địa ngục Sống lại và rồi dừng lại ở tám địa ngục nóng, không được tự do trong thời gian mười ngàn kiếp”.

Những thuộc hạ la lớn: :Giết nó! Đánh nó! Đập nó!” Ân mặt ông xuống đất, họ lôi ông ta đi.

Om mani padme hung hri.

Có một cô gái trẻ miền Derge mang một sợi những viên mã não, mỗi viên lớn bằng một căn nhà, cột trên một sợi xích sắt quấn quanh cổ. Cô bị hành hạ bởi sức nặng và nổi khỏ khi không nâng nổi những tảng đá. Đây là hậu quả của việc cô đã trang điểm thân thể bằng những mã não ăn cắp của người khác, dù ở vị trí cao hay thấp.

Om mani padme hung hri.

Tôi tiếp tục đi cho tới khi gặp một người thợ săn tên là Tsering ở miền Kat'hog bị bốn cư dân đầu hươu áp tải. Run rẩy như một chiếc lá, ông ta bị lôi tới trước mặt Yama Dharmaraja. Và ồ, hai đứa trẻ tượng trưng cho nghiệp của ông phơi bày tất cả những gì ông đã làm, đức hạnh hay ác hại, tích cực hay tiêu cực.

Đức trẻ tươi đẹp nói: Ô Yama, Dharmaraja cao quý, người này không thể chăm lo cái ăn cái mặc hay che chở cho gia đình rộng lớn của mình. Kẻ vô lại già nua tiêu phí cả đời hắn để theo đuổi những ác hạnh. Tuy nhiên, nếu Ngài gọi trả ông ta về để thử lại một lần nữa và ông thực hành đức hạnh hết sức thuần tịnh, ông ta sẽ trở thành một người không có gì để xấu hổ và sẽ trở lại trước sự hiện diện oai nghiêm của Ngài theo đúng nghĩa của nó”. Nói tới đây, đứa trẻ khóc.

Đứa trẻ tối tăm đưa ra thỉnh cầu:

He, he! Người đàn ông này đã giết ba loại chim – kên kên, điều hâu và chim ung – bay liệng trên không.

Hắn đã giết ba loại thú vật – linh dương, hươu nai và cừu hoang – sống trong vùng núi non.

Hắn đã giết các ma mốt vô tội trên những cánh đồng.

Hắn đã giết ba loại thú vật – cá, rái cá và ếch – sống trong nước.

Hắn đã bắt những con vật vô hại trong bẫy và lưới.

Hắn phạm những hành vi ác hại và phi-đạo đức.

Từ miệng của Yama Dharmaraja tuôn ra những lời sau:

Trong số những ác hạnh, không có gì nặng nề hơn việc cướp đi sinh mạng.

Trong trường hợp của tên thợ săn xấu xa này

hắn đã hứa với vị lạt ma thuộc bộ tộc Getze là không giết hại nữa,

nhưng sau đó phạm những hành vi hết sức độc ác vượt quá giới hạn của sự sám hối.

Bây giờ hãy đưa hắn tới Địa ngục Hoang vu.

Hắn sẽ chịu đau khổ không thoát ra được đời này sang đời khác.

Khi nói điều này, ông nêu ra một bảng chứng trên bảng nghiệp lực và ấn mặt người thợ săn xuống đất, những thuộc hạ kéo ông ta đi.

Có nhiều chúng sinh nữa mà mắt tôi không thể nhìn thấy hết được, số lượng của họ lưới tôi không hy vọng gì đề cập tới được, tư tưởng họ tâm tôi không thể bắt đầu thăm dò. Những kẻ xấu ác bị kéo xuống, trong khi những người đức hạnh được đưa lên trên. Tất cả những việc xảy ra này bất chấp sự mô tả; những điều tôi vừa ghi lại thì không hơn gì ý niệm thô thiên nhất.

Trước mặt Dharmaraja là một người đàn bà tên là Bochhungma sống trong miền thuộc gia đình Dezhung. Khi hai đứa trẻ tượng trưng cho nghiệp của bà

ta, một tươi đẹp và một tối ám, đang phơi bày những thỉnh cầu của họ, đưa trẻ tươi đẹp nói: “Người đàn bà này có chút liên hệ với Dzaga Chhogtrul Rinpoche. Tâm bà ta hướng về sự đức hạnh”.

Rồi đứa trẻ tối ám nói:

Người đàn bà này phục vụ thực phẩm bất tịnh cho các đạo sư thông thái;

bà ta giết bê bằng cách bắt chúng nhìn đối tới chết;

bà phê bình các đạo sư và những vị đã thọ giới;

và vì thế bà phạm nhiều hành vi ác hại qua miệng, đôi bàn tay và tâm bà.

Dharmaraja trả lời: “Khi đứa trẻ tươi đẹp nói, có vẻ nó đã nói sự thật. Nhưng khi đứa trẻ tối ám nói, dường như nó đang nói sự thật. Hãy cân trường hợp này trên bàn cân thiện hạnh và ác hạnh”.

Thuộc hạ đầu-khi cân nhắc những hành động của người đàn bà trên chiếc cân, và thế là những ác hạnh của bà làm nghiêng bàn cân từ đầu này sang đầu kia. Yama Dharmaraja nói:

Mỗi một ngàn ngày trong cõi người

bằng khoảng một ngày và đêm duy nhất trong các cõi địa ngục.

Trong mười hai năm dằng dặc này mi sẽ chịu đựng đau khổ

bằng cách uống kim loại nóng chảy sôi sục.

Rồi ngươi sẽ được dẫn đi nhờ năng lực của lòng bi mẫn

và những nguyện lực của Dzaga Chhogtrul Rinpoche.

Khi ông nói xong, người đàn bà bị lôi vào một dinh thự bằng sắt.

Om mani padme hung hri.

Kế tiếp là Paltso, một người đàn bà du cư già có mái tóc xám ở cộng đồng Nyingshul. Bà cầm một bánh xe cầu nguyện và một mala màu vàng, bà đang

lần tràng hạt. Vừa hát tụng thần chú mani thật rõ ràng theo một giai điệu, bà đi thẳng tới Dharmaraja. Yama Dharmaraja mà khuôn mặt thì như mặt trăng chiếu rọi trên tuyết, nói thật lịch sự và vui vẻ: “Paltso, sau khi chết và đi tới cõi bardo, bà có mệt không? Đối với bất kỳ thiện hạnh và ác hạnh nào bà đã từng dính dáng tới, hãy phơi bày tại đây trước mặt ta”.

Bà cụ Paltso thỉnh cầu:

Tôi chú tâm nơi Tam Bảo như cứu cánh duy nhất của tôi.

Tôi gắn bó chặt chẽ chí hướng của tôi với Giáo Pháp tinh túy.

Lời nói của tôi là sự thực hành đức hành, và vòng quay tràng hạt của tôi thì không ngừng dứt.

Tôi thiết lập những liên hệ với những bậc có khuynh hướng tâm linh tuyệt hảo.

Đặc biệt nhất là tôi có mối liên hệ với Dzaga Chhogtrul qua việc cúng dường Ngài một miếng hồ phách lớn.

Tôi đã tạo một mối liên hệ với Adzom Drugpa¹⁵² bằng cách cúng dường Ngài một cái kẹp dây lưng.

Trong số những người thắt một chiếc khăn vàng quanh mình¹⁵³.

không ai mà với họ, tôi, người đàn bà này, không có mối liên hệ.

tôi đã rót khoảng hai mươi hoặc ba mươi ngàn ngọn đèn bơ;

đã tụng lớn tiếng một trăm triệu thần chú mani;

là một bà già có động lực cao quý,

tôi đã hồi hướng tất cả những điều này cho chúng sinh hữu tình.

Với sự hân hoan, đứa trẻ tươi đẹp đưa ra một thỉnh cầu tương tự. Đứa trẻ tối ám thì hoàn toàn không nói gì hết. Bây giờ tám gương, văn bản tường trình và bàn cân là các chứng cứ của những thiện hạnh và ác hạnh của người đàn bà. Những thuộc hạ la lên: “Nhìn những cái này xem!” Thuộc hạ đầu-su tử

chăm chú nhìn vào tấm gương, thuộc hạ-đầu khi cần nhắc những hành động của bà trên chiếc cân, và thuộc hạ đầu-bò đọc văn bản tường trình về nghiệp của bà. Ba vị trong số những thuộc hạ khiêm tốn đệ trình rằng tất cả những gì bà nói đều đúng sự thật, điều ấy làm Dharmaraja vô cùng hài lòng. Ông nói:

Nếu những người đàn ông và đàn bà bình thường trong thế giới loài người thế tục

giống như người này, thì sẽ tốt đẹp biết bao.

Nhưng cho dù hiểu biết những thiện hạnh và ác hạnh,

họ không từ bỏ một vài điều và áp dụng những thứ khác.

Họ ráng sức trong những hành động phi-đạo đức và ác hại –

họ bị dày vò biết bao bởi những cảm xúc muộn phiền.

không ai đi qua đời khác mà không gặp ta.

Nếu họ có Pháp, thì ta là vua Pháp,

Nhưng nếu không có, thì ta vị vua của những ác hạnh của họ.

Giờ đây, bà lão tên là Paltso!

Hãy đi, nương tựa thiện nghiệp này.

Bà sẽ không rơi trở lại, vì thế hãy đi tới Cõi Cực Lạc.

Khi nói xong, bà cụ đứng dậy và lạy ba lạy. Bà nói: “Tôi sẽ không đi một mình”¹⁵⁴. Thay vào đó, bà dẫn khoảng một ngàn rưởi chúng sinh có liên hệ với bà qua ngôn ngữ hay tiếp xúc, đi chậm chậm tới Cõi Cực Lạc ở phương Tây, trong khi thì thầm thần chú mani theo một giai điệu.

Om mani padme hung hri.

Một ông già tên là Dondrub ở vùng Gulong đang bị một sợi cáp sắt xuyên thủng tim và bị những thuộc hạ đầu-cọp, đầu-báo, đầu-gấu đen và nâu, đầu-

cáo, và đầu-chó rùng lồi đi. Họ tung ông lên không trung rồi quăng ông xuống đất, la hét: “Ki, ki! Ô, ô!” khi dẫn ông ta đi. Người đàn ông mặc bộ quần áo sờn rách bằng da mác mô. Khi nhận ra mình đang đứng trước mặt Dharmaraja, mặt ông trở nên tái mét và ông la lớn: “Ahhh!” Sau một tường thuật ngắn về những thiện hạnh và ác hạnh của ông, Yama Dharmaraja nói:

Con người thế tục ác độc, kẻ giết những ma môt!

Mi đã từng giết nhiều ngàn ma môt

ăn thịt và uống máu họ,

mặc y phục làm bằng da sống –

người đã giết ma môt như thiên hương của mi.

Vào mùa hạ mi giết ma môt bằng cách đổ nước xuống hang của họ để đuổi họ ra ngoài;

Vào mùa đông mi đào hang để bắt những con lửng, và giết những ma môt ngủ đông.

Những hành động xấu xa trầm trọng như thế rất khó mà sám hối,

bởi những gì mi đã làm không khác gì việc giết một nhà sư thọ cụ túc giới.

Mi sẽ không có cơ may được giải thoát trong một ngàn kiếp.

“VẬY THÌ” Dharmaraja nói, “hãy đem hấn tới những địa ngục nóng!” Ấn mặt ông xuống đất, những thuộc hạ lồi ông ta đi xuống.

Om mani padme hung hri.

Sau đó, khoảng mười hai nhà sư thọ cụ túc giới ở miền Sakya¹⁵⁵ đi tới. Họ mặc ba chiếc y tu viện, cầm những bản văn Phật Pháp linh thánh và lớn tiếng trì tụng các thần chú siddhi và mani. Trước mặt Dharmaraja, họ làm như thể lễ lạy như một nhóm, nhưng Ngài nói: “Xin đừng lạy!” Chính Dharmaraja đứng thẳng người tỏ vẻ kính trọng. Khi những thuộc hạ run rẩy kính sợ thì các nhà sư tiến lên, dẫn khoảng mười hai ngàn chúng sinh đi tới cõi Cực Lạc ở phương tây.

Kế đó, một ni cô đức hạnh ở miền Minyag đi tới. Quay một bánh xe cầu nguyện và lăn tràng hạt làm bằng vỏ ốc xà cừ, bà đứng thật cung kính trước mặt Dharmaraja.

Ngài hỏi: “Bà là ai?”

Bà trả lời: “Tôi được gọi là Zangmo. Tôi đã thu thập một đại dương đức hạnh trong khi tích lũy hai sự tích tập”¹⁵⁶. Bằng một giọng nói ngọt ngào, bà dâng cúng Ngài bài hát sau:

Om mani padme hung hri.

Đấng mà sắc thân là nơi tụ hội của tất cả chư Phật

và là đấng bất khả phân với Đức Avalokiteshvara:

Trong sự hiện diện tôi kính của ngài Sodnam Rinchen

con xin thỉnh cầu: Xin ban cho con những sự ban phước của Ngài.

Con không mắc phạm những ác hạnh lớn bằng hạt mè.

Con là một ni cô đã đạt được chút ít kiên cố trong tâm.

Trong sự hiện diện tôn kính của ngài Sodnam Rinchen, con dâng lời cầu nguyện lên

bậc có lòng bi mẫn đặc biệt đối với chúng sinh trong những thời đại suy hoại tâm linh này,

một chúa công của Pháp, là một hóa thân của các Bồ Tát trong ba bộ¹⁵⁷ –

Xin ban những ân phước của Ngài khiến những ước nguyện của chúng con được thành tựu tự nhiên.

Xin ban những ân phước của Ngài để những nỗi khổ trong các cõi thấp được an dịu.

Xin ban những ân phước của Ngài để chúng con có thể đi vào con đường giải thoát.

Xin ban những ân phước của Ngài để chúng con có thể được sanh vào cõi Cực lạc.

Xin ban những ân phước của Ngài để hai loại lợi lạc¹⁵⁸ có thể được thành tựu tự nhiên.

Tất cả những chúng sinh được nghe những lời này

không phải trải qua nỗi khổ của địa ngục khi chết;

họ không phải kinh nghiệm những xuất hiện lầm lạc của bardo.

Nếu họ lặp lại những lời này mỗi ngày bất kể điều gì xảy ra,

chắc chắn là khi chết họ sẽ không đi tới địa ngục.

Họ sẽ được tái sanh trong Núi Huy Hoàng Màu-Đông Đỏ.

Khi nói những lời này, bà hát tụng thần chú mani theo một giai điệu du dương, rồi bà tiếp tục đi, dẫn theo khoảng ba ngàn chúng sinh có liên hệ với bà bởi những nghiệp tốt và xấu¹⁵⁹ tới Núi Huy Hoàng Màu-Đông Đỏ.

Rồi Dharmaraja ra lệnh cho hai trong số các thuộc hạ của Ngài là Awa Đầu-Bò và Định Mệnh Đầu-Khỉ đưa vào một nhà sư đã thọ cụ túc giới, quê quán ở miền nam tỉnh Tsang, tên là Kunga Paldan. Khi ông xuất hiện trước Dharmaraja, những thiện hạnh và ác hạnh của ông được phơi bày. Đứa trẻ tươi đẹp đệ trình: “Nhà sư này không phạm những ác nghiệp” và cúi đầu đứng lặng yên.

Đứa trẻ tối ám trả lời: “Nhà sư này đã gãy bẻ giới luật và thệ nguyện. Ông thọ các giới nguyện trong sự chứng minh của tu viện trưởng và giáo thọ của ông và đã đập ba y tu viện, tuy nhiên ông ta phải chịu trách nhiệm về việc giết hại nhiều người và ngựa. Ông ném những lời thóa mạ vào những người tiếp xúc với Giáo Pháp. Về mặt đạo đức, ông ta là một kẻ phá sản, đã ném những thệ nguyện samaya của mình xuống sông”.

Bởi thỉnh cầu này, Dharmaraja nói: “Những câu chuyện mà hai đứa trẻ tươi đẹp và tối ám này kể không thể chân thật cả hai. Chúng ta hãy hỏi ý kiến tâm gương, văn bản tường trình và chiếc cân”.

Nhìn vào những vật dụng này, những người thẩm tra kính cẩn đệ trình lên Dharmaraja: “Những điều đứa trẻ tối ám trình bày là sự thật”.

Đùng đùng nổi giận, Dharmaraja la lớn: “Đem kẻ suy đồi đạo đức này tới đỉnh núi có những cây shalmali”.

Những thuộc hạ dẫn nhà sư đi, họ la hét: “Giết nó, giết nó! Đánh nó, đánh nó!”

Một người đàn bà tu hành tên là Dronchhung ở miền Minyag được dẫn vào. Khi những hành động của cô được phơi bày, đứa trẻ tươi đẹp nói: “Năm hai mươi một tuổi, người phụ nữ trẻ này xuống tóc, xuất gia làm ni cô và lên đường hành hương tới vùng Lhasa, trong khi đó liên tục trì tụng các thần chú một trăm-âm và mani”.

Đứa trẻ tối ám kiến nghị: “Ôi Yama Dharmaraja cao quý, chính con có thẩm quyền để nói về tiểu sử của người phụ nữ trẻ này. Cô ta là một con quỷ cái, một người có nghiệp xấu xa đã thực hiện những hành vi phi-đạo đức và ác hại. Trong chuyến hành hương, cô ta đã giết hại một số sinh vật và việc đó chỉ là một biểu hiện trong vô số những ác hạnh mà cô ta đã phạm, thưa Ngài!”.

Bởi ý kiến này, Dharmaraja nói: “Hãy cân những kiến nghị này lên bàn cân”.

Khi chúng được cân nhắc xong, vấn đề được kính cẩn trình lên Dharmaraja rằng đó là một pha trộn của những thiện hạnh và ác hạnh. Ngài nói: “Người phụ nữ này phải chịu đau khổ ở Địa ngục Sống lại trong thời gian một tháng ở cõi đó; sau đó, do sức mạnh của nguyện lực mà cô ta đã tạo nên trong chuyến hành hương, cô ta sẽ có một tái sinh làm người thuần tịnh”.

Một tướng lĩnh tên là Sanggi Adzam thuộc gia đình Sa-ngon ở Jazi trong quận Nyagrang, bị tái sinh trong Địa ngục Đè bẹp và đang chịu nỗi thống khổ không thể đo lường được ở đó. Ông nói với tôi: “Con dâu tôi tên là Lumotso. Bằng mọi giá cô phải tiếp âm thông điệp của tôi cho nó. Hãy nói với nó: ‘Con có thể làm lợi lạc cho cha bằng cách tạo một mối liên hệ với

một vài đạo sư; nhân danh cha, hãy hiến cúng các đạo sư san hô và những đồ trang sức của cha mà con cất dấu. Những giọt nước mắt mà con nhỏ xuống trở thành một trận mưa máu đổ xuống người cha. Bởi cha có một chút liên hệ với vị tulku ở Jazi, hãy cầu xin ý kiến và sự giúp đỡ của Ngài. Vì lợi ích của cha, hãy cúng dường trà cho các nhà sư ở tu viện Jazi và xin các ngài trì tụng thần chú mani và siddhi trong những nghi lễ tập thể”.

Khi nói những điều đó ông ta bật khóc. Mặc dù bóng dáng ông đã mờ nhạt nhưng những tiếng kêu khóc ở ông vẫn tiếp tục ám ảnh tôi. Vì lợi lạc của ông, tôi dâng những lời cầu nguyện hồi hướng và ước nguyện, và trì tụng thần chú mani một lát, nhưng tôi không có liên hệ với ông và vì thế hành động ấy không đem lại ích lợi.

Om mani padme hung hri.

Một sĩ quan quân đội tên là Arta ở quận Nyagrong Gangri đang ở trong Địa ngục Sợi Chỉ Đen. Hàng trăm và hàng ngàn những đường vạch đen được vẽ trên người ông. Bằng những cái cưa sắt đỏ rực lửa, ông ta bị cắt mỏng dọc theo những đường này đầu tới thắt lưng rồi thì những bề mặt của đầu ông được nói lại với nhau. Rồi ông ta bị cắt mỏng tới lui từ bụng trở xuống, với những mảnh thân thể bị chia ra thành từng phần và lại nối lại, khiến ông luân phiên chịu đựng những đau khổ này.

Khi tôi hỏi vị thiên nữ bi mẫn cao quý: “Những hành động nào dẫn tới hậu quả này?” bà trả lời:

Người này chỉ huy quân lính đánh phá các tu viện.

Ông đưa người tới phá hủy các lăng mộ và đài kỷ niệm,

thiêu rụi các sườn núi, đốt cháy ếch, nhái, rắn và các sinh vật khác,

gây xáo trộn trong xã hội, kích động sự chém giết tương tàn, xúi dục sự tranh chấp, hận thù.

Là thủ lĩnh, chỉ riêng ông đã giết mười tám người và những con ngựa.

Ông khó được giải thoát trong một ngàn kiếp.

Cầu mong nghiệp xấu và những ác hạnh của người này được tịnh hóa và cầu mong ông ta được tái sinh trong Cõi Cực Lạc.

Mặc dù bà nói trong chiều hướng này, ông ta không hưởng được lợi lạc gì nhiều.

Một người gốc gác ở Drured tên là Arkong bị các thuộc hạ dẫn tới trước Dharmaraja, bị đập bằng búa, bị kẹp bằng kẽm và bị chém bằng các vũ khí. Mặc dù cả hai đứa trẻ tươi đẹp và tội ác đã nói nhưng không ích lợi gì bởi Dharmaraja trở nên giận dữ, dậm chân trên mặt đất cùng những nắm đấm mạnh mẽ và la lớn: “ĐỂ HẮN GIẢI THÍCH, VÀ NHANH LÊN!” Nhưng vì quá khiếp sợ, ông ta không thể nói điều gì.

Thuộc hạ đầu rắn chăm chú nhìn tấm gương và nói: “Người này ôm giữ những tà kiến. Ông nói rằng thực hành các thiện hạnh thì không ích lợi và không có gì làm lỗi khi làm các ác hạnh. Ông tuyên bố rằng Tam Bảo không có ân phước. Ông ta nói rằng chùng nào còn được sung sướng trong hiện tại thì không cần phải quan tâm tới tương lai. Ông vui thú trong việc trộm cướp và áp bức”.

Sau khi cân nhắc những vấn đề trên bàn cân, thuộc hạ đầu-khỉ nói: “Nếu cùng một lúc xếp vào hũ những cặp sừng đầy máu của những con hươu đực, dược liệu xạ hương từ hươu nai, da sống và xương từ những con rái cá mà hắc đã giết, thì chúng sẽ chất đầy một căn nhà nhỏ. Đây là kẻ mà bản thân đã từ chối sự may mắn được đeo đuôi Phật Pháp”.

Rồi thuộc hạ-đầu bò xem xét chứng cứ tốt đẹp trong báo cáo về nghiệp: “Người này giết hại những thú vật trong một tháng linh thiêng, trong tháng đó hậu quả những hành vi của hắc được khuếch đại lên một trăm ngàn lần. Cầm một cây súng đi loanh quanh, hắc bắn giết thật hung bạo nhiều sinh vật – gấu đen và gấu mật, cáo, mèo rừng và ma môt. Không con vật nào trong những loài này mà hắc không giết”.

Ngay sau đó Yama Dharmaraja ghi một chứng cứ trên bảng định mệnh. “Mặc dù thời kiếp có thể chấm dứt”, Ngài kêu lên “người đàn ông này sẽ không có cơ hội thoát khỏi. Hãy gửi hắc tới Địa ngục Hoang vu!”.

Với những tiếng la hét dễ sợ, thuộc hạ dẫn ông đi xuống, đầu ông ta gục xuống trong sự xấu hổ.

Om mani padme hung hri.

Chính Yama Dharmaraja nói những lời này:

Các người đàn ông và đàn bà trong thế giới con người phạm tục!

Chớ giết bọ chết và chấy rận sống trên người các người.

Chớ giết chúng, bởi việc sát hại ấy không đáp ứng mục đích gì.

Việc ấy không lợi lạc gì cho thực phẩm của các người, không đáng giá một hạt mù tạc.

Việc ấy không ích lợi gì cho y phục trên lưng các người, mà là một hành vi nghiêm trọng, ác hại.

Không nhất thiết phải giết chúng giữa răng và móng tay các người,

bởi nó không khác gì giết chính con cháu của các người.

Thay vào đó, nếu các người thả chúng và để chúng sống, điều này sẽ có lợi ích to lớn.

Nếu giết chúng, các người chỉ cần nhìn xem điều gì đã xảy ra cho những kẻ đọa lạc ở đó để hiểu rõ những gì sẽ là định mệnh của các người.

Có nhiều ngàn người đã đau đớn vì bị ép dẹp giữa hai ngọn núi. Ở đó có một người tên là Yado thuộc gia đình T'hromt'hog. Thân xác một số người trong số đó bị lửa thiêu đốt; đó là hậu quả của việc đốt bọ chết. Một số bị rơi xuống nước và chết đuối; đây là hậu quả của việc ném bọ chết vào tuyết và mưa đá.

Dharmaraja nói: “Vì thế các người hãy để yên bàn tay và hãy trì tụng thần chú mani”.

Om mani padme hung hri.

Rồi Yama Dharmaraja nói với tôi:

Các người đàn ông và đàn bà trong thế giới con người phạm tục!

Chỉ trong lúc này mà các người đã có được thân người.

Chỉ lúc này mà các người đã được tái sinh trong Trái Đất.

Chỉ lúc này mà sự chọn lựa nơi các người đi tới đang nằm trong lòng bàn tay các người.

Hãy cúng dường Tam Bảo ở trên các người bất kỳ thứ gì các người có thể.

Các người sẽ không trở nên nghèo túng – tóm lại các người sẽ giàu có hơn trong đời này,

và trong những đời sau các người sẽ được tái sinh với một thân thể được phú bẩm hi vọng và cơ hội.

Hãy bố thí hào phóng cho những người hành khất, những người mù và chó ở dưới các người.

Đừng nói với họ những lời thô lỗ, bởi họ đáng được hưởng lòng bi mẫn.

Bố thí một nắm hạt lúa mì hay lúa mạch cho người hành khất,

thì hơn là nuôi béo một trăm người giàu có trong một năm.

Trong hai thiện hạnh này, cái trước thì đặc biệt hơn cái sau.

Những người giàu có sống sung túc, có nhiều của cải và đất đai,

họ giống như những người giữ kho tàng giữa đám quý đối với thức ăn và đồ uống, những người hầu, và của bố thí của họ,

lãng phí đời người, chẳng bao giờ có đủ thời gian và chẳng bao giờ thấu tập các sự tích tập.

Họ không có ngay cả một chốc lát để chậm rãi và nghỉ ngơi.

Mặc dù đúng là có cả những núi của cải, tài sản và thực phẩm,

họ không thể đem theo duy nhất một cây kim tới trước mặt ta.

Những thành viên trong gia đình không nghe ý kiến của người khác;
tranh cãi vào buổi sáng, đánh nhau lúc sẩm tối như những bán thần.

Họ sẽ không thể sống chung lâu dài, mà sẽ đi theo con đường riêng lẻ của họ.

Vì thế hãy đối xử tốt với nhau trong gia đình, và hãy trì tụng thần chú sáu-âm.

Người ta có vẻ giận dữ với cha mẹ tốt lành của họ,

sử dụng uy quyền với vợ hay chồng họ,

và coi những bậc trưởng thượng trong gia đình như những tử thi cùi hủi.

Khi về già, người ta trở nên yếu tim và sa sút tinh thần,

vì thế hãy đối xử với họ bằng lòng kính trọng, giọng nói mềm mỏng, lời lẽ dịu dàng.

Giờ đây, không có hình thái tâm linh nào cao cả hơn điều đó.

Các người sống trong thế giới con người thế tục là những kẻ đền đáp món nợ lòng tốt cho cha mẹ các người

thì sẵn sàng và có thể đi tới Cõi Cực Lạc.

Những ai hầu hạ, trải dọn chỗ ngồi, cung cấp những nhu yếu của đời sống,

làm người hướng dẫn, nói năng với giọng dễ thương và lời lẽ dịu dàng

với những người già từ nơi xa tới trong chuyến hành hương

thì giống như những người giao phó một viên ngọc như ý cho người khác.

Họ sẽ không bị khó khăn khi theo đuổi con đường đi tới giải thoát.

Có đức tin nơi các đạo sư và thiết lập mối quan hệ với các bậc trưởng thượng tâm linh –

thì giống như việc giương cao ngọn đuốc trong một căn phòng tối

và sẽ đưa dẫn các người tới Cõi Cực Lạc mà không cần sự chuyển tiếp hay chuyển hóa.

Có lòng bi mẫn đối với chúng sinh và hồi hướng công đức của các người cho người khác –

thì giống như một kho tàng châu báu bảo đảm mọi nhu cầu thiết yếu.

Trong mọi cuộc đời về sau các người sẽ gặp gỡ rất nhiều bậc tôn quý.

Vị vua ngự trên ngai cao và kẻ hành khất chống gậy –

đối với hai vị này thì “cao” và “thấp” không đáng giá một sợi tóc trước mắt ta,

vì thế hãy đến với ta khi đã thực hành đức hạnh của Pháp.

Đừng quên thông điệp của ta, hỡi Dudjom Drolma.

Hãy làm lợi ích chúng sinh, dù cao hay thấp, bằng thông điệp này.

Om mani padma hung hri.

Tuy nhiên tại nơi ghê sợ khác có nhiều người là những kẻ ăn trộm ăn cướp, những thợ săn tàn ác, là những kẻ đặt bẫy bắt hươu xạ, lừa đảo người khác trong việc buôn bán, nói dối và bán bỏ, là những kẻ trộm cắp của những người cao tuổi bơ vơ không nơi nương tựa, nói ác hay đánh đập các nhà sư, giết chó, ngựa và rắn – một số đông người không kể xiết đã dẫn mình vào mười loại ác hạnh¹⁶⁰.

Trong số đó có một người hàng thịt tên là Atsog, ông ta khóc thỏn thức khi bị dẫn tới trước Dharmaraja. Các thuộc hạ áp đảo ông, la hét dữ dội: “Giết, giết nó! Đánh, đánh nó!” Sau đó thuộc hạ đầu-bò, Awa Langgo nói với ông ta:

Khi mi ở trong thế giới con người thế tục,

mi cười phá lên khi phạm các ác hạnh là nguyên nhân của sự việc này.

Hậu quả là mi sẽ kêu khóc trong đau đớn khi chịu đựng một số phận thấp kém.

Giờ đây kêu khóc có lợi ích gì khi mi đang ở trong những cánh đồng địa ngục?

Họ đập đầu ông ta bằng một chiếc búa, xẻ lưng bằng một cái cưa, đâm một ngọn giáo ngắn vào ngực, và ném một loạt vũ khí lên người ông. Khi đã thẩm tra về những thiện hạnh và ác hạnh ông đã làm, họ lôi ông ta tới Địa ngục Nóng Dữ dội.

Om mani padme hung hri.

Một người tên là Chhungdron ở miền Gojo, cũng như Paldron Dal và con gái ông ta, đã bỏ thuốc độc một vị lạt ma, quyến rũ các nhà sư và vu khống các bậc trưởng thượng tâm linh của họ. Hậu quả sau cùng là lưng họ bị trĩu nặng bởi những tảng kim khí nóng chảy, lưỡi bị chẻ bằng gươm sắt cháy đỏ, và kim loại nóng chảy sôi sục đổ vào miệng họ.

Đức Tara nói:

Những ác hạnh của thân thì giống như vùng cát lầy dơ bẩn:

Nó có vẻ mềm mịn, nhưng nó mà đau khổ phát sinh.

Những ác hạnh của ngữ thì giống như những lưỡi lửa cháy rực:

Mặc dù tàn lửa bé nhỏ, nó có thể thiêu rụi những ngọn lửa công đức.

Những ác hạnh của tâm thì giống như chất độc ghê gớm:

Mặc dù ngọt ngào trong miệng, chúng đem lại đau khổ to lớn trong những cõi thấp.

Đối với những kẻ đã thực hiện những ác hạnh thuộc thân, ngữ và tâm,

cầu mong những hậu quả được chế ngự giống như sương giá bị mặt trời quét sạch.

Om tara tam soha.

Một người tên là Argong ở miền Barong đã thuyết phục phối ngẫu của một đạo sư bỏ trốn theo ông ta, nhưng họ đã chết và đang lang thang trong xứ sở của Yama. Tôi nhìn thấy Thần Chết, Yama Dharmaraja, giáng lên họ nhiều loại trừng phạt. Nhiều sinh linh ăn-thịt giăng xé thân xác họ; những đau đớn họ đang chịu đựng thì vô bờ bến. Rồi một đạo sư mặc áo trắng có mái tóc dài đi tới. Ông hát tụng thần chú vara guru ba lần theo một giai điệu và tiến lên, dẫn vị phối ngẫu đi theo con đường ánh sáng trắng.

Om mani padme hung hri.

Có vô số đàn ông, đàn bà và trẻ em ở miền Barong. Tôi không có thì giờ để thuật lại tất cả tên của họ, nhưng nếu các bạn muốn hỏi thêm nữa và thành thực quan tâm thì tôi có nhiều điều có thể kể cho các bạn, miễn là các bạn không gây bẽ samaya với tôi hay đối gạt tôi theo cách nào đó.

Cũng có khoảng mười hai người thợ săn trộm ở miền Dartsedo¹⁶¹, mà câu chuyện của họ được kể như sau:

Trong sự tàn ác và sân hận, họ đặt bẫy lấy lông bò yak làm ni.

Máu của những con vật bị họ giết cuộn cuộn như cái hồ.

Của cải họ cướp đoạt thì chất cao như núi.

Họ lôi mọi sinh linh có quan hệ với họ tới những số phận xấu xa.

Nhìn vào dấu vết tinh tế, Awa Đâu-bò nói: “Vi lợi ích của gia đình Gya Truglo, những người này đã dùng dao gây đổ máu trên khắp hai vùng rộng lớn. Họ là những kẻ đầu sỏ chịu trách nhiệm việc giết hại nhiều người. Họ đã phạm quá nhiều ác hạnh khiến ngay cả việc kể hết ra cũng không thể làm được”. Với những tiếng gầm khùng khiếp: “Giết, giết chúng! Đánh, đánh chúng!” các thuộc hạ của Thần Chết dẫn họ tới Địa ngục Nóng Dữ dội, đầu họ gục xuống.

Om mani padme hung hri.

Có khoảng mười người đàn bà ở miền Sangen đã chế tạo chất độc. Karma T'harkhyin, Tsewang Dargyay, Gonpo Srung và những người khác, thân họ bị băm nhỏ, lưỡi bị nhỏ ra và nhãn cầu bị chọc thủng.

Cũng thế, những kẻ ám sát các đạo sư và phá hủy các thánh tích bị ném vào một hầm lửa. Những thuộc hạ khỉp của Thần Chết, cầm những chiếc búa có kích thước như những tòa nhà, và bằng từng cú đập mạnh đã tung rải thịt xương họ. Bởi họ chết đi sống lại liên tục và chỉ liên tục chịu đựng nỗi khổ không thể tưởng tượng nổi, nên những tiếng kêu khóc thất thanh của họ có thể làm nổ tung và tách rời núi non và thung lũng.

Mọi người kêu khóc gọi tôi: “Dudjom Drolma, xin tụng cho chúng tôi một thần chú mani!” về phần tôi, tôi cảm thấy một lòng bi mẫn không thể nghĩ bàn và đã tụng hát thần chú mani theo một giai điệu.

Tôi tiếp tục đi cho tới khi đi ngang qua bốn người đàn ông, là những người hàng thịt ở Gamdzed trong miền Hor. Một người tên là Buchhung và người kia là Buja; tôi không nhớ rõ tên hai người kia. Khi những thuộc hạ đầu bò lần lượt cắt cổ họ bằng những lưỡi gươm cháy đỏ, họ kêu khóc với tôi rằng họ phải chịu đựng hậu quả của việc giết những gia súc vô tội. Họ phải trải qua nỗi khổ không chịu đựng nổi của sự chết và sống lại liên tục.

Với lòng bi mẫn, tôi hát tụng thần chú mani theo một giai điệu và thỉnh cầu thiên nữ cao quý và tôn kính Tara, vì thế bốn người hàng thịt được giải thoát khỏi nỗi khổ của họ. Họ nói với tôi: “Xin đưa chúng con ra khỏi chỗ này” Tôi thúc giục họ đi vào con đường ánh sáng trắng dẫn tới núi Potala, và trong tâm trạng vui mừng họ đi xa khuất tầm mắt.

Om mani padme hung hri.

Rồi vị thiên nữ cao quý bi mẫn nói những lời sau:

Đừng phục vụ chất độc cho các đạo sư thông tuệ.

Đừng trộm cắp thực phẩm của các hành giả Pháp dẫn mình vào thực hành mãnh liệt.

Đừng thực hành Pháp đã bị ô nhiễm bởi những ác hạnh.

Đừng làm như bản các bình chứa tượng trưng cho thân, ngữ và tâm của các Đấng Chiến Thắng.

Luôn luôn tránh xa các ác hạnh và hãy thực hành thiện hạnh.

Ô các cư sĩ và tu sĩ, thuộc giai cấp quý tộc hay giai cấp thấp của thế giới con người thế tục!

Chớ để tim quý vị bị trói buộc bởi xích xiềng lãnh đạm.

Hãy bảo vệ nhân và quả của nghiệp như giữ gìn đôi mắt quý vị.

Nhờ đức hạnh của Pháp, dù bằng một gạ hay chỉ một nhúm, chắc chắn rằng không có gì khác hơn một định mệnh duy nhất, vì thế chớ nghi ngờ điều này là chân thật,

hãy liên tục cầu xin Tam Bảo.

Hãy thực hành theo giáo huấn của các đạo sư của quý vị;

hãy tuân thủ đức hạnh và từ bỏ những ác hạnh.

Không lợi ích gì khi cảm thấy hối tiếc và giờ chết của quý vị.

Ô các đạo sư và tulku, tăng và ni, những yogin chứng ngộ, những hành giả mật thừa, những pháp sư, những học giả, thủ lĩnh, những bộ trưởng chính phủ, những thần dân, từ trẻ em trở lên:

Hãy giữ thông điệp này giữa trái tim quý vị.

Tối hảo là hãy nuôi dưỡng sự xác tín siêu việt và hoan hỷ vào giờ chết của quý vị.

Nếu không được như thế, đừng sợ hãi và không tự hổ thẹn.

Ít nhất là không có gì để hối tiếc.

Đừng sai phạm lỗi lầm! Đừng sai phạm lỗi lầm! Hãy thực hành đức hạnh!

Om tare tam soha.

Có nhiều ngàn thợ rèn ở thế giới con người. Thân họ bị bao phủ bởi những đồng than lớn như núi Tu Di. Họ bị thiêu đốt trong ngọn lửa, thịt họ không bị tách rời khỏi xương và bị nghiền nát bởi những chiếc búa có sắt, có kích thước như núi Tu Di. Rồi họ bị những chiếc kẹp chụp bắt và bị thiêu đốt như trước. Thân xác thiêu cháy của họ biến thành màu sắt; chúng bị đập vỡ thành nhiều mảnh và bị đưa vào lò rèn. Rồi họ bị thiêu đốt như trước, và lại tiếp tục. Thật là một cảnh tượng khủng khiếp làm tôi choáng váng.

Tôi hỏi những thuộc hạ: “Những hành động nào dẫn tới hậu quả cuối cùng này?”

“Ha, ha!” họ trả lời: “Những người này rèn súng ống và những khí cụ phá hoại khác – dao và rìu chiến đấu, những mũi tên và giáo – dùng để tàn sát nhiều người và ngựa. Họ sửa chữa súng bắn không chính xác, kéo dài và làm thẳng nòng súng và ống nhắm và trui rèn lưỡi kiếm và v.v...”.

Khi nói như thế, nhiều ngàn thuộc hạ giáng những nỗi đau đớn không ngừng nghĩ lên những người thợ rèn này.

Om mani padme hung hri.

Có nhiều người gây sự bất hòa trong các dòng tu, biến thủ tài sản của các đền chùa và tu viện, hoặc đầu tư kinh doanh bằng những vật cúng dường mà tặng đoàn thâu thập. Tôi không thể nhận biết tất cả họ. Có nhiều ngàn người trong số họ đang có mặt ở một khu vực. Than hồng nóng đỏ, rác rưởi và kim loại nóng chảy được rót vào miệng họ.

Họ kêu khóc: “Than ôi! Chúng tôi khổ biết bao! Ôi cha ơi, Ôi mẹ ơi! Nỗi khổ của chúng tôi to lớn biết bao! Chúng tôi thật khó thoát khỏi nỗi đau đớn và khốn khổ này! Khi chúng tôi sống trong cõi người, chúng tôi không nghĩ rằng có thể đau khổ ghê gớm như thế này. Nhưng giờ đây chúng tôi nhận ra rằng thật nguy hiểm biết bao khi dính dáng vào tài sản của Tăng đoàn. Điều đó còn dễ hơn việc nuốt thuốc độc, bởi chỉ duy nhất cái chết là điều chắc chắn. Không có gì tệ hơn việc lạm dụng tài sản của những thành viên trong Tăng đoàn, bởi nó gây nên đau khổ to lớn như thế này. Than ôi!”.

Tôi được cho biết là dù được giải thoát khỏi trạng thái này, họ sẽ bị tái sinh làm ngạ quỷ với các che chướng ô uế nội tại¹⁶². những kẻ gây nên sự bất hòa và chia rẽ trong Tăng đoàn phải kinh qua Địa ngục Đau khổ Liên tục (Địa ngục Vô gián) thấp nhất mà không có bất kỳ sự ngưng nghỉ nào giữa những đời trước và đời sau của họ.

Om mani padme hung hri.

Tôi cũng nhìn thấy các cư sĩ tantrika¹⁶³, đã hành xử vô trách nhiệm, những phù thủy già và những người phạm tục giả bộ làm các đạo sư, vô số những người đó đang ói ra máu và trải qua sự đau đớn không thể chịu được của thân xác. Tôi thấy nhiều sinh vật ăn thịt đang ngấu nghiến họ và nhiều cư dân ở địa ngục ném ra những lời buộc tội về những ác hạnh của họ.

Ô những lạt ma tăm tiếng của thời đại, gồm cả tu sĩ lẫn cư sĩ, một đứa con gái hèn mọn như tôi hầu như không dám nhắn gởi tới quý ngài, vì thế tôi phải van nài quý ngài. Trong các cõi địa ngục là những cuộc phán xét mà quý ngài có thể tự thấy chính mình. Chúng ta sẽ xem xét những điều này? Quý vị, những cư sĩ tantrika, ngày nay với mái tóc dài và những áo choàng trắng, vợ (chồng) và con cái quý vị đã sum vầy đông đảo. Được các vị trời và quỷ ma trợ giúp và được sở hữu một ít năng lực huyền bí nhỏ bé, quý vị lừa phỉnh người khác bằng cách tuyên bố mình phải những thị kiến về các vị trời và quỷ ma. Nếu quý vị có khả năng nghĩ tưởng về điều đó, giờ đây hãy thực hiện nó. Cầu mong điều đó không làm tổn hại quý vị và cầu mong cuộc đời quý vị được trường thọ. Đó là thỉnh cầu của tôi.

Dưới đây là thông điệp của Yama Dharmaraja:

Những đạo sư, các tăng và ni tôn quý trong thế giới này

tin cậy nhiều guru theo một cách thế hời hợt mà không khảo sát họ.

Họ không giữ gìn những thệ nguyện samaya của mình, và

vì thế đặt một gánh nặng lên vai họ, nó kéo họ xuống đáy sâu địa ngục.

Đặc biệt, vị đạo sư mà từ Ngài ta nhận lãnh những quán đảnh,

là người chỉ cho ta con đường đi tới sự trưởng thành và tự do trong tâm linh,

và là người khai thị bổn tánh chân thật của ta

là tinh túy của một ngàn vị Phật của thời đại may mắn này.

Đối với những kẻ làm đảo lộn hay đi nghịch lại lời dạy của đạo sư họ

hoặc kẻ tạo nên mối bất hòa trong những bằng hữu, anh em và chị em tâm linh

-là những người đã tham dự cùng một mạn đà la¹⁶⁴ và cùng một dòng giáo lý-

thì chẳng có sự tích tập công đức nào đem lại lợi lạc.

Không chỉ như thế, mặc dù những kẻ mắc phạm những ác hạnh chống trái như Phật

có thể tịnh hóa nghiệp của họ nhờ sự sám hối, nhưng những kẻ gãy bể samaya thì không có nơi nương tựa.

Mặc dù những kẻ đã giết hại nhiều ngàn người và ngựa

có những phương tiện để sám hối các hành động của họ, nhưng những kẻ gãy bể samaya đã từ bỏ các đối tượng quy y mà với các ngài họ có thể sám hối.

Đi nghịch lại lời dạy của vị thầy gốc của mình là một ác hạnh còn to lớn hơn việc mỗi ngày giết một người.

Dù cho một ngàn vị Phật của thời đại may mắn này xuất hiện,

nhưng bất kỳ dây cứu hộ nào các ngài có thể tung ra để kéo lên những kẻ chịu trách nhiệm về ác hạnh nặng nề này cũng đều bị đứt.

Không chỉ một mình kẻ mắc phạm bị đọa lạc;

mà những ai có liên hệ với họ qua ngôn ngữ hay tiếp xúc, giống như những đàn bê và cừu chạy tán loạn trên một sườn núi,

cũng sẽ bị lộn ngược đầu và rơi xuống Địa ngục Kim cương¹⁶⁵.

Vào lúc đó, mặt đất của thế giới con người sẽ rung động

và nhiều bậc linh thánh sẽ thị tịch.

Trong một ngàn kiếp sẽ không thoát khỏi trạng thái đó;

mà trong hàng tỉ đại kiếp không thể tính đếm được

họ sẽ phải chịu đựng lập tức mọi đau khổ

mà tuyệt đối không cách nào chịu đựng nổi sự đau đớn này.

Than ôi, hỡi các đạo sư và tulku, cư sĩ lẫn tu sĩ trong thế giới con người!

Hãy không ngừng dâng lên những lời cầu nguyện, trong mọi lúc hãy duy trì
mối liên hệ không gián cách

với vị thầy gốc, ngài ngang bằng chư Phật trong ba thời¹⁶⁶.

Chớ để ba năng lực¹⁶⁷ của quý vị bị xao lãng.

Hãy phụng sự đạo sư của quý vị trong bất kỳ cách thức nào có thể.

Hãy cúng dường những vật sở hữu thân đạt được như một sự cúng dường
mạn đà la hoan hỉ.

Nếu quý vị có thể chấp nhận mệnh lệnh của đạo sư của mình

và hiến dâng thân thể lẫn sinh lực của mình để phụng sự đạo sư,

thì cho dù quý vị không thực hành đức hạnh nào khác, như thiên định về các
bổn tôn hay trì tụng các thần chú,

quý vị sẽ không cần gặp ta khi từ bỏ thân xác mình.

Quý vị sẽ sẵn sàng đi tới bất kỳ cõi thuần tịnh nào quý vị muốn.

Bởi thông điệp này tiết lộ công khai những vấn đề ẩn dấu và bí mật,

quý vị không cần phải xấu hổ hay bối rối – hãy lớn tiếng công bố ra ngoài cho mọi người.

Nếu quý vị muốn nghe lời khuyên của Dharmaraja,

hãy ôm giữ những gì ta nói trong tim quý vị,

Samaya!

Tiếp tục hành trình trong các địa ngục, tôi đi tới một nơi có khoảng mười tám các vạc úp miệng xuống dưới. Tôi tự hỏi: “Những vật kỳ dị này sao lại úp ngược thế nhỉ?”

Ngay sau đó, Awa Đầu-Bò xoay cái vạc nhỏ nhất trong số đó (chúng lớn tới nỗi nếu đi ngựa thì phải mất tới mười tám ngày mới giáp vòng chu vi của nó) cho ngựa miệng lên, hướng về phía tôi. Bên trong là nhiều lớp máu. Tim tôi bùng bùng, thân tôi run rẩy vì xúc động.

Ông ta nói: “Sự kiện năm nay chúng lật úp xuống có nghĩa là nhiều đạo sư, đặc biệt là các ngài Tromge Khakyod, Dza Konchhog và những vị khác, đã khởi hành tới các cõi thuần tịnh, đem theo những người có liên hệ với các ngài. Đối với họ, sẽ không có chuyện rơi trở lại vào vòng luân hồi sinh tử”.

Trên một con đường ánh sáng cầu vòng – trắng, vàng, đỏ và xanh lá cây – vị đại hành khát T’hrulzhing, Lạt ma Gyurmed Dorje ở Tahor tiến lại gần cùng với đoàn tùy tùng gồm nhiều đệ tử. Ngài đang hát tụng bài ca sau đây:

Om ah hung vara guru padma siddhi hung.

Tôi không thấy cõi địa ngục, mà chỉ thấy cõi thuần tịnh cao tột, Pháp giới nền tảng của mọi hiện tượng.

Tôi không thấy Yama Dharmaraja, mà chỉ thấy Pháp Thân Samantabhadra (Phổ Hiền).

Tôi không thấy đám thuộc hạ hung nộ, mà chỉ thấy các bản tôn hòa bình và phần nộ của các mạn đà la.

Tôi không thấy các đứa trẻ tươi đẹp và tối ám của nghiệp, chỉ thấy năng lực mạnh mẽ tự-sinh của trí tuệ siêu việt và những phương tiện thiện xảo¹⁶⁸.

Tôi không thấy các cư sĩ, tăng hay ni, mà chỉ thấy cõi thuần tịnh của phạm vi hoàn toàn rộng lớn của sự thuần tịnh vĩ đại.

Tôi không thấy những hậu quả sau cùng của thiện hạnh và ác hạnh, mà chỉ thấy năng lực mạnh mẽ của giác tánh nội tại tại tô điểm chân tánh của thực tại.

Tôi không thấy sự khác biệt giữa những gì có mối liên hệ và những gì không,

mà chỉ thấy tất cả hoàn toàn nối kết trong Pháp giới nền tảng của các hiện tượng.

Tôi không thấy các cõi chúng sinh cao và thấp, mà chỉ thấy sự thuần tịnh nguyên sơ của sự hiện hữu có điều kiện và của trạng thái an bình.

Gấp lên, nhanh lên, mọi người – hãy theo tôi!

Khi Ngài hát bài đó, từ trái tim Ngài một ánh sáng chiếu rọi như ánh trăng. Ngay lúc ấy nó tràn ngập mọi cõi địa ngục, những âm thanh của sự đau khổ và khóc than đột nhiên ngưng bật. Những cư dân địa ngục đứng nhìn với đôi mắt mở to, đầy vẻ sợ hãi. Ngay cả Dharmaraja cũng biến mất trong phút chốc. Vị lạt ma đi qua, dẫn dắt mười hai ngàn chúng sinh tới cõi Potala, dù họ có liên hệ với Ngài hay không.

Tôi quỳ lạy, cúng dường và lập đi lập lại sự xác quyết của tôi trong niềm tin và sự hoan hỉ. Đức Tôn kính Tara cũng chấp tay và nói: “Vị lạt ma đó tên là Akara, cũng được gọi là Tahor Gyurmed Dorje”.

Cũng xuất hiện một lạt ma ở quận Nyagrang tên là Yeshe Droje, thân Ngài chiếu sáng một vẻ rực rỡ khó mà cưỡng được và có một đoàn tùy tùng gồm nhiều daka và dakini vây quanh Ngài. Từ đôi môi Ngài phát ra những lời sau:

Con khẩn cầu dưới chân bậc thánh đại thành tựu ở sườn núi Lhangdrag¹⁶⁹.

Con là Yeshe Droje của cái thấy không tạo tác,

Yeshe Droje của sự thiên định không lầm lẫn,

Yeshe Droje của mục đích không lay động.

Từ tuổi ấu thơ, con đã nổi góc một bậc thánh thành tựu vĩ đại.

Con đã đem tới sự hoàn thiện của Ngài cuộc đời cùng sự thực hành của con.

Tất cả những ai có một mối liên hệ với tôi, tôi đã hướng họ tới con đường toàn trí.

Giờ đây những ai có niềm tin nơi Padma Duddul,

bậc thánh đại thành tựu ở quận Nyagrong,

và ở tôi, một lão già,

sẽ đi với tôi tới tiểu lục địa Chamara,

tới núi Huy Hoàng.

Om ah hung vajra guru padma siddhi hung.

Với những lời này, ánh sáng chiếu rọi và tràn ngập dưới mười tám cõi địa ngục¹⁷⁰. Rồi vị lạt ma dẫn hai mươi ngàn người, các đạo sư, tăng sĩ và các cư sĩ, ngay cả những hành khất và người mù, tới núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ trên tiểu lục địa Chamara.

Tôi cảm thấy một niềm tin và sự hoan hỉ khó tưởng tượng nổi. Vị thiên nữ tôn kính lạy ba lạy và nói: “Vị lạt ma này tên là Jnanavajra¹⁷¹, cũng được gọi là hành khất Yeshe Dorje. Chúng sinh chỉ nghe nhắc tới danh hiệu Ngài cũng được hưởng vô lượng lợi lạc”.

Trong số những người đàn ông và đàn bà ở cộng đồng Satod là một người đàn ông tên là Wanggyal mang trên lưng một chuỗi hạt bồ đề có kích thước bằng một trái núi¹⁷². Không thể nâng nó lên, ông ta kêu thét trong đau đớn khi các thuộc hạ đánh đập ông.

Tôi hỏi một thuộc hạ đầu cọp là hành động nào đã dẫn tới hậu quả này. Ông ta trả lời: “Người này đã đánh đập một khách hành hương du phương, một

yogin chứng ngộ đang trên đường tới Tsiwa và dùng vũ lực ăn cắp chuỗi tràng và tất cả những tài sản khác của Ngài”.

Om mani padme hung hri.

Có một người tên là Ashey, mặc y phục màu nâu sậm, sống trong miền Gakhog. Ông ta giết hại nhiều lạt ma và những bậc trưởng thượng tâm linh thánh thiện, giả vờ đọc các kinh điển và nhận thù lao để tụng Kangyur nhiều lần mà chưa từng thực hiện những sự trì tụng này¹⁷³. Lưỡi của ông ta bị kéo ra khỏi miệng. Trên chiếc lưỡi lớn như đồng cỏ Aji¹⁷⁴, là những con trâu sắt với những chiếc sừng sắc nhọn. Buộc vào sừng là những lưỡi cày sắt nóng cháy mà các con trâu dùng để cày bừa “cánh đồng” này. Nỗi đau đớn của người đàn ông này thì không thể tưởng tượng nổi. Một thuộc hạ đầu khi nói với ông:

Lời của các Đấng Chiến Thắng¹⁷⁵ thì giống như một viên ngọc như ý:

Chớ nhận thù lao nhờ chúng hay bán chúng cho những người khác.

Ngữ của lạt ma thì giống như một cái bình pha lê:

Chớ ném nó vào rác rưởi hay bùn nhơ, mà hãy yêu quý nó.

Ngôn ngữ tuyệt hảo nhất của Đức Phật thì giống như một đại dương lương được:

Đừng ngồi trên bờ và chết khác.

Giả vờ đọc Kinh văn thì giống như ngụy tạo cỏ là vàng,

nhưng nó không trở thành vàng và người phải chịu đựng nỗi khổ khổ này.

Trong khi vị thuộc hạ nói, những con trâu cứ cày liên tục.

Có khoảng chín người gốc miền Ragchab đang ở trong bardo. Họ không có ý thức được rằng họ đã chết và tâm trí bị dính mắc với của cải, tài sản và với cha mẹ họ. Họ và nhiều người khác không làm chủ được nơi sắp đi tới.

Hơn nữa, có khoảng một trăm nhà sư ở Nyitso. Một số vị mặc một bộ y phục bằng sắt nóng giống như chiếc y của nhà sư; một số mặc y phục bằng sắt

nóng giống như áo chèn không tay của nhà sư. Tôi được cho biết rằng đó là hậu quả của việc họ đã tham dự những tiệc cúng dường với samaya bất tịnh, giả bộ giữ giới nguyện thanh tịnh, bản thân họ không sám hối và tịnh hóa.

Cũng thế, có một người tên là Atsang ở vùng T'hrom thượng. Nhiều thuộc hạ của Yama đang đổ chì nóng chảy vào miệng ông ta. Họ nói: “Đây là kết quả sau cùng của việc hấn đã kín đáo ăn những thực phẩm cúng dường được chuẩn bị tại nhà hấn và nhà những người khác, khiến cho các thành viên của tăng đoàn xuất gia phải ăn đồ ăn thừa”.

Con khẩn cầu Đức Avalokiteshvara cao quý.

Con khẩn cầu Đức Avalokiteshvara đưa dẫn chúng con suốt con đường.

Con khẩn cầu Ngài dẫn dắt những người chết đó

là những kẻ lang thang trong các cõi thấp của địa ngục, tới núi Potala.

Om mani padme hung hri.

Có một cụ già trông như ông nội thuộc gia đình Lạt ma Tromge, mặc một áo choàng đen lưng thùng. Trong bàn tay phải ông quay một bánh xe cầu nguyện bằng bạc, trong khi bàn tay trái cầm chuỗi tràng bằng gỗ cây keo. Tên ông là Tromge Sodnam Namgyal và ông đang lớn tiếng hát tụng thần chú mani theo một nhịp điệu vui tươi. Các cư dân ở địa ngục đối xử với ông rất kính trọng và tin tưởng. Là một gia chủ và hóa thân của một Bồ Tát, ông tiến lên, dẫn theo nhiều chúng sinh trên con đường đi tới giải thoát.

Lạt ma Jinpa Dondan thuộc bộ tộc Zur có cách hành xử hết sức điên cuồng. Ngài đi qua, tay cầm một chuỗi tràng bằng xương và hát tụng thần chú vajra guru theo một giai điệu khi dẫn dắt nhiều chúng sinh trên đường đi tới giải thoát.

Một người bảo trợ của Tromge Chhogtrul tên là Rinchen thuộc gia đình Kyompa, ở trong cõi địa ngục, đang hát tụng thần chú mani theo giai điệu với một giọng trong trẻo. Khi lớn tiếng nói: “Chhogtrul Dorje Chang thấu biết tất cả”¹⁷⁶ Ngài dẫn vài người tới cõi giới núi Potala.

Một người nào đó tên là Buchhung ở miền Nyoshul, đang ở trong Địa ngục Sống lại. Ông yêu cầu tôi tụng cho ông thần chú mani, hay thậm chí một chữ Om duy nhất cũng được.

“Ông là ai?” Tôi hỏi.

“Tôi là cậu của cháu”.

“Sao cậu không được Orgyan T’hutob Lingpa cứu?”

Ông nói: “Nỗi đau khổ của cậu là hậu quả của những lỗi lầm đã phạm trong lúc trò chuyện với vị đạo sư đó”.

Sau khi tôi tụng lớn tiếng từ xa cho ông ba lần thần chú mani, ông đi qua, biến mất khỏi tầm mắt tôi và tôi không rõ ông đi đâu.

Om mani padme hung hri.

Một cư dân ở địa ngục có đầu của một con cú đang dẫn nhiều người trên một cánh đồng sắt nóng, gây đau đớn cho nhiều người, cả cư sĩ lẫn tu sĩ. Cư dân đầu-cú này nói với tôi: “Cô gái thế tục có thái độ cao thượng, đừng bước lên con dao bằng đồng đỏ này của tôi”.

Tôi đã tụng liên tục thần chú mani. “Xin hãy cư xử nhưng một đồng minh của những chúng sinh này”, tôi van nài.

Cư dân này nổi giận trước thỉnh cầu của tôi. “Cô đã làm những thiện hạnh và ác hạnh nào? Tự cô hãy giải thích rõ ràng xem!” ông ta nói.

“Tôi từng ở mọi nơi, từ núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ trở xuống và từ cánh đồng sắt nóng rộng lớn trong các địa ngục trở lên. Tôi đã trình bày các thiện và ác hạnh của tôi trước mặt Dharmaraja. Tôi là một cô gái sống bởi nhân và quả của nghiệp. Còn ông đã làm những thiện hạnh và ác hạnh nào?”

Ông ta không nói gì mà vẫn đứng đó, miệng mỉm cười.

Om mani padme hung hri.

Có một bà cụ tên là Argrong ở cộng đồng Barchhung. Là hậu quả sau cùng của việc giết chuột chũi, bà bị một cư dân có đầu chuột chũi đánh đập. Bà

gởi cho tôi mang về một thông điệp: Nếu nhân danh bà, một trăm triệu thần chú mani, Tantra Sám Hối Bất nhiễm, Sự Sám hối các Ác Hạnh và Kinh Giải Thoát được khắc trên đá và những sự hiến cúng được dâng lên cho nhiều hội chúng tăng sĩ, bà ta sẽ được tái sinh làm một cư sĩ tantrika trong miền Derge.

Khi bà nói điều này, nhờ nguyên lực của một đạo sư thuộc bộ tộc Ango ở Barchhung, bà thăm viếng chóng vánh một cõi thuần tịnh; nhưng sau đó tự bản thân nghiệp lực cạn kiệt và là hậu quả của việc sát hại một người, bà bị tái sinh trong Địa ngục Sống lại.

Để giải thoát bà khỏi chiếc vòng cổ bằng sắt làm bà nghẹt thở, tôi khẩn cầu Đức Avalokiteshvara bi mẫn siêu việt và tụng thần chú mani cho bà từ xa, sau đó cái vòng được lấy ra.

Tôi cho là bà ta sẽ được sanh làm người trong khoảng bảy đời. Bà nói rằng để bà được giải thoát, mọi người phải thực hiện pháp sám hối và tịnh hóa (đặc biệt là một trăm triệu thần chú mani, một trăm triệu thần chú siddhi, một triệu ba trăm ngàn thần chú trăm-âm của Đức Vajrasattva, và Sự Sám hối các Ác Hạnh); thì bà có thể được tái sinh trong cõi thuần tịnh của Đức Avalokiteshvara sau khi đã trải qua một đời làm người.

Cái lưỡi của một người tên là Nyima P'huntsog ở Tsang phía nam trung tâm Tây Tạng bị kéo dài ra bằng kích thước của cả một quốc gia. Nó găm đầy những gai sắt trong bốn phương và bị đổ kim loại nóng chảy sôi sục lên. Tôi được cho biết đó là hậu quả sau cùng của sự báng bổ và nói dối, và đặc biệt là việc có cái nhìn sai lệch về các thành viên của tăng đoàn xuất gia.

Một người tên là Dondrub, là hậu quả sau cùng của việc đốt nhà, bị các cư dân trong địa ngục đưa lên một ngọn lửa phun ra từ sắt nóng đỏ, bị cháy sém cho tới khi thân ông chỉ còn tro những khúc xương dính với nhau. Cuối cùng, ông ta sống lại và tiếp tục nổi khổ như trước.

Kim loại nóng chảy được đổ vào miệng Tsering Drolma, phối ngẫu của Lạt ma Tanpa ở Minyag, là hậu quả của việc bà đã đầu độc vị Lạt ma. Bởi đau đớn khủng khiếp, những giọt nước mắt tuôn ra từ đôi mắt bà giống như mưa rào trong một năm. Các cư dân tạo nên những tiếng huyền não dễ sợ, một âm thanh âm ỉ như tiếng sấm của một ngàn con rồng, đủ để tách rời thiên đường và trái đất ra làm hai.

Bảy người từ miền Golog, kể cả Tsering Kê Giết Bò Yak Hoang dã, bị móc vào sừng những con bò yak hoang bằng sắt, sau đó bị quăng xuống đất rồi bị húc. Kim loại nóng chảy được đổ vào miệng những bà vợ của họ, Chhimed Dronma và những người khác, khiến những lưỡi lửa nóng đỏ phụt ra sáng rực từ mọi khiếm trên người họ. Nỗi khổ của họ lên tới cực điểm.

Là hậu quả của việc làm ô ứ nước trà của tăng đoàn xuất gia và đánh đập hoặc tấn công các nhà sư trong tăng đoàn, Gonpo Dargyay Tsogo, Je Nyima và những người khác ở Dartsedo đang vùng vẫy vượt qua con sông đầy xác chết không có chỗ cạn; họ kêu khóc âm ỉ vì đau đớn khủng khiếp.

Vào lúc đó, Yama Dharmaraja gửi tôi mang về thông điệp sau đây:

Hãy mang thông điệp này về cho các đạo sư:

Trong cái thấy tối hậu của bản tánh căn bản của thực tại thoát khỏi sự tạo tác,

Ta phải giống như không gian, không rơi vào bất kỳ thái cực nào.

Trong sự nuôi dưỡng các giai đoạn phát triển và thành tựu, sự hiện diện tự nhiên của sự trong sáng tuyệt đối,

ta phải giống như một ngọn núi, không có bất kỳ sự đổi thay hay chao đảo nào.

Trong sự vận dụng các giác tánh nguyên sơ, sự giải thoát tự nhiên khỏi năm độc¹⁷⁷,

ta phải giống như đại dương, không có sự chấp nhận hay chối bỏ.

Để làm việc vì hạnh phúc của chúng sinh, dẫn đường trong việc làm lợi lạc cho người khác,

ta phải giống như một người cha hay mẹ, không đánh giá dựa trên sự thân thiết hay xa cách.

Để khám phá mục đích là sự thành tựu tự nhiên của hai loại lợi lạc,

ta phải giống như kẻ đi tới Đảo Vàng và không mất những gì đã tìm được ở đó.

Những người như thế thì vô cùng tốt lành, là bậc siêu phàm trong những người quan tâm tới Giáo Pháp và chúng sinh.

Trái lại, những người giả bộ cung cách của đạo sư,

những kẻ thực hiện p'howa¹⁷⁸ cho người khác mà không thấu suốt bốn tâm minh,

những kẻ chỉ vì thực phẩm và của cải mà hạ thấp Mật thừa¹⁷⁹ thành việc làm bầm những nghi thức, trống rỗng,

những kẻ tự phong là người lão luyện tài giỏi trong việc làm lợi ích cho người khác trong khi khát khao tích lũy của cải,

những kẻ chỉ bắt chước Phật Pháp linh thánh mà không giải thoát dòng tâm thức của chính mình,

và những kẻ dẫn dắt những người khác, cả người sống lẫn người chết, trên con đường sai lạc:

Hãy đưa tất cả những hành động theo những cách này tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới các nhà sư:

Những người đi theo dấu chân của Đấng Đạo sư, Đức Phật Toàn Giác,

những người nắm giữ chân lý Thánh Pháp của các Kinh điển và tantra,

thân thể được tô điểm bằng cờ chiến thắng là những chiếc y màu vàng nghệ của sự thuần tịnh viên mãn,

và những người đã ngưng dứt mọi hành vi ác hại, đã thâm nhập mọi đức hạnh:

Họ là phước điền cho hai sự tích tập¹⁸⁰ và được các vị trời tôn kính.

Những người mang dấu ấn con cái của các Đấng Chiến Thắng nhưng phá hoại Giáo Pháp của các Ngài,

Những kẻ mà sự thôi thúc của họ hướng về những theo đuổi thế tục,

những kẻ mê đắm đàn bà và rượu chè như cốt tủy của sự thực hành tâm linh của họ,

những kẻ dẫn mình vào mười loại hành vi ác hạnh:

Hãy để những kẻ hành động theo những cách này tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới các vị phối ngẫu dakini¹⁸¹:

Những ai lúc đầu làm chín mùi dòng tâm thức của họ bằng sự quán đánh và giữ gìn samaya thanh tịnh,

những người khi đó trở nên thiện xảo trong các điểm trọng yếu của các giai đoạn phát triển và thành tựu,

và được phú bẩm kinh nghiệm và sự thực hành,

và những người sau cùng đi tới những giới hạn của sự thành tựu bằng con đường bốn cấp độ của sự hỉ lạc¹⁸²:

Những người như thế an trú giữa những bậc trì giữ giác tánh nội tại.

Nhưng những kẻ ích kỷ và dôi gặt vĩ đại với những phương cách cảm dỗ,

những kẻ khi đó chọn các ma vương làm bạn đồng hành và gây nên sự tranh chấp, đau khổ và xung đột,

và những kẻ cuối cùng bị đưa tới sự hủy hoại bởi những dục vọng thông dâm và tăng tị tai hại:

Họ sẽ không được giải thoát.

Hãy cấp tốc đưa họ tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới các sư cô:

Những người cúng dường tóc trên đỉnh đầu mình cho các tu viện trưởng và
giác thọ,

những người bảo vệ thân mình như của cải không cho kẻ cướp xâm phạm

những người coi xứ sở quê hương như quân thù và tìm tới những sườn núi
và khe hang cô tịch,

và những người theo đuổi thực hành đức hạnh với động lực hoàn toàn vị tha
thanh tịnh:

Họ nhận ra bốn tâm và sẽ không hối tiếc vào giờ chết.

Trong một trạng thái cực kỳ hi lạp, họ sẽ đi tới bất kỳ cõi thuần tịnh nào họ
muốn.

Nhưng những sư cô giả dối thọ giới

mà không trì giữ các thệ nguyện của họ và trắng trợn vứt bỏ chúng,

những kẻ cuối cùng dấu đầu mình trong cát,

thèm khát tính dục bất chính và chạy quanh như những con chó lạc loài:

Hãy để những kẻ hành xử theo cách này tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới các thủ lãnh và nhà cai trị:

Hãy lấy Tam Bảo làm nguồn mạch nương tựa chính yếu.

Hãy giữ vững vương quốc Giáo Pháp như lời khuyên dạy tinh túy của quý
vị.

Chớ quan tâm tới lợi lạc riêng của quý vị, mà hãy bảo vệ những định luật
đạo đức.

Hãy khuyến khích mọi người thực hành đức hạnh, và ngăn cấm việc săn bắn
và đánh bắt cá.

Quý vị sẽ đạt được quyền hành, thế lực và một thân thể cao quý, và thường xuyên gặp được con đường đi tới giải thoát.

Nhưng nếu quý vị không phân biệt được sự tuyệt hảo và điều ác hại,

quý vị sẽ đem tới sự hủy hoại cho chính óc bè phái của quý vị và phạm những tội ác làm hại người khác

và phí phạm cuộc đời khi hoàn toàn dấn mình trong sự bất hòa, mâu thuẫn, tranh cãi và xung đột giết hại lẫn nhau.

Hoàn toàn vô ích, quý vị sẽ đem lại đau khổ cho nhiều chúng sinh.

Hãy đưa tất cả những kẻ hành xử theo cách này tới gặp ta!

Hãy mang một thông điệp tới những người đàn ông:

Tất cả các ông, trước tiên còn làm một sự pha trộn thiện hạnh và ác hạnh,

rồi thiết lập những liên hệ với nhiều đạo sư

và sau cùng gặp được Phật Pháp linh thánh đích thực,

thực hành sám hối như cách đối trị cho các ác hạnh:

Hãy đi trên con đường cao quý càng lúc càng dẫn tới những trạng thái chói ngời.

Nhưng hầu hết trong các ông hành xử phi đạo đức, như những người chỉ huy binh lính hay những kẻ cướp,

Nhồi nhét thừa mứa thực phẩm và của cải, làm năm hành vi bị quả báo lập tức¹⁸³,

coi đạo sư và Tam Bảo như một nỗi tai ương.

Tâm các ông bốc cháy như ngọn lửa, có khuynh hướng phạm các ác hạnh:

Hãy đưa tất cả những kẻ hành xử theo cách này tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới những người đàn bà:

Tất cả quý vị không bội ơn những bậc cha mẹ tốt lành

hoặc là nguyên nhân cho mỗi bất hòa của bạo lực và tranh chấp trong gia đình,

mà phụng sự cha mẹ và cư xử nhân từ với mọi người,

xa lánh ác hạnh và theo đuổi thiện hạnh càng nhiều càng tốt:

không hối tiếc vào giờ chết và quý vị đi tới sự tái sinh trong những cõi cao hơn.

Những một số trong quý vị xâm phạm thân thể và tinh thần của các bậc cha mẹ tốt lành,

là nguyên nhân của nhiều bất hòa cùng bạo lực và tranh chấp trong gia đình,

hết sức khéo léo trong việc sử dụng những âm mưu vi tế với độc chất mạnh mẽ,

với những quan điểm sai lầm về mọi người, liên tục phỉ báng họ:

Hãy để những kẻ hành xử theo cách này tới gặp ta!

Và hãy mang một thông điệp tới tất cả mọi người trong thế giới con người:

Khi đã được sanh trong một cõi giới cao, hãy xoay chuyển tâm quý vị hướng tới Giáo Pháp.

Hãy giữ những bánh xe cầu nguyện và các chuỗi hạt trong tay quý vị không ngơi nghỉ.

Hãy theo đuổi sự trì tụng các thần chú mani và siddhi như tinh túy của ngôn ngữ quý vị.

Những người trong quý vị có động lực cao quý và lòng bi mẫn vĩ đại

sẽ không gặp ta mà sẽ đi tới Cõi Cực Lạc thuần tịnh.

Nhưng những người trong quý vị ngay từ ngày đầu mới sanh ra

chỉ gắng làm những hành động ác hại và phi đạo đức

và quay lưng lại Tam Bảo

sẽ không gặp ta mà sẽ đi tới Địa ngục Đau khổ Không ngừng.

Trong Giáo Pháp duy nhất này, hãy phát triển cái thấy và lòng bi mẫn thanh tịnh, hãy quy y và cầu nguyện;

hãy trì tụng các thần chú mani, siddhi, tare và những lời của các Đức Phật Chiến Thắng;

hãy ngăn cản việc săn bắn và đánh cá, hãy khuyến khích những người khác thực hành đức hạnh;

hãy chuộc mạng những chúng sinh, sử dụng cờ cầu nguyện, những khuôn satsa và bánh xe cầu nguyện;

hãy cử hành các nghi thức chay nyungnay, các sự lễ lạy, kinh hành và tịnh hóa những che chướng –

không thiện hạnh nào lớn lao hơn những điều này trong khắp ba cõi.

Đừng quên những thông điệp này, mà hãy tường thuật chúng cho tất cả mọi người.

Sau đó, trên một con đường ánh sáng trắng, tôi thấy những tu sĩ lẫn cư sĩ, đang cầm các bánh xe cầu nguyện, lân chuỗi, tham dự các nghi thức chay, khắc thần chú mani trên đá, treo cờ cầu nguyện, tu sửa những con đường mòn và gờ tường, nâng cấp những con đường xấu, khuyến khích người khác thực hành đức hạnh, ném các khuôn satsa, thắp đèn cúng dường, thực hiện các sự lễ lạy, đi hành hương và chuộc mạng sống của chúng sinh sẽ bị giết. Vô số tỉ người trong số đó có vẻ mặt uy nghi, tâm hồn hoan hỷ và tư tưởng lạc quan vui vẻ. Trong khi rì rầm trì tụng các thần chú mani, siddhi và tare, họ tiến lên, đi tới Cõi Cực Lạc, núi Potala và núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ.

Đó là những lời thuật lại của tôi, nó không trái nghịch những chỉ dạy của đạo sư. Những bậc cha mẹ tốt lành của tôi và tất cả dân chúng trong miền tôi ở đã liên tục thỉnh cầu tôi thuật lại tiểu sử của tôi, vì thế ở đây tôi ghi lại một bản tường thuật phác thảo. Cầu mong nó làm vui lòng quý vị.

Trong thời đại suy hoại này, khi những vấn đề lớn nảy sinh nhanh chóng, nếu chúng ta không nắm giữ những lời dạy của các Đấng Chiến Thắng với sự xác tín, thì điều gì có thể được nói cho chúng ta? Bài tường thuật Giáo Pháp về nhân và quả này mà tôi thực chứng kiến thì không bị ô nhiễm bởi sự nói dối; cũng không chỉ là một sự lặp lại những lời của người khác nói. Tôi tìm được sự xác quyết để nói mà không bóp méo những thị kiến ở cõi địa ngục, chúng giảng dạy sự chấp nhận và từ bỏ¹⁸⁴ nhờ ân phước của Đức Tara tôn quý và những đạo sư tốt lành của tôi. Nếu tôi dối trá, nói rằng đã chứng kiến điều nào đó trong khi thực ra tôi không thấy, hoặc nêu vì ước ao được kính trọng và nổi tiếng mà tự phụ tuyên bố về trạng thái tâm linh của tôi, thì xin các ma một (mamo) ăn thịt¹⁸⁵ nhanh chóng cướp đoạt sinh lực và hơi thở của tôi.

Đối với những người đọc tường thuật này, xin truyền bá nó và thực hành nó, xin dẫn mình không sai sót vào sự chấp nhận và từ bỏ của nhân và quả, thiên nữ cao quý sẽ là người hướng đạo trong suốt con đường ánh sáng cầu vòng. Nếu có những thuật ngữ hay danh xưng sai lầm, những chữ không chính xác, hay những từ bí mật được phơi bày ở đây, tôi xin sám hối những thiếu sót này trước sự hiện diện của đạo sư. Tôi khẩn cầu được thành tựu sự thuần tịnh không chướng ngại trong đời này và những đời sau.

Dòng chảy êm ả, không ngừng nghỉ của đức hạnh hoàn toàn thuần tịnh

nhờ hàng trăm tia sáng tỏa ra sẽ xua tan bóng tối của những lỗi lầm tích tụ,

làm đổ xuống trận mưa lợi lạc và hạnh phúc cho tất cả chúng sinh vô biên như không gian:

Cầu mong mọi người nhanh chóng đạt được trạng thái của thiên nữ cao quý.

Như thế, bản văn này tường thuật làm thế nào cô gái Dawa Drolma trải qua năm ngày nhìn thấy các thị kiến về cõi địa ngục và những cõi giới khác đã được người sao chép ghi lại đúng như những gì từ miệng cô gái nói ra, không có bất kỳ chữ nào được thêm vào hay bỏ sót và không có bất cứ sự sai sót hay lầm lẫn nào trong ý nghĩa.

May mắn, may mắn, may mắn!

Cầu mong tường thuật này là sự trang hoàng sáu lần nhiều hơn của thế giới, chói ngời với sự lộng lẫy tốt lành.

Sarva mangalam – cầu mong mọi sự tốt lành.

---o0o---

3- NÚI POTALA CÔI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC AVALOKITESHVARA

Kính lễ Đấng Bi Mẫn Siêu Việt,

Avalokiteshvara, kho tàng vĩ đại của lòng bi mẫn.

Mặc dù cô gái này không thể nói như cô nên nói, tôi có nên thuật lại cho các bạn một tường thuật ngắn về núi Potala hay không?

Cõi giới được gọi là núi Potala nằm ở phía đông nam của Bodh Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng) ở Ấn Độ. Toàn thể vùng này phủ đầy những bông hoa tươi đẹp và những cây như ý bằng châu báu đâm chồi nảy lộc ở đó. Những con suối sủi bọt cam lồ và những đàn chim véo von tuyên thuyết Giáo Pháp. Mọi người đều sinh ra từ những bông hoa và không có sự thay đổi theo mùa từ hạ sang đông. Ngay cả ý niệm về sự đau khổ cũng không có, trong khi kinh nghiệm về hỉ lạc và hạnh phúc thì vô biên.

Các Bồ Tát nam và nữ là những bậc đã đạt một cấp độ chứng ngộ vững chắc vui hưởng thực phẩm.

Tuyệt vời một trăm vị, mặc y phục bằng vải sắc cầu vòng và uống cam lồ của các vị trời. Các ngài đã thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, phụng sự các Đức Tathagata¹⁸⁶ và nghe Giáo Pháp từ chính Đấng Bi Mẫn Siêu Việt. Dòng tâm thức các ngài được giải thoát nhờ lòng bi mẫn vô biên của các ngài. Các ngài tắm trong những cái hồ đầy nước có tám phẩm tính¹⁸⁷.

Ở đây tôi tìm thấy một tòa lâu đài đẹp tuyệt vời, tự xuất hiện và hình thành tự nhiên, tường làm bằng năm lớp¹⁸⁸ riêng biệt. Nó trong mờ cả trong lẫn

ngoài, được nâng đỡ bằng một ngàn cây cột pha lê và tráng lệ nhờ những đá mài bằng châu báu. Nó được tô điểm bởi những cái rèm ánh sáng cầu vồng, như thể được thắp sáng bởi một ngàn mặt trời và mặt trăng. Những đà tường làm bằng lam ngọc, đầu tường bằng san hô, những bậc thang bằng ngọc trai. Vây quanh dinh thự làm bằng năm loại châu báu này là một bậc thêm thấp bằng hồng ngọc, trên đó nhiều ngàn thiên nữ cúng dường nhảy múa vui đùa. Phía trên là một mái vòm bằng vàng, với những chiếc dù bằng lụa trắng và một Pháp luân có nai quỳ gối và lắng nghe ở hai bên¹⁸⁹. Ở bốn bên của lầu đài là những đầu máng xôi có đầu makara¹⁹⁰, những sợi dây bằng ngọc trai treo từ miệng chúng với những cái chuông và chuông chùm nhỏ xíu phát ra những âm thanh thú vị.

Bốn phía của tòa lầu đài được trang trí bằng bốn cửa. Tôi đi vào cửa phía tây và gặp một thiên nữ giác tánh nguyên sơ. Đi sâu vào trong, tôi thấy vô số của cải và những thú vui cảm giác, như thể đang ở trong một ảo giác. Vô số những đồng vật cúng dường được sắp xếp, thậm chí còn vượt hơn cả của cải của những đại thiên trong cõi trời Nirmanarati¹⁹¹.

Ở giữa những thứ này, trên một hoa sen trắng trăm ngàn cánh mở ra, là Đức Avalokiteshvara cao quý, bậc điều ngự bi mẫn siêu việt của chúng sinh, với vẻ tươi trẻ của một thiếu niên mười sáu tuổi. Thân Ngài có sắc trắng chói lọi, một mặt và bốn tay. Đôi tay thứ nhất cầm một viên ngọc trong hai bàn tay chắp lại nơi tim, bàn tay phải của đôi tay thứ hai cầm một chuỗi hạt pha lê và bàn tay trái cầm một cành huệ trắng nở hoa cạnh tai Ngài. Tôi bị thu hút bởi những tướng chính và phụ trên thân tướng toàn hảo của Ngài¹⁹². Ngài mặc y phục bằng lụa và những vật trang sức bằng những châu báu khác nhau, trên vai choàng bộ da của một linh dương krisnasaranga¹⁹³ trùm qua phía trái ngực. Ngài ngồi chéo chân trong tư thế kim cương¹⁹⁴, thân Ngài sáng chói lọi với vô số tia sáng. Trong tâm tôi, Ngài không khác với ngài Drimed Khakyod Wangpo, bản sư gốc của tôi.

Bên phải Đức Avalokiteshvara là Manidhara, Bậc nắm giữ Viên Ngọc, trưởng tử siêu phàm của Ngài; bên trái là con gái Ngài, Vidyadhari, Bậc nắm giữ Thần chú của Giác tánh; phía sau Ngài là Đấng bảo trợ, Đức Phật Amitabha; và trước mặt Ngài là vị phối ngẫu siêu phàm của Ngài, Đức Shadakshari, thiên nữ của Thần chú Sáu-Âm. Quyển thuộc tùy tùng của Ngài chỉ gồm những bậc trưởng thượng tâm linh là những vị đã đạt những cấp độ chứng ngộ cao quý, tập hội không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ Tát.

Đức Tara, bạn đồng hành của tôi nói:

Cung điện này là một xứ sở được tô điểm bằng hoa.

Cõi giới này là một lâu đài quý báu rộng lớn vô biên.

Bồn tôn này là bồn tôn của lòng bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng.

Quyển thuộc này là một đoàn tùy tùng gồm các Bồ tát nam và nữ.

Con, cô gái may mắn, nên thực hiện những sự lễ lạy và cúng dường với lòng sùng mộ.

Hãy tụng đọc những lời khẩn cầu ước nguyện để có một liên hệ nghiệp tích cực.

Lòng tôi tràn ngập sự kính sợ và hoan hỉ, và bắt đầu lễ lạy, khẩn cầu. Tôi nói:

Đức Avalokiteshvara Bi Mẫn,

phóng ra những tia bi mẫn khắp mười phương,

con đánh lễ Ngài, đáng không ly cách với đạo sư siêu phàm của con và không ly cách với quyển thuộc của Ngài.

Con cúng dường tập hợp những vật cúng dường vô song, thực có và tượng tượng.

Với sự hối tiếc chân thật, con sám hối những ác hạnh và vi phạm giới nguyện của con,

và hứa không làm những điều đó trong tương lai.

Con tùy hỉ năng lực công đức vô tận.

Con khẩn cầu Ngài trụ thế mãi mãi, không thị nhập Niết Bàn,

và liên tục chuyển Pháp luân rộng lớn, sâu xa¹⁹⁵.

Con hồi hướng công đức tích tập được để tất cả chúng sinh trong sáu loài, vô biên như không gian,

có thể nhanh chóng đạt được trạng thái của Ngài, ôi đáng cao quý siêu phàm.

Con khẩn cầu Ngài, trong mọi cuộc đời, xin ban cho con ân phước siêu việt nhất

không bao giờ ly cách với Ngài, Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm.

Khi tôi khẩn cầu như thế trong trái tim tôi, Đức Bi Mẫn cao quý mỉm cười, khuôn mặt rạng rỡ và tôi nghe những lời sau đây, trong những âm thanh du dương dịu dàng, lời Ngài rung động tự nhiên và vang rền đi tới toàn thể mạn đà la của đoàn quyền thuộc tùy tùng:

Om mani padme hung hri.

Đạo sư của ta chính là lòng bi mẫn siêu phàm.

Ta chính là bốn tôn hiện thân tự nhiên của lòng bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng.

Hoạt động giác ngộ của ta trải rộng tới mọi chúng sinh, đối tượng của lòng bi mẫn,

và sự xót thương, ta đặc biệt chăm sóc mọi chúng sinh trong cảnh khốn cùng.

Con, con gái ta, cũng có tâm hồn bi mẫn như thế,

giờ đây may mắn được gặp ta trong cõi này.

Tất cả những ai lễ lạy và tôn kính ta với niềm tin và lòng sùng mộ

Ta sẽ đưa dẫn tới Cõi Cực Lạc của ta, nhờ nguyện lực trước đây của ta.

Nhờ năng lực của lòng bi mẫn của ta, những chúng sinh trong sáu trạng thái mà số lượng thì vô biên như không gian,

và đặc biệt những người ở Tây Tạng, Xứ Tuyết,

có thể tạo mối liên hệ với ta nhờ nghe danh hiệu và lễ lạy ta với đức tin,

ta sẽ chăm sóc họ với lòng bi mẫn, bởi ta được gọi là Mahakarunika, Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm.

Đặc biệt những ai không có khả năng tự bảo vệ, thì suốt trong sáu thời của ngày và đêm¹⁹⁶

ta trông chừng họ kỹ lưỡng với lòng bi mẫn, đôi mắt giác tánh nguyên sơ của ta không bị ngăn che.

Ta thấu hiểu tất cả họ và ban tặng những con người nhỏ bé này sự nương tựa cuối cùng từ khổ đau của họ,

bởi ta được gọi là Avalokita, Đấng có Đôi Mắt Thấu suốt.

Thiền định về thân tướng của ta, niệm danh hiệu ta, trì tụng tâm chú của ta,

và cử hành nghi lễ chay của ta – những ai nỗ lực trong những thực hành này,

mặc dù họ từng phạm một hành vi cực kỳ tàn ác đưa tới sự quả báo lập tức vào lúc chết,

ta sẽ dẫn họ tới Cõi Cực Lạc, bởi ta được gọi là Lokeshvara, Đấng của Thế Giới.

Bởi nguyện lực kiên quyết từ lâu xa của ta là đưa dẫn không dụng công

tất cả chúng sinh nào nhìn thấy ta, nghe ta nói, tưởng nhớ tới ta, hay tiếp xúc với ta

đối với hàng ngũ thánh chúng của Đức Phật Amitabha trong Cõi Cực Lạc,

các Đấng Chiến Thắng đã tuyên xưng ta là Khorwa Rangdrol, Sự Giải Thoát Tự Nhiên khỏi Luân Hồi Sinh Tử.

Than ôi! Trong những ngày cuối cùng này của Giáo Pháp của Đấng Chiến Thắng¹⁹⁷

mặc dù ta chăm sóc chúng sinh với lòng bi mẫn rộng lớn hơn bao giờ hết,
nhưng như thể giây cột chiếc móc bi mẫn của ta đã đứt.

Bởi năng lực ngoan cường của ác hạnh, nhiều người đã mất niềm tin và lòng
sùng mộ.

Dường như họ vượt khỏi cái nhìn bi mẫn của ta.

Giống như ánh sáng mặt trời không lọt vào hang quay về hướng bắc,

họ bị đoạt mất sự hiện diện của ta, lòng bi mẫn hiển nhiên của tất cả các
Đấng Chiến Thắng.

Trong khi lòng bi mẫn của ta thì không định kiến hay thiên vị,

nhưng bởi tập quán ương ngạnh của họ, những niệm tưởng không thích đáng
tự bản chất,

chúng sinh cứ mãi lang thang bơ vơ trong vực sâu tăm tối của những con
đường ti tiện và những trạng thái tái sinh thấp kém.

Nhận ra rằng tình huống của họ do họ tự tạo, lỗi lầm nằm nơi chính họ,

trong sự chăm sóc của ta, ta tìm thấy những người bơ vơ thực sự xứng đáng
với lòng bi mẫn của ta.

Thời đại trở nên tồi tệ khi bệnh tật, vũ khí và nạn đói làm họ khốn khổ;

thọ mạng của họ ngắn lại bởi ma vương bắt thân mang họ đi;

ngôn ngữ của họ suy vi vì họ trở nên lạnh lợi trong việc lọc lừa người khác;

thực phẩm của họ thoái hóa bởi họ dẫn mình vào những cách sinh nhai tà
vạy;

cái thấy của họ suy đồi bởi họ lao mình xuống vực thẳm của học thuyết vĩnh
hằng và hư vô¹⁹⁸.

Mặc dù bàn tay Đấng Chiến Thắng muốn ngăn họ lại, nhưng không dừng họ lại được.

Chắc chắn là họ phải chịu đau khổ trong sự thèm khát, có phải thế không?

Họ đáng thương biết bao với ác nghiệp của họ, khi theo đuổi những gì họ cho là lạc thú.

Giờ đây các con, Ôi dân chúng Xứ Tuyết, những kẻ tự thiêu đốt thịt da mình,

bởi nỗi khổ của các con chỉ do một mình các con sắp đặt, chỉ một mình các con bảo đảm và chỉ khiến một mình các con đau khổ,

hãy nhớ lại lỗi lầm to lớn bị che dấu đã phạm trong quá khứ, bởi nghiệp và những cảm xúc đau buồn.

Đã tới lúc để ban cho các con vài lời khuyên.

Chỉ một lần duy nhất trong quãng thời gian rất dài, các con mới có được nơi nương tựa này với sự tự do và cơ hội¹⁹⁹.

Bây giờ là lúc các con có thể gặp được các thiện tri thức cùng sự thực hành Phật Pháp linh thánh,

và những hoàn cảnh thuận lợi cùng tụ hội, hãy dùng phần đời còn lại của các con trong chính con đường này.

Nếu ngay lúc này các con đắm mình trong vũng lầy của nghiệp hay những cảm xúc đau khổ,

các con sẽ gây nên đau khổ trong tương lai ở những trạng thái tái sinh thấp kém

là nơi mà ngay cả cơ hội để nghe danh hiệu của Tam Bảo cũng khó tìm ra.

Những thuộc hạ khiếp sợ của Yama, Thần Chết sẽ tới lúc nào các con không biết.

Mọi khi tâm thức các con đã sở hữu nơi nương tựa này,

hãy thận trọng thực hành cốt tủy của Thánh Pháp.

Phật Pháp không hiện hữu chỉ vì lợi ích bề ngoài nhằm bảo vệ các con khỏi nỗi sợ và đáp ứng mọi ước muốn của các con;

nó không đơn thuần là sự đạo đức giả như thế, vì vậy hãy nhìn vào tâm thức phi đạo đức của các con.

Giờ đây, khi các con đã sở hữu một nền tảng cho sự tự do trong một cõi giới đạo đức,

các con đã có những hạt giống của lương tri đạo đức không làm lạc để tích tập đức hạnh.

Hãy sử dụng ba điều – sự chánh niệm, tỉnh giác và chú tâm – là nước và phân bón của đức hạnh.

hãy thiền định về lẽ vô thường, nó làm tăng trưởng đức hạnh.

Hãy bắt đầu sự vun trồng đức hạnh với lòng sùng mộ và nỗ lực liên tục.

Niềm tin và sự trông cậy là gốc rễ của đức hạnh.

Lòng vị tha bi mẫn là thân của đức hạnh.

Bồ Đề tâm ước nguyện và Bồ Đề tâm thực hành là cốt lõi của đức hạnh.

Sáu sự toàn thiện (sáu ba la mật) là những nhánh và cành²⁰⁰ của đức hạnh.

Ý hướng, sự hồi hướng đức hạnh của riêng con và sự hoan hỉ trước đức hạnh của người khác là lá của đức hạnh.

Bốn phương pháp ảnh hưởng tốt đẹp tới người khác là hoa của đức hạnh²⁰¹.

Và tánh không và lòng bi mẫn siêu phàm là trái của đức hạnh.

Nếu cây đức hạnh cao quý được vun trồng theo cách này,

nó sẽ đem lại những trái quả nuôi dưỡng các con và những người khác, bây giờ và mãi mãi;

đó là tính không thể sai lạc của sự tương thuộc của các sự việc.

Không có các phương tiện bảo vệ loài cây cao quý của những đức hạnh tích tập được,

những đức hạnh này sẽ liên tục bị phí phạm trong bardo.

Phủ nhận một cách ngu xuẩn nhân và quả, từ bỏ Giáo Pháp và làm hư hỏng giới luật tâm linh của các con là trận sương giá dữ dội giết chết đức hạnh.

Sự gây gỗ, sân hận, thù hằn và ganh tị

là trận mưa đá hung tợn làm hư thối trái quả của đức hạnh.

Sự dính bám và thanh danh và lợi dưỡng, và liên tục bị mắc bẫy trong đời sống của gia chủ

là những con sâu đục khoét các con tự bên trong, cướp đoạt gốc rễ đức hạnh của các con.

Báng bỏ hay sỉ vả các đạo sư và Bồ Tát

bởi sự tự phụ, kiêu căng và ngạo mạn thái quá

là một cơn khô hạn dữ dội làm hư hỏng những đức hạnh tích tập được của các con.

Hậu quả không tránh khỏi của tất cả những điều này là sự phát triển mạnh mẽ nổi khổ;

nó là kẻ thù vĩ đại của tài sản đức hạnh mà các con đã thu thập.

Các pháp đối trị cho những điều này là ba loại trí tuệ siêu việt²⁰²,

niềm tin kiên định vào bốn phẩm tính²⁰³,

sự hoan hỉ trước thành công của người khác,

sự quán chiếu sâu xa về lẽ vô thường, sự nhàm chán vòng luân hồi sinh tử và sự từ bỏ,

sự chế ngự tánh kiêu ngạo và sự tu tập trong một quan điểm linh thánh không thành kiến.

Chớ bao giờ rời xa những lá chắn và sự bảo vệ này.

Ban đầu, được thúc đẩy bởi niềm tin, lòng sùng mộ và lòng bi mẫn.

Hãy giữ các giới luật tạm thời của những thế nguyện tám nhánh²⁰⁴.

Hãy nhất tâm trong việc từ bỏ những phóng dật thuộc ba năng lực²⁰⁵ của các con.

Bất kỳ những gì xuất hiện đều là sắc tướng của Avalokiteshvara, nơi Ngài tất cả các Đấng Chiến Thắng hợp nhất;

âm thanh nghe được là âm thanh của thần chú tinh túy sáu-âm;

sự vắng mặt bất kỳ cấu trúc nhận thức nền tảng nào là phạm vi hoạt động không tạo tác của Bồ Đề tâm.

Đừng bao giờ lìa xa ba điểm trọng yếu này;

hãy liên tục trì tụng lớn tiếng thần chú sáu-âm – chỉ mình điều đó là đủ.

Hãy cùng nhau thâm nhập đức hạnh mà các con và những người khác tích tập trong ba thời,

và hãy sử dụng tất cả chúng như một nguyên nhân nhờ đó tất cả chúng sinh nhanh chóng thành tựu Phật Quả,

hãy theo gương các Đấng Chiến Thắng và những bậc kế thừa của các Ngài bằng những lời nguyện hồi hướng và ước nguyện;

chủ đề hợp nhất này giống như một dây cương dẫn dắt một con ngựa tốt.

Nếu các con nỗ lực liên tục trong bốn loại thực hành đức hạnh,

vào giờ chết, ta sẽ đưa dẫn các con trong một trạng thái cực kỳ hoan hỉ
tới cõi Cực Lạc thuần tịnh.

Hãy nói với dân chúng Tây Tạng rằng chớ có nghi ngờ điều này.

Đừng do dự! Đây là lời khuyên thương yêu và chân thành của ta.

Đừng bám chấp vào đời này; nó giống như một giấc mộng dễ chịu.

Đừng bị cám dỗ bởi cái xấu; điều ác hại mà các con có thể tự gây cho mình
không có sự chấm dứt.

Đừng củng cố tám ảnh hưởng thế tục²⁰⁶; các con sẽ chỉ lừa gạt chính mình.

Đừng lập ra mọi thứ kế hoạch; nhớ rằng các con có thể chết ngày mai.

Hãy kiên trì hiến dâng năng lực ba nhánh²⁰⁷ cho Thánh Pháp.

Đây là sự tốt lành vĩ đại nhất mà toàn thể dân chúng Tây Tạng tự họ có thể
làm.

Nếu các con có một thái độ thiện lành toàn hảo như thế,

hãy liên tục trì tụng thần chú mani và tare

và hãy khuyến khích mọi người thực hành đức hạnh trong bất kỳ cách nào
các con có thể.

Về sau, các con có thể đi tới bất cứ cõi thuần tịnh nào các con muốn.

Con không xa lìa ta, con gái, vì thế hãy hoan hỉ.

Nghe những lời này, tôi kinh nghiệm một niềm tin siêu phàm, hi lạc và đề
khẩn cầu Đức Bi mẫn ban phước, tôi đọc bài kệ sau:

Đức Avalokiteshvara, bất kỳ sắc tướng nào của Ngài,

bất kỳ quyền thuộc, thọ mạng và cõi thuần tịnh nào của Ngài,

và bất kỳ phẩm tính cao quý nào của Ngài,

cầu mong con và những người khác hoàn toàn giống như Ngài²⁰⁸.

Chấp hai bàn tay lại, tôi hỏi rằng sau này tôi có được gặp lại Ngài nữa hay không. Đấng cao quý trả lời:

Những ai gìn giữ một thái độ quan tâm với lòng sùng mộ,

ta sẽ hiện diện trước mặt họ;

ta ban cho họ lễ quán đảnh và các ân phước.

Chớ có hoài nghi điều này, Ôi người nữ của Tara.

Tôi cảm thấy một sự xác tín lớn lao chưa từng có về sự chân thật của những lời này. Tôi nhiều quanh các Đấng Chiến Thắng ba lần, đi xung quanh sân trong tòa lâu đài nguy nga của Ngài trong khi đọc bài kệ sau:

Trong mọi cuộc đời, cầu mong con không bao giờ xa lìa đạo sư, chúa tể của các đấng cao quý.

Cầu mong con vui hưởng sự tráng lệ của Giáo Pháp,

hoàn thiện các phẩm tính của con đường và cấp độ.

Cầu mong con mau chóng đạt được trạng thái của Đức Avalokiteshvara²⁰⁹.

Ở đây tôi sẽ đưa ra một ít luận giảng dựa trên Kinh điển để làm tăng thêm vẻ đáng tin cậy cho những điều tôi vừa thuật lại.

Đức Avalokiteshvara cao quý và tôn kính biểu lộ lòng bi mẫn của tất cả các Đấng Chiến Thắng. Hằng hà sa số kiếp về trước, chính trong thế giới này, trong một đại kiếp tên là Graha có một vị đại đế có danh hiệu là Aranemi có một ngàn người con trai. Người con trai cả tên là Animisha, là người đầu tiên phát khởi thái độ giác ngộ Bồ Đề tâm trước sự hiện diện của Đức Như Lai Ratnagarbha (Bảo Tạng Như Lai).

Có một lần với lòng bi mẫn, Ngài nghĩ tưởng tới tất cả chúng sinh trong sáu trạng thái tái sanh, đặc biệt Ngài đã nguyện: “Cầu mong những chúng sinh không được giúp đỡ, bị lâm vào cảnh khốn khổ, đang bị trói buộc bởi luật nhân quả sẽ lập tức thoát khỏi đau khổ bằng cách nhớ tưởng tới tôi hay niệm danh hiệu của tôi. Cho tới khi tôi chấm dứt mọi nỗi khổ đau của chúng sanh, cầu mong tôi không bao giờ đạt được sự toàn giác”.

Khi Ngài đã viên mãn hoạt động sâu xa và rộng lớn của Ngài, Ngài mang danh hiệu Avalokiteshvara, một Bồ Tát vĩ đại và dũng cảm. Có tiên tri rằng trong tương lai, trong cõi Sukhavati-padmapradesha²¹⁰, với tư cách là nhiếp chính của Đấng Chiến Thắng siêu phàm Amitabha (Đức Phật A Di Đà), Ngài sẽ giác ngộ là Đức Như Lai Rashmisamudra-shrikutaraja và thành tựu lợi ích to lớn hơn cho chúng sinh. Phù hợp với lời nguyện được tiên tri này, Ngài làm việc thậm chí còn mạnh mẽ hơn vì lợi ích của chúng sinh trong sáu loài nói chung và đặc biệt là chúng sinh ở Xứ Tuyết Tây Tạng. Như Kinh Hoa Sen Trắng của Thánh Pháp nói²¹¹:

Bồ Tát Akshayamati (Bồ Tát Vô Tận Ý) kính bạch Đấng Chiến Thắng, Đức Phật Toàn Giác, Đấng Thế Tôn, hỏi rằng: “Đức Thế Tôn, vì sao vị ấy được gọi là Avalokiteshvara?”

Đức Thế Tôn trả lời: “Chỉ nhờ nghe danh hiệu của Đức Avalokiteshvara mà vô lượng tỉ chúng sinh đang phải chịu đựng đau khổ sẽ hoàn toàn thoát khỏi những gánh nặng đau khổ không thể chịu đựng nổi. Bất kỳ khi nào chúng sinh bị đe dọa bởi lửa, nước, thuốc độc, vũ khí, thú dữ, những yêu tinh dạ xoa ác hại, ma quỷ, sự tù đày, trộm cướp v.v... họ sẽ được cứu thoát. Họ sẽ thoát khỏi năm độc của những cảm xúc phiền não và thoát khỏi mọi phương cách hãm hại. Nếu họ chỉ lễ lạy Ngài với đức tin trọn vẹn, tất cả những mục đích của họ không loại trừ điều nào sẽ được thành tựu tự nhiên”.

Kinh Quý báu về Dây Bình (Kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo Vương) nói²¹²:

“Bồ Tát Nivaranavishkambhin hỏi rằng sự chói lọi mãnh liệt của những năng lực kỳ diệu phi thường của Bồ tát của lòng bi mẫn siêu phàm thì giống điều gì.

Từ kim khẩu của Đức Như Lai phát ra những lời này: “Đức bi mẫn Avalokiteshvara đem chúng sinh trong các cõi địa ngục tới sự thuần thực tâm linh viên mãn. Khi đã mang hình tướng của một vị đại đế an trụ hoàn

toàn thoải mái tại một khu rừng an lạc trong thành phố của các naga quý, Ngài mang lại một sự mát mẽ để chịu cho những người bị hành hạ bởi lửa nóng và biến hầm lửa thành những ao sen.

“Bằng cách tung rải và phân bổ lính canh trong các địa ngục, Ngài tạo nên Thần Chết, Dharmaraja, lễ lạy và liên tục tán thán ông ta. Ngài cũng làm dịu mát thành phố các naga quý và làm yên dịu những đám mây mưa đá kim cương.

Hơn nữa, những quân lính bảo vệ kho tàng²¹³, nhận ra rằng những thái độ thô lậu của họ được thuần hóa và bắt đầu phát khởi Bồ Đề tâm. Mười con sông lớn chảy ra từ mười ngón tay và bốn mươi con sông lớn khác chảy từ mười ngón chân Ngài. Những hạt sương chảy ra từ những lỗ chân lông của đáng có một trái tim thương yêu, nhỏ xuống những naga quý. Chỉ nhờ nếm những giọt sương này mà cổ họng của họ được nghỉ ngơi, thân họ trở nên mạnh mẽ và toàn hảo, và họ được thỏa mãn với thực phẩm hàng trăm vị của các vị trời. Đức hạnh của những hành giả của Pháp đang cư ngụ trên trái đất khiến cho các naga quý hết sức hi lạc trong Giáo Pháp và Pháp âm Đại thừa xuất hiện trong cõi giới của họ. Vào lúc này, hai mươi ngọn núi sừng sững của quan điểm hư vô bị chày kim cương giác tánh nguyên sơ đập tan tành, rồi những naga quý này được tái sinh trong Cõi Cực Lạc, ở đó họ trở thành các Bồ Tát phù hợp với ước nguyện của họ và được dẫn dắt tới sự thuần thực.

“Theo cách này, mỗi ngày Ngài đưa hàng tỉ không thể tính đếm chúng sinh tới sự viên mãn. Đó là sự xác quyết của Đức Avalokiteshvara mà ngay cả các Đức Như Lai vẫn còn thiếu”.

Vì lợi ích của những người được thuần phục, tùy theo tánh khí, năng lực và động lực của riêng họ, trong sáu thời ngày và đêm, Đức Avalokiteshvara hiện thân làm chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn (shravaka), Phật Độc Giác (pratyekabuddha), các vị trời, các nhạc sĩ cõi trời, các yêu tinh dạ xoa (yaksha), Ishvara, Maheshvara, các vị đại đế, những quỷ ma khát máu, chúng sinh với thân tướng siêu phàm, những người Bà La Môn, và Đức Vajrapani (Kim Cương Thủ) và giảng dạy Pháp²¹⁴

Hơn nữa thậm chí chỉ gọi tên Ngài một lần thì cũng như niệm danh hiệu chư Phật với số lần nhiều như cát sông Hằng. Tương tự như vậy, tô tạo một pho tượng Đức Avalokiteshvara thì ngang bằng việc tô tạo những hình tượng của tất cả chư Phật và Bồ Tát đã xuất hiện, đang và sẽ xuất hiện trong ba thời.

Thiền định trong một ngày về thân tướng của Đức cao quý Avalokiteshvara thì có công đức to lớn hơn việc thực hành sáu sự toàn thiện (sáu ba la mật) trong một năm. Đây là một vài trong số những phẩm tính không thể nghĩ bàn của Bồ Tát.

Về những lợi ích và thuận lợi của việc trì tụng dharani²¹⁵ của Đức Avalokiteshvara mười một mật, ta được biết là cuối cùng thì hành giả sẽ hoàn toàn làm chủ bốn phẩm tính tốt: Vào lúc chết, hành giả sẽ được thấy các Đức Như Lai; hành giả sẽ không tái sinh nơi các cõi thấp; sẽ không gặp cái chết khủng khiếp; và sau khi chết ở thế giới này, hành giả sẽ được tái sinh trong Cõi Cực Lạc.

Nhờ sáu-âm của thần chú mani, tất cả các Kinh điển của Phật Pháp được đúc kết; mọi bệnh tật, mọi thể lực xấu và những chướng ngại đều bị xua tan; hành giả đạt được vô số phẩm tính tích cực như sự trường thọ và thoát khỏi bệnh tật; nỗi khổ của chúng sinh trong sáu loài được làm yên dịu; và các kaya (thân) của sáu Đấng Chiến Thắng được thành tựu. Tóm lại, chỉ cần nhìn, nghe, nhớ tưởng, hay xúc chạm sáu âm này là đã gieo trồng hạt giống của sự giác ngộ. Mọi che chướng đều được tịnh hóa nhanh chóng và hành giả gần như được sự tái sinh nơi các cõi thấp. Sau khi trải qua một loạt những tái sinh cao quý trong các cõi cao, hành giả nhanh chóng đạt được giác ngộ viên mãn.

Chỉ cử hành nghi thức chay của Đấng Bi Mẫn Siêu Phàm một lần, hành giả giải trừ được bốn mươi ngàn kiếp lang thang trong luân hồi sinh tử và tịnh hóa tất cả các nghiệp và che chướng do những hành động như năm hành vi đưa tới quả báo trực tiếp²¹⁶. Khi hoàn thiện tất cả những phẩm tính tích cực của sáu sự toàn thiện, hành giả an trú trong cấp độ của một Bồ Tát bất thối chuyển. Những người nữ cũng thế, những ai cử hành dù chỉ một lần duy nhất nghi thức chay này, khi chết sẽ được tái sinh như những Bồ Tát chứng ngộ cao cấp và quay trở lại vòng luân hồi sinh tử. Sự thực hành của thân hành giả trong nghi thức chay khiến tịnh hóa các che chướng thuộc thân, và hành giả không bị tái sinh làm một ngạ quỷ. Việc tự chế sự nói năng bằng lời nguyện giữ yên lặng tịnh hóa các chướng thuộc ngữ, và hành giả sẽ không bị tái sinh làm một súc sinh. Sự trì tụng đả ra ni trong tâm tịnh hóa các che chướng thuộc về tâm và đóng lại cánh cửa dẫn tới tái sinh trong các cõi địa ngục. Như vậy, sử dụng ba phương pháp giữ gìn thân, khẩu và ý trong sự tỉnh giác sống động, hành giả nhanh chóng thoát khỏi luân hồi.

Phục vụ ngũ cốc nóng cho các hành giả ăn điếm tâm sáng theo nghi lễ thì tương đương với việc phục vụ một Bồ Tát đệ bát địa; phục vụ một người chỉ thọ xuất gia tạm thời thì tương đương với việc phụng sự một vị A La Hán (arhat)²¹⁷.

Một người bảo trợ cho một nghi thức chay như thế sẽ không bị tái sanh trong ba cõi thấp, mà sẽ được phú cho thái độ giác ngộ của Bồ Đề tâm, được hưởng một sự may mắn vô tận trong mọi sự tái sanh, hoàn thiện phẩm tính của sự bồ thí và nhanh chóng đạt được giác ngộ.

Bởi những ích lợi này và những lợi lạc không thể nghĩ bàn khác, trong sự tìm kiếm đức hạnh hoàn toàn thanh tịnh, hãy hoan hỷ và nỗ lực ngày lẫn đêm không xao lãng, được thúc đẩy bởi lòng vị tha, niềm tin và lòng sùng mộ mãnh liệt và quả quyết.

Nếu các bạn sống những ngày còn lại của đời mình thật là ý nghĩa, các bạn sẽ bảo đảm được hạnh phúc của riêng các bạn và những người khác. Sự thật này đã được xác nhận bởi ngữ chân thật của các Đấng Chiến Thắng, kinh nghiệm của tất cả những bậc trưởng thượng tâm linh vĩ đại và sự kiểm chứng trực tiếp của giác tánh nội tại của chính hành giả và những công đức của sự theo đuổi của các bạn với ý hướng sùng mộ.

Khởi hành thật đúng đắn, các bạn sẽ thoát khỏi nỗi sợ chết và sợ tái sanh, nếu không được như thế thì các bạn sẽ có được sự xác tín để gặp gỡ cái chết một cách hoan hỷ; ít nhất thì các bạn sẽ chết mà không sợ hãi hay hối tiếc.

Tôi chấp tay và cầu nguyện tận đáy lòng rằng tất cả các bạn sẽ có thể thực hiện được điều này. Tôi luôn khẩn nài các bạn hãy giải thoát tâm thức mình khỏi sự do dự và giữ vững sự trung thực trong công cuộc nỗ lực đầy ý nghĩa này.

May mắn, may mắn, may mắn!

---o0o---

4- YULOKOD CÔI THUẦN TỊNH CỦA ĐỨC TARA

Kính lễ Đức Avalokiteshvara

Quỳ lạy dưới chân Đấng

nhìn chúng sinh với đôi mắt bi mẫn,

con sẽ tán thán vị bốn tôn phi thường này

để hoàn thiện hai tích tập²¹⁸.

Con đánh lễ Ngài, Đức Tara, bốn tôn trong các bốn tôn,

suối nguồn của mọi thành tựu tâm linh không loại trừ cái nào.

Giống như một viên ngọc quý báu và như ý,

Ngài ban trái quả của mọi điều chúng con ước muốn.

Những chúng sinh thực sự mong ước được thấy trong tâm cõi thuần tịnh của Đức Tara

sẽ hoan hỉ trong những tia thị kiến diệu mát

trong chôn nương tựa êm ả của đóa sen đức tin nở rộ.

Khi từ núi Potala²¹⁹ trở về, tôi bay vút lên hướng về bên trái, và nhờ Đức Tara Trắng dẫn đường, tôi đi tới một nơi mà khắp xứ đều xanh tươi, đẹp đẽ và trong trẻo tràn đầy sinh khí, một môi trường kỳ diệu với nhiều điều đặc biệt phi thường. Những sảnh đường ánh sáng cầu vồng năm màu bay lượn trên không. Nhiều loại hoa sen mọc khắp nơi. Ở đây không có ý niệm về mùa hạ hay mùa đông. Những cây ban-diều-ước đầy lá, treo những chuông chùm và chuông nhỏ. Khi bị gió lay động, chúng vang lên những giáo huấn Phật Pháp bằng tiếng Phạn, như Namo arya tare mam²²⁰. Chim chóc là những hóa thân của Đức Bà Cao Quý – những con chim sẻ, vịt, công, sếu, vẹt, gà gô trắng, chim cu và thiên nga – nô đùa khắp nơi. Mặt đất ngập đầy của cải trừ phú theo một mức độ không thể nghĩ bàn. Những ngọn núi ẩn chứa vàng, bạc, lam ngọc và những ngọc báu. Khắp nơi là những ao cam lồ có tám phẩm tính²²¹ tốt đẹp và những nhà tắm bằng châu báu được trang bị tào nhã.

Trong cõi này không có các ý niệm sinh, lão, bệnh, tử. Tất cả các cư dân đều được sinh ra một cách kỳ diệu từ giữa hoa sen. Trong những đời tương lai họ

không phải nghe một âm thanh khó chịu hay chói tai. Những cư dân này là những Bồ Tát nam và nữ đã đạt tới sự chứng ngộ cao cấp. Nơi chốn này thì vượt quá sức tưởng tượng; kích thước của nó không thể đo lường. Nó gồm chứa hàng ngàn lâu đài rộng mênh mông làm bằng năm chất thể²²² quý báu.

Trong chốc lát, tôi đi tới cung điện chính – một tòa lâu đài rộng lớn tuyệt vời có vẻ bề ngoài thật lôi cuốn và kỳ diệu, có năng lực giải thoát chúng sinh bằng bốn cách²²³. Ngay lúc tôi đi vào cung điện, tôi thức tỉnh khỏi giấc ngủ sâu của ý thức thuộc lý trí bình phàm và thoát khỏi những tấm màn vô minh. Cái thấy nội tại của giác tánh nguyên sơ của tôi trải rộng, và tôi cảm nghiệm tình thương và lòng bi mẫn dạt dào trong lòng.

Khi đi vào cửa phía tây, tôi gặp Guhyadevi, Thiên nữ của những điều Mật nhiệm, Ngài có vẻ hết sức vui mừng khi nhìn thấy tôi. Tôi đi tiếp tới một cái sân ở đó nhiều ngàn thiên nữ, mặc y phục xanh lá cây, hát tụng những lời tán thán hai mươi một thân thánh Tara bằng tiếng Phạn. Thịnh thoảng họ chơi những xập xõa nhỏ hình ngón tay, trống tay bằng vàng và trống làm bằng gỗ đàn hương, gỗ mun, gỗ “tim xoăn”²²⁴ và bốn loại lõi cây, cũng như các xập xõa, công chiêng và sáo. Họ thường ngắt quãng bài hát với âm nhạc được tấu lên bằng đủ loại khí cụ không thể nghĩ bàn này. Khi nghe chúng, tôi thấy dấy lên một cảm thức sùng mộ không tưởng tượng nổi; tôi cúng dường trong tâm và trì tụng hết sức nhiệt thành những lời tán thán hai mươi một thân tướng Tara.

Tôi đi vào một căn nhà nhỏ, ở đó tôi thấy một thiên nữ. Bà có vẻ rất già, tóc trắng xoăn như vỏ ốc xà cừ, nhưng hàm răng còn đầy đủ và nước da bà sáng đẹp như nước da của một thiếu nữ thanh xuân. Vị thiên nữ cao quý phi thường này an tọa với đoàn tùy tùng vây quanh. Bà có mật danh là Gauri Girtima, nhưng được biết nhiều qua danh hiệu thật của Ngài là Ayudevi, Thiên nữ Trường thọ²²⁵. Tôi thực hành những sự lễ lạy, đi nhiễu, cúng dường mạn đà la, lời cầu nguyện bảy-nhánh và những lời khẩn cầu và ước nguyện.

Bà nói: “Cái gì đây, con gái ta? Con may mắn biết bao khi tới gặp ta. Kỳ diệu biết bao! Mỗi liên hệ nghiệp nào giải thích cho sự xuất hiện của con ở đây? Ta là một nữ anh hùng mà những phẩm tính được ẩn dấu. Được vị bổn tôn kỳ diệu – Đức Tara tôn quý – ban phước, ta làm chủ được đời sống kim cương bất tử”.

Ngài đặt bàn tay lên đầu tôi, tỏ ra hết sức vui mừng vì sự hiện diện của tôi và tụng:

Xin đánh lễ Đấng chói sáng như một viên hồng ngọc,

trong sự nở rộ của niềm hỉ lạc tuổi mười sáu²²⁶

Chiến thắng trong trận chiến điều phục thế lực đối kháng của các ma vương,

Ngài ban tặng sự thành tựu đời sống bất tử.

Bà nói thêm: “Ngay cả một biểu tượng cho hình ảnh của ta cũng không được tìm thấy ở Ấn Độ và Tây Tạng. Mặc dù vô số yogi và yogini được ban phước bởi Đức Tara, thực sự viếng thăm cõi giới này, thăm viếng trong các thị kiến, hay trong những giấc mơ, nhưng không ai trong số họ được hội kiến ta”. Tôi sung sướng bởi những lời này.

Tôi tiếp tục tới tòa lâu đài chính rộng mênh mông. Bên trong, tôi thấy năm lớp tường được làm bằng vỏ ốc xà cừ, vàng, san hô, ngọc lục bảo và ngọc bích, tất cả có diềm trang trí bằng hồng ngọc. Các trụ cột được làm bằng ngọc đỏ, các đà mái chính bằng pha lê thạch anh và rui mè làm bằng ngọc như ý. Những cửa sổ rộng và cửa sổ dưới mái ở khắp nơi để chiếu sáng bên trong. Trên đỉnh một gờ trang trí bằng vàng là một trán tường bằng san hô, nâng đỡ một mái vòm bằng lam ngọc pha màu xanh dương nhạt. Ở bốn hướng là các miệng máng xối với đầu makara; miệng chúng có treo những sợi dây và móc bằng ngọc trắng, vàng, đỏ và xanh lá cây, với những chuông chùm bé tí bằng vàng phát ra những âm thanh ngọt ngào. Âm thanh du dương vang lừng cất đi nỗi khổ của chúng sinh trong các cõi thấp. Mùi khói hương thơm ngát của những tâm thái vô lượng thoang thoang khắp nơi²²⁷. Đó là những phô diễn đẹp đẽ của những sự cúng dường tràn đầy từ ái không tưởng tượng nổi.

Giữa tòa lâu đài, trên một tòa sen ngàn cánh nhiều màu và một đĩa mặt trăng là Đấng nương tựa duy nhất, hiện thân đích thực của lòng bi mẫn, bà mẹ siêu phàm của tất cả các Đấng Chiến Thắng trong ba thời, bà chị của chư vị Bồ Tát, là Đấng mà chúng sinh trong thế giới loài người và trong những cõi trời bày tỏ lòng sùng kính bằng cách chạm đỉnh đầu họ vào lòng bàn chân Ngài – chính là Đức Tara tôn quý, vị thiên nữ sinh ra từ những giọt nước mắt của Đấng Cao Quý²²⁸.

Thân Ngài màu xanh lá cây nhạt, chói lọi hơn một ngọn núi lam ngọc được một ngàn mặt trời chiếu sáng. Vô lượng những tia sáng tỏa ra từ thân Ngài, nó được tô điểm bởi những tướng hảo chính và phụ. Đó là thân tướng của một thiếu nữ mười sáu tuổi, mặc y phục làm bằng lụa của những vị trời và trang điểm bằng những vật trang sức vô cùng quý giá gồm những viên bảo châu như ý. Tóc Ngài đen như hạt huyền, nửa mái tóc cuốn lại thành búi và nửa kia chảy xuống phủ trên vai, được bện lại bằng những dải ruy băng lụa màu xanh dương pha xanh lá cây rung rinh trong gió nhẹ. Bàn tay trái kết ấn tượng trưng cho Tam bảo²²⁹ và cầm một nhánh hoa huệ màu xanh dương, các cánh hoa nở rộ cạnh tai Ngài. Với bàn tay phải kết ấn ban cho sự nương tựa²³⁰, Ngài che chở chúng sinh thoát khỏi những nỗi sợ hãi vô biên của thế giới vô minh này trong luân hồi sinh tử. Hai chân Ngài xếp lại trong tư thế bán già của một nữ Bồ Tát.

Nhiều nữ Bồ Tát cao quý đang đi nhiễu quanh Ngài theo chiều nghịch kim đồng hồ. Bậc thông tuệ Suryagupta ở bên phải Ngài, Bồ Tát Dawa Gyaltsan ở phía sau, thi sĩ Chandragomin ở bên trái, và Đức Dipamkara ở phía trước Ngài²³¹. Nói chung, có nhiều ngàn nhân vật quan trọng với những quyền thuộc của các Ngài và một tập hội không thể nghĩ bàn gồm hàng trăm hàng ngàn thân tướng của Đức Tara, gồm cả Tara Tiếng Gầm Sấm Sét của Rồng, Tara Năng lực Siêu phàm, Tara Thành tựu Tự Nhiên, Tara Vô Úy, Tara Tia Sáng, Tara Điều Phục Chúng Sinh, Tara ở Zang-yun²³², Tara Không Thể Nghĩ Bàn, Tara Phương Tiện Thiện Xảo, Tara Giác Ngộ, Tara Trung Tâm Tây Tạng và Tara Trung Quốc. Những vị này hiển hiện rõ ràng trước mắt tôi, nhưng thân tướng các ngài không phải là tập hợp hiện hữu nội tại của máu và thịt. Thay vào đó, đó là những thân tướng huyền hóa của giác tánh nguyên sơ, một sự phô diễn kỳ diệu hiển lộ trong vô số phương tiện. Tôi nhìn thấy các Ngài trong toàn bộ sự chói ngời tinh tế của các Ngài, giống như những vì sao và hành tinh phản chiếu trên đại dương bao la.

Vào lúc này, sự bám chấp của tôi vào thực tại bình phàm tự nhiên ngừng dứt. Trong một quãng thời gian ngắn, tôi kinh nghiệm một cảm thức không thể diễn bày, không tương tượng nổi về trật tự của vũ trụ vô hạn, một toàn cảnh rộng lớn và hoàn toàn không bị ngăn che của sự thuần tịnh không có gì để bám níu như cái gì hoàn toàn có thực. Tôi lễ lạy liên tục trong một tâm thái tin tưởng và hết sức hoan hỉ. Tiến lại gần vị thiên nữ tôn kính, tôi dâng cúng mạn đà la vũ trụ và lời cầu nguyện bảy-nhánh. Với sự khát khao mãnh liệt, tôi cầu nguyện ba bốn tôn trông nom Xứ Tuyền²³³. Đặt bàn chân Ngài lên đầu tôi, tôi hát bài ca này bằng những âm thanh ai oán:

Than ôi, than ôi, Bà Mẹ bi mẫn của các Đấng Chiến Thắng!

Đưa con gái yêu quý của Ngài lang thang trong vẻ hoang tàn của vòng luân hồi sinh tử,

Tạo dựng bởi những tên trộm cướp là tám mươi ngàn kiểu niệm tưởng.

Cô ta đang ở thời điểm mất đi một tài sản tốt đẹp nhất là đức hạnh viên mãn. Xin tóm lấy cô ta với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Giờ đây, như các biểu hiện cho thấy những thời đại suy hoại này nổi cơn thịnh nộ với chúng ta,

Giáo lý của các Đấng Chiến Thắng là một mặt trời đang tiến về trú xứ của vị trời nước²³⁴.

Tập hội các thiện tri thức nắm giữ Giáo lý đã khởi hành tới một cõi yên bình.

Giáo lý của kinh điển và tantra bị che khuất bởi những đám mây định kiến bè phái.

Xin tóm lấy chúng con với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Nhiều chúng sinh hữu tình không có một chốn nghỉ ngơi.

Đau khổ thường xuyên bởi bệnh tật do nghiệp và những cảm xúc phiền não,

họ chịu đựng hậu quả là nỗi khổ và đau đớn không chịu đựng nổi.

Thời gian sẽ rất dài trước khi họ đi tới xứ sở của toàn trí và giải thoát.

Xin tóm lấy họ với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Sắc màu của những tinh linh xấu ác nổi bật trên bầu trời.

Ánh sáng nhạt nhòa từ lá cờ chiến thắng của những hành giả của Pháp.

Giờ đây là lúc thế giới tràn ngập những kẻ bất tài bịp bợm tâm linh,

để chúng sinh không bị lôi kéo vào những con đường lầm lạc,

xin tóm lấy họ với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Lũ người man dã và các bộ tộc biên giới kết thúc Giáo lý.

Các cuộc chiến đấu được tiến hành không ngừng nghỉ với năm lực lượng xấu ác²³⁵.

Những đội quân hủy diệt của các ma vương đang ở thời điểm xâm lược.

Nếu Ngài không che chở chúng con thoát khỏi những lực lượng này, thì Ngài sẽ biểu lộ trí tuệ và năng lực cho ai?

Xin tóm lấy chúng con với lòng bi mẫn của Ngài, Đức Bà Tara cao quý.

Tôi thốt ra nhiều lời cầu nguyện khác, tâm tôi tràn đầy sự khao khát. Thiên nữ cao quý đặt bàn tay phải, nó được đánh dấu rõ ràng bằng tướng hảo là một bánh xe như-ý²³⁶ lên đầu tôi và trả lời:

Hãy lắng nghe, ôi thiếu nữ đáng yêu, Chandra Tara²³⁷.

Trong quá khứ, vào khởi đầu của những kiếp sớm nhất,

khi ta phát khởi Bồ Đề tâm tuyệt hảo,

không ai ước nguyện làm viên mãn Phật Quả trong một thân tướng phụ nữ.

Vì thế ta ấp ủ nguyện ước sau:

“Tôi sẽ xuất hiện trong thân tướng những người nữ.

Tôi sẽ đem đại dương chúng sanh này tới sự giác ngộ siêu việt.

Giây phút họ nhớ tưởng thậm chí danh hiệu của tôi,

Họ được cam đoan là sẽ đứng trước tám loại sợ hãi²³⁸

và cái hầm của sự luân hồi sẽ được kéo vệt tận đáy.

Cho tới khi tôi đưa họ tới Phật Quả viên mãn,

cầu mong bản thân tôi không bao giờ đạt được Phật Quả”.

Với những ước nguyện này và một trăm ngàn ước nguyện khác,
tôi lập các lời hứa và thệ nguyện.

Và trong cõi giới này, vào thời một vị Phật nguyên thủy,
tuy thế tôi đã biểu thị phương cách để viên mãn Phật Quả.

Lòng bi mẫn của tôi lớn lao đối với tất cả chúng sinh;

Hoạt động của tôi nhanh chóng, đặc biệt là đối với thân dân Tây Tạng.

Vì thế, những người thông tuệ và may mắn,

hãy bảo vệ kỹ lưỡng mệnh lệnh sau đây của vị thiên nữ cao quý:

Vào thời đại của năm sự suy hoại²³⁹, khi giáo lý chỉ còn là những dấu vết,
khi chẳng bao lâu những cuộc xâm lăng man rợ sẽ chấm dứt mọi sự,

vật chống đỡ cao quý này²⁴⁰, được phú bẩm tánh lười nhác thực hành, bị đe
đọa bởi tiếng chuông của sự vô thường.

Nếu các bạn lầm lạc nhân và quả, hãy tham khảo Kinh điển và các tantra để
đem lại hạnh phúc và giải trừ khổ đau²⁴¹.

Tài sản và của cải, bằng hữu và quyến thuộc, cha và mẹ không phải là nơi
nương tựa.

Cái gì cung cấp nơi nương tựa? Đó là Tam Bảo không lầm lạc.

Đặc biệt, ngày và đêm liên tục trong sáu thời, hãy cầu nguyện ba bản tôn che
chở Xứ Tuyệt Tây Tạng.

Đức Phật Amitabha trong cõi Cực Lạc.

Đức Avalokiteshvara cao quý trong cõi Potala,

Đức đạo sư T'hod T'hreng Tzal ở tiểu lục địa Chamara,

Đức Tara cao quý ở cõi Yulokod,

và các đạo sư gốc là tinh túy sự hợp nhất của các vị này –

đồng nhất trong bản tánh cốt tủy, chỉ khác biệt trong sự xuất hiện bên ngoài,

không có sự tách biệt hay phân chia, các Ngài ở trong một trạng thái nguyên thủy của sự bình đẳng với giác tánh nội tại của riêng các bạn,

vượt lên sự hợp nhất trong ý nghĩa thông thường của sự tụ hội và tan tác.

Hãy luôn luôn chú tâm tới đức hạnh.

Chớ lãng phí đời người này trong sự phóng dật,

hoặc nói Pháp ngoài cửa miệng,

mà hãy chân thành tận đáy lòng các bạn,

hãy nương dựa đức tin, cái thấy thuần tịnh, lòng bi mẫn, Bồ Đề tâm,

sự tinh tấn, trí tuệ, sự chánh niệm, tỉnh giác và tự điều phục.

Nếu ba giai đoạn chuẩn bị, thực hành chính yếu và sự kết thúc đều viên mãn, trái quả mục đích của các bạn sẽ chín mùi.

Đặc biệt, nếu các thần chú tinh túy của ba bồ tôn của lòng đại bi –

các thần chú mani, siddhi và tare –

hoặc ngay cả một nghi thức chay nyungnay duy nhất do chính các bạn hay người khác thực hiện

sẽ giải tan hậu quả của những ác hạnh và vi phạm giới nguyên của các bạn trong bốn mươi ngàn kiếp,

thì cần gì nói tới những lợi ích và thuận lợi của sự thực hành thường xuyên?

Vì thế, hãy hành xử theo đạo đức, không làm lạc nhân và quả.

Một cách chắc chắn, là những người may mắn, các bạn có thể cầu nguyện
sẽ không nhọc mệt hay khó khăn

để đi tới cõi Yulokod không do dự chần chừ sau khi chết.

Ta thề rằng ta sẽ tới chào đón các bạn.

Các hóa thân của ta, như những thiện tri thức bình thường,

đàn ông và đàn bà, thú vật và chim chóc, và những gì tương tự,

mang bất kỳ hình tướng nào sẽ dẫn dắt và chăm sóc chúng sinh.

Bởi vô số người trong số họ,

có niềm tin và cái thấy thuần tịnh, và khẩn cầu cùng ước nguyện thiết tha.

Những lời dạy của Ngài đã gây một niềm tin và hoan hỉ vô biên trong lòng tôi, tôi lặp đi lặp lại lời cầu xin được nhận bốn quán đảnh²⁴². Và mặc dù tôi cảm thấy nỗi khổ khi phải xa cách Đức Tara còn đau đớn hơn nỗi khổ của các vị trời đang đọa lạc từ hạnh phúc của họ, Đức Tara nói với tôi: “Chớ buồn phiền trong lòng! Chúng ta không bao giờ ly cách trong bất kỳ cuộc đời nào. Ta ban cho con Pháp danh Rigdzin Drolma, Tara Đấng Trì giữ Giác tánh Nội tại. Hơn nữa, một thiên nữ, một hóa thân của năng lực hoạt động của ta, sẽ ở bên con trong sáu thời ngày và đêm, giống như một người đang nói chuyện với người kia”.

Tiếp tục đi, tôi tới một phòng nhỏ, ở đó tôi gặp Repa Dampa Gyagar, thân Ngài lực lưỡng, tóc trắng và hơi gầy, Ngài có bốn con trai và bốn con gái. Người nhỏ nhất tên là Chhang Trama nói với tôi: “Thật tuyệt vì cô đã tới tìm tôi” và bắt đầu một điệu vũ và bài ca về Đức Tara. Cô ta tỏ ra rất quý mến tôi. Cha cô ngồi bên cạnh, cầm một bình trường thọ, cười một mình. Khi tôi xin Ngài cầu nguyện cho tôi, Ngài lại cười và nhìn chăm chú, tập trung sự chú tâm trong một lát.

Tôi rời tòa lâu đài bằng cửa phía tây. Tôi tắm trong một cái ao và uống chất cam lồ bất tử. (Nếu tôi phải tường thuật mọi điều nhìn thấy và tất cả những người tôi đã gặp ở đó, thì chắc chắn là sẽ đầy nhiều quyển sách, nhưng tôi không thể viết ra tất cả).

Ở một nơi không xa, tôi bắt gặp một cây karandatava, có gốc bằng vàng, thân bằng bạc, cành bằng ngọc bích, lá bằng hổ phách, hoa bằng hồng ngọc và trái bằng kim cương. Đó là một cây ban điều ước muốn và dường như che phủ mặt đất. Nó có treo những lá cờ bằng lụa nhiều màu, và những sợi dây và thòng lọng bằng ngọc có gắn những chuông chùm nhỏ bằng vàng kêu leng keng. Đầu trên ngọn cây là vua loài chim – một con chim masar, dù nó được gọi bằng một tên khác, karantava. Thân nó được tạo bằng bảy loại châu báu và trên đỉnh đầu nó là một cái mào làm bằng ngọc sarvaphala. Bộ lông của nó còn đẹp hơn bộ lông công và tiếng hót thì bằng tiếng Phạn: Sarva buddhaye eka potala yana duhkhashantim siddhiphala hoh, có thể dịch là: “Để thành tựu hoàn toàn Phật Quả, là các gì viên mãn trong mọi thể cách, hãy đi tới cõi Potala. Cầu mong chúng sinh trong sáu cõi luân hồi được giải thoát khỏi đau khổ và cầu mong những thành tựu tâm linh được ban tặng”.

Ngồi nơi gốc cây là một ông già tóc trắng đang cầm một cái rìu. Ông ta tên là Arthachandra (Mặt trăng Hoàn thành các Mục đích). Khi tôi nghỉ ngơi ở đó và ăn trái quả hái từ cây này, người đàn ông nói to: “Đứa con trai do Đức cao quý Avalokiteshvara gửi tới, có tên là Karmasarvamangala, hiện ra từ gốc cây karandatava”.

Vào lúc này, đàn chim bắt đầu hót lanh lảnh” “Than ôi!” Chúng vỗ cánh, trong khi nước mắt tuôn rơi. Vua của chúng kêu than:

Xin đừng hạ cây karandatava!

Chim karantava sẽ rơi xuống đất.

Ôi ông ơi, cầu mong ông trường thọ và thoát khỏi bệnh tật.

Tôi, con chim, sẽ đi tới Potala.

Tôi nhìn thấy những cảnh người đàn ông đốn cây và con chim rơi xuống xen kẽ nhau. Tôi có nhiều thì kiến bí ẩn như thế. Sau đó một hành giả cư sĩ, được Đức Avalokiteshvara cao quý ban phước, xuất hiện và nhìn tôi trong khi tôi

tụng những lời tán thán hai mươi một thân tướng của Đức Tara. Sau một lát ông ta nói: “Đây là lợi ích của việc trì tụng như thế”.

Tất cả những ai trì giữ lời cầu nguyện này trong tâm sẽ nhỏ sạch mọi lỗi lầm và thiếu sót không loại trừ điều gì,

hãy phát triển các phẩm tính tốt giống như vàng trắng tròn

và được một ngàn vị Phật ban phước.

Ôi kỳ diệu thay lời tán thán cao nhã nhất này;

Chỉ một lần gọi nó trong tâm

Dứt khoát người ta sẽ được tái sanh

Trong Cõi Cực Lạc linh thánh tuyệt hảo.

Ông ta dùng mô tả những lợi ích thế tục và siêu việt như chúng được giảng trong nguồn mạch truyền thống.

Sau đó xuất hiện một người mà trong những đời trước đã có một liên hệ samaya với Đức Vajradhara (Kim Cương Trì) và Guru Padmasambhava, và là người bảo vệ kho tàng ẩn dấu của Phật Pháp mênh mông và sâu xa. Sau này bà là phối ngẫu tâm linh của Đức Mila Zhadpa Dorje (vật trang sức duy nhất của dòng thực hành trong Xứ Tuyết) khi Ngài ở trong vùng núi Everest và Chhubar, và vì thế đã rút năng lực vi tế và tâm thức của Ngài vào kinh mạch trung ương²⁴³. Cuối cùng, bà là bản tôn bảo vệ riêng của vị tulku siêu phàm Jigmed Do-ngag Tandin (một bậc trì giữ kim cương của giác tánh nội tại) và Dechen Dorje²⁴⁴ (một vương miện trong số hàng trăm bậc thông tuệ tâm linh), tẩy trừ mọi chướng ngại cho sự trường thọ của hai vị thầy này và hướng dẫn sự phát triển những hoạt động của các ngài để làm lợi ích chúng sinh một cách vô tư. Được biết nhiều với danh hiệu Tashi Tseringma, nữ hoàng của các thiên nữ được sự, từ trung tâm thiên định của vị thầy cao quý của tôi, bà gọi to ba lần: “Con, con gái – Dawa Drolma! Hãy trở về cõi người!”.

Khi nghe giọng nói của bà vang lên, tôi bắt đầu nhớ tới người chú tôn quý của tôi cùng những bằng hữu, thân quyến và cha mẹ tôi đang ở miền T'hrom. Tâm tôi tràn ngập một sự khao khát là lòng và tôi nghĩ tới việc quay

về. Và vì thế, cùng với Đức Tara Trắng đi kèm, tôi trở về trong chốc lát. Năm ngày tròn (đó là mười thời kỳ mười hai-tiếng trong ngày hay đêm) đã trôi qua trong cõi người. Khi tâm thức tôi trở về thân xác, tôi hắt hơi dữ dội. Trước hết tôi kinh nghiệm một sự hoàn toàn lạc hướng, như thể tôi vừa ngủ dậy, nhưng chẳng mấy chốc tôi bị tràn ngập bởi niềm tin và sự hỉ lạc trước những thị kiến về các cõi thuần tịnh và cảnh tượng khủng khiếp trong các thị kiến thuộc nghiệp của các địa ngục²⁴⁵.

Cậu Trungpa²⁴⁶, đứng trước mặt tôi cầm một mũi tên có trang trí dải ruy băng trường thọ và nhìn tôi chăm chú bằng đôi mắt đỏ ngầu. Tôi không thể nói một lời, như thể tôi hơi bẽn lễn. Tôi được tẩy tịnh theo nghi lễ với nước mưa được chế thành thuốc của các thâu thị²⁴⁷ và bằng nước được dùng trong thực hành thiền định của thiên nữ bảo vệ Vijaya.

Mọi người kêu khóc và phân khích, nói những điều như: “Việc này không khó khăn sao? Hẳn là con đói lắm! Chắc hẳn con khát lắm!”. Hầu như họ cố đồ đồ ăn và thức uống lên đầu tôi. Mặc dù tôi phản đối: “Tôi hoàn toàn không khó chịu bởi đói hay khát” nhưng họ không tin tôi và cố nài: “Ăn đi! Uống đi”. Mọi người đều cảm thấy vô cùng vui sướng như nỗi vui của một lạc đà mẹ tìm thấy đứa con bị lạc của nó, và cùng tham dự một bữa tiệc mừng.

Rồi tôi nghỉ ngơi trong một hoặc hai ngày, sau đó tường thuật của tôi về các cõi thuần tịnh Potala và Yulokod và các cõi địa ngục được Tulku Gyazur ghi chép lại mà không bịa đặt hay thêm thắt điều gì.

Thân, ngữ và tâm bí mật của tất cả vô lượng các Đấng Chiến Thắng

Được hợp nhất không hề ly cách trong Đức Tara, bà mẹ của các Đấng Chiến Thắng.

Ngay khi tia bi mẫn sắc nhọn của Ngài đâm trúng tim con

nó xua tan mọi bóng tối trong con.

Đằng sau các cõi thuần tịnh, bởi những ước nguyện trước đây của con,

đã thực sự xuất hiện rõ ràng trong tấm gương của trái tim con,

tường thuật đúng đắn và chính xác này, thoát khỏi mọi sự cường điệu hay giản lược

và không bị tổn hại bởi quỷ ma của sự bè phái phân biệt hay ganh ghét đố kỵ,

xuất hiện chỉ nhờ ân phước của các đạo sư của con.

Vì thế, nếu chúng con nhiệt thành tôn kính các bậc linh thánh đó,

là những thiện tri thức chỉ cho chúng con con đường đúng đắn,

trong mọi cuộc đời của chúng con, cầu mong các ngài ban cho chúng con những ân phước.

Sarva mangalam – cầu mong mọi sự tốt lành.

May mắn, may mắn, may mắn!

Cầu mong sự tốt lành cháy rục và thế giới được trang hoàng.

Jayantu – cầu mong chiến thắng.

---o0o---

5- CẦU THANG ĐƯA TỚI GIẢI THOÁT

TÓM LƯỢC NHỮNG HẬU QUẢ CỦA ĐỨC HẠNH VÀ ÁC HẠNH

Hri Tự nhiên và thoát khỏi sự tạo tác là đạo sư Pháp Thân;

niềm hạnh phúc lạc siêu việt của sự tráng lệ của hiện thể - Báo Thân – là đạo sư, chúa tể của Pháp;

sanh trong một cọng sen dài là đạo sư Hóa Thân²⁴⁸.

con đánh lễ bậc Kim Cương Trì của ba thân.

Bồn tôn không lầm lỗi, thân Ngài sắc trắng,

đầu Ngài tô điểm một vị Phật Toàn Giác,

chăm chú nhìn chúng sinh với đôi mắt bi mẫn bẩm sinh:

con đánh lễ Đức Avalokiteshvara²⁴⁹.

Là nơi nương tựa, đáng sanh ra tất cả các Đấng Chiến Thắng và là lãnh vực trong đó các ngài biểu lộ sự phô diễn của mình²⁵⁰,

hỡi Mẹ, Đức Tara tôn kính, dưới gót sen Ngài,

cho tới khi con đạt giác ngộ

con sẽ quy y với lòng sùng mộ, hoàn toàn trông cậy nơi Ngài.

Sau khi được bà mẹ tốt lành sanh, tôi, Dawa Drolma, con gái của gia đình Tromge, đã đối xử thương yêu với mọi chúng sinh khốn khổ bằng lòng bi mẫn. Năm mười lăm tuổi, tôi buồn khổ vì bệnh tật; mẹ tôi, Đức Tara Trắng, phấn khích tôi và làm thuyên giảm hoàn toàn những đau đớn của tôi bằng một loại thuốc đã cứu tôi thoát khỏi cái chết. Trong thời gian mười ngày đêm²⁵¹, tôi bỏ ăn và kinh nghiệm các linh kiến tiên tri chúng thúc đẩy tôi tìm kiếm xem đức hạnh là gì. Đằng sau những sắc tướng của đời này và sự tỉnh giác của tôi về chúng bị ngăn che, bốn dakini đã trở thành bạn đồng hành của tôi và khiêng tôi trên một cái kiệu lụa. Trong một thời gian ngắn, tôi đã du hành qua lối đi hẹp của bardo. Tôi có những thị kiến kinh khiếp, thoáng qua và lơ mơ; tôi cũng thấy vài đạo sư linh thánh dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi trạng thái đó và tôi trò chuyện với các ngài trong một tâm trạng vừa tin tưởng vào lòng bi mẫn của các ngài vừa không ảo tưởng đối với sự hiện hữu luân hồi.

Om mani padme hung hri.

Cõi giới núi Huy Hoàng có hình dáng như một trái tim. Trên những sườn núi hùng vĩ của nó, giữa thành phố của các dakini, giữa một lâu đài nhiều tầng, vô cùng trong suốt, tôi gặp Đức Orgyan vinh quang và quyến thuộc của Ngài gồm các bậc Hóa thân, vua xứ Tây Tạng và các thân dân của nhà vua²⁵². Với niềm tin và nỗi khao khát, tôi phục lạy và khẩn nài Ngài ban cho nơi nương tựa. Ngài ban cho tôi những quán đánh và ban phước đặc biệt, tâm tôi tràn đầy cảm xúc bi mẫn. Ngài nói: “Đừng quên những cách thức trong đó những

thị kiến về sáu loài chúng sinh biểu lộ với con; hãy trở về cõi người để nài xin con người đeo đuổi đức hạnh”. Tập hội của daka, yogini và bà mẹ Tsogyal, vị dakini của giác tánh nguyên thủy, đã tỏ lòng tôn kính tôi bằng cách đi theo tôi một trăm bước. Tôi làm vui lòng các ngài bằng những lời khẩn cầu ước nguyện cao nhã của tôi.

Cùng với Đức Tara Trắng, vị bảo trợ giám hộ của tôi, để gây cảm hứng cho chính mình, tôi băng qua lối đi dài và hẹp của bardo. Ở đó, tôi thấy những ấn tượng thoáng qua và lơ mơ về mọi loài chúng sinh đã khuất (những người tôi biết và cả những người tôi không quen biết) đang cùng nhau quay cuồng trôi dạt. Kêu khóc thảm thiết, những kẻ bất hạnh này trao cho tôi nhiều thông điệp nản lòng để đem về thế giới của những người còn sống mà họ đã để lại sau lưng. Họ van nài: “Bởi lòng yêu thương và bi mẫn đối với chúng tôi, xin hãy chuyển dùm những thông điệp”. Nắm chặt tay tôi, nước mắt họ tuôn như suối. Không thể chịu đựng nổi cảnh tượng này, tôi lặp đi lặp lại thần chú mani.

Om mani padme hung.

Khi du hành qua thế giới bên kia của người chết, tôi nhận ra rằng những người không có sự an ủi của Phật Pháp thì đau khổ biết bao. Từ trên trời đổ xuống một trận mưa đỏ như máu các vũ khí và cả một vùng chung quanh rùng mình bởi âm thanh âm âm như tiếng gầm rống của một ngàn con rồng, trong khi trên mặt đất những cư dân dữ tợn khua những vũ khí ác liệt và la hét: “Giết, giết! Đánh, đánh!”. Bóng tối dày đặc của nỗi khốn khổ bao trùm vùng đất đó.

Om mani padme hung.

Những người đã từng thực hành Phật Pháp được hạnh phúc và hài lòng trong bardo. Đối với họ, bầu trời ngập đầy hàng trăm cầu vòng và một trận mưa cam lồ ngọt ngào đổ xuống, trong khi từ muôn phương các daka và dakini hát ca, nhảy múa và chơi những nhạc cụ, trao tặng những đám mây gồm những vật cúng dường và đưa dẫn những chúng sinh này trên con đường tới sự cực lạc giải thoát. Đối với họ, một ngày của niềm hạnh phúc đã lộ rạng.

Om mani padme hung.

Bạn đang ở trong thế giới của người sống, cho dù bạn từng tích lũy y phục suốt một trăm năm, bạn sẽ ra đi trần trụi buổi sáng ngày bạn chết; nên tốt

hơn, hãy mặc y phục xuềnh xoàng trong khi thực hành đức hạnh. Mặc dù bạn tích trữ lương thực trong một thời gian dài, bạn sẽ đói khát vào buổi sáng ngày bạn chết; nên tốt hơn, hãy cho đi ngay cả thức ăn thừa của bạn. Mặc dù bạn cóp nhặt tài sản suốt cả cuộc đời, bạn sẽ ra đi với hai bàn tay trắng vào buổi sáng ngày bạn chết; nên tốt hơn, hãy chuẩn bị tư lương cho hành trình của bạn trong những đời sau. Vào buổi sáng ấy, khi sợi thông lọng tối ám của Thần Chết xiết quanh bạn, và đó là lúc bạn phải ra đi, thì bất lực biết bao, cha mẹ bạn sẽ chẳng có ở đó để bảo vệ bạn, những quyến thuộc và bằng hữu yêu mến của bạn sẽ không có ở đó để che chở bạn. Bạn sẽ nhận ra rằng họ chỉ là những đối tượng của hoài ức của bạn về niềm hạnh phúc và vui thú, rằng họ không có thực chất. Hãy vất bỏ những gông cùm này của hình tướng và tri giác đặt nền trên sự vô minh, bởi chắc chắn rằng đây là lúc để thực hành Phật Pháp tuyệt vời, nó sẽ thực sự làm lợi lạc cho bạn trong đời sau. Chớ để phần đời người còn lại của bạn trôi tuột đi mất.

Om mani padme hung.

Tuy nhiên, trong thị kiến bất tịnh khác, tôi nhìn thấy những cảnh tượng lò mờ, khủng khiếp của địa ngục. Trong một pháo đài dễ sợ đầy dầu lâu, trên một cái ngai cao chông chát sợ người là Thần Chết, khủng khiếp và hung ác. Những thuộc hạ ghê gớm của ông đang cùng nhau cai quản vô số chúng sinh đã chết và đang ở trong bardo. Mỗi người trong những chúng sinh này được một đũa trẻ sáng đẹp và một đũa trẻ tối ám đi kèm, chúng rất tài ba trong việc ước định những thiện hạnh và ác hạnh. Awa Langgo, thuộc hạ đầu-bò, khéo léo trong việc đọc những bản báo cáo cuộn tròn; thuộc hạ đầu-sư tử đang đánh trống công lý nghiệp quả; thuộc hạ đầu-rắn đang tiên đoán trong một tấm gương; thuộc hạ đầu-hươu đực đang sắp xếp dụng cụ tra tấn; thuộc hạ có đầu của một con gấu tuyết đỏ đang đánh bóng các vũ khí; thuộc hạ đầu-khi đang đo lường sự cân bằng (giữa thiện và ác), thuộc hạ đầu-gấu đang phân biệt thiện hạnh và ác hạnh. Bảy thuộc hạ này đã thẩm tra kỹ lưỡng thiện nghiệp và ác nghiệp của những người đã chết; đang ngợi ca tán thán những người có trí tuệ siêu phàm và đưa họ đi theo con đường sáng ngời dẫn tới giải thoát.

Om mani padme hung.

Những kẻ không có những phẩm tính tâm linh bị nắm tóc lôi xuống một con đường dẫn tới sự tăm tối, trong khi những thuộc hạ kêu gào: “Giết chúng! Đánh chúng!”. Bị đưa tới các địa ngục nóng và lạnh, họ sẽ phải chịu đau đớn không ngừng trong một kiếp.

Om mani padme hung.

Sự thương xót của tôi đối với chúng sinh khốn khổ đó thật không chịu đựng nổi. Tôi hát tụng các thần chú mani và tare bằng một giai điệu ai oán, nó đem lại chút lợi lạc nhỏ bé cho những ai có liên hệ với tôi bằng đức tin và sự khao khát.

Om mani padme hung.

Dharmaraja chăm chú nhìn tôi và hỏi gặng: “Cô gái, cô đã làm những đức hạnh hay ác hạnh nào? Không có lợi ích khi che giấu bất kỳ điều gì, vì thế hãy nói cho ta nghe!” Đức Tara, vị bảo trợ của tôi, đứng lên, cúi đầu cung kính và nói: “Chao ôi! Cô gái này có đức tin và sự kính trọng, vì thế xin đừng giận dữ với cô ta. Cô ấy đối xử từ bi với người dưới và luôn luôn tránh làm điều ác”. Mặc dù sự khẩn cầu của Ngài, Dharmaraja nói với tôi “Hãy phơi bày những đức hạnh và ác hạnh của cô”.

Thuộc hạ đầu-bò xem kỹ cuộn giấy. “Hê, hê! Mặc dù tham gia nhiều hoạt động, cô vẫn kiên định với mục tiêu chính”.

Cô gái này nói với vẻ cung kính: “Tôi đã phạm lỗi khi mạnh tay xô ngã những đứa trẻ ngã nghịch”. Khi nói những điều này tôi cảm thấy sờ sợ.

Tuy nhiên, Dharmaraja hơi mỉm cười và nói: “Mặc dù có thể cô cần tự tịnh hóa lỗi lầm, nhưng thái độ thương yêu và che chở trẻ em của cô chiếu sáng bất kỳ ác hạnh nào có thể cô đã phạm. Ta có thể gọi trả cô về cõi giới của cô. Bây giờ hãy chú tâm tới cảnh giới địa ngục, các thông điệp do người đã chết gửi và mệnh lệnh của riêng ta cho thế giới của người sống và hãy tường thuật chúng thật rõ ràng. Cũng thật đúng lúc cho cô để sám hối các ác hạnh và tiếp tục nhiều điều đức hạnh. Từ nay về sau, hãy quả quyết rằng cô không làm điều gì để phải xấu hổ”.

Om mani padme hung.

Mặc dù người chết gửi về nhiều thông điệp, hãy cho phép tôi thỉnh cầu các bạn tụ hội ở đây để nghe những vấn đề trọng yếu. Các bạn là những người được ở lại trong thế giới này của người sống, nghiệp tích cực và tiêu cực chắc chắn phải được tổng kết. Những chúng sinh bất hạnh trong các cõi thấp phải liên tục chịu đựng nỗi khốn khổ mà không có cơ may thoát khỏi, vì thế

đừng để mỗi xúc động và lòng bi mẫn của các bạn đối với họ bị chìm lắng. Bây giờ là lúc để các bạn nhân danh họ mà nhanh chóng hồi hướng một vài công đức.

Om mani padme hung.

Đối với đức hạnh, trong ý định và trong thực tế, đây là lúc để nương cậy vào các điểm trọng yếu của sự tích tập, tịnh hóa và tăng trưởng²⁵³. Để tịnh hóa các chướng ngại, giống như đứng lên lại bằng cách dựa vào mặt đất nơi các bạn té ngã, hãy quán tưởng, cung kính, thờ phụng một cách trong sáng các đối tượng của đức tin của các bạn và hãy dâng lời sám hối. Ba hành động là sao chép, tụng đọc và truyền bá những mệnh lệnh của Dharmaraja, và đặc biệt là Kinh Giải Thoát, Kinh Tịnh Hóa Ba Nhánh, Tụng Niệm Hồng Danh Phật, Kinh Dược Sư, Sám Hối các Tội Phạm Giới và Tantra Sám Hối, là những phương cách tối hảo để tịnh hóa các che chướng. Đức Phật Vajrasattva, Đức Phật Vairocana Toàn Tri, Đức Phật Akshobhya Bất Động, những nghi lễ của các bản tôn hòa bình và phần nộ, nghi lễ Sự Lưới Vét từ Tận cùng Địa Ngục, Akashagarbha²⁵⁴, Kinh Giải Thoát và hai văn bản tên là “Bất Nhiễm” – hãy sử dụng chín phương tiện này để tịnh hóa các che chướng trong các sự tiếp cận Kinh điển và Tantra. Một cách kiên trì, với niềm tin và lòng bi mẫn, hãy duy trì ba điểm của sự tỉnh giác tươi mới²⁵⁵ và hãy trì tụng các thần chú mani, siddhi và tare, cũng như thần chú trăm-âm. Hãy phát lên những lá cờ cầu nguyện, khắc các thần chú lên đá, quay bánh xe cầu nguyện và cử hành nghi lễ chay nyungnay. Hãy giải cứu chúng sinh thoát khỏi sự ác, hãy chuộc lại mạng sống của những chúng sinh chắc chắn bị giết hại và khoanh các vùng cấm đối với thợ săn. Bây giờ là lúc cúng dường để cấp dưỡng cho các hành giả và những bữa tiệc tsog. Hãy nỗ lực để bảo đảm những tình huống có thể hỗ trợ cho sự thực hành Pháp và để giúp đỡ người khác. Nếu mối quan hệ của họ không lỏng lẻo thì những người chết có sự nối kết với người sống qua gia đình, Giáo Pháp, hay các đối tượng vật chất sẽ được thụ hưởng những lợi lạc của bất kỳ đức hạnh nào được hồi hướng cho họ. Hãy kiên trì trong việc hồi hướng đức hạnh nhân danh những các nhân riêng biệt. Nếu các bạn thực hành theo cách này thì lợi ích sẽ rất to lớn; nói chung, người chết và người sống cùng chia sẻ một vận mệnh chung cơ bản. Tôi báo cho các bạn” “Đừng quên những thông điệp của người chết. Đừng tự xa cách hay chối bỏ họ”. Các bạn là những người có sự hiểu biết, hãy ghi nhớ điều này trong tâm.

Om mani padme hung.

Hơn nữa, vị vua định mệnh đưa ra những mệnh lệnh sau đây:

Tất cả các ông ở trong thế giới những người sống, cao hay thấp;

Mọi sự sinh ra đều phải chết đi, và mọi sự hội tụ phải tan tác.

Kết quả sau cùng của sự tập hợp là phân tán và kết quả sau cùng của sự sinh khởi là suy hoại.

Bởi không điều gì trong vòng hiện hữu sinh tử là thường hằng hay kiên cố, chớ níu chặt sự có vẻ thường hằng của các sự vật hoặc bám dính vào chúng như thật có.

Bất kỳ điều gì xuất hiện trước mặt các ông thì giống như những kinh nghiệm trong một giấc mơ;

đừng bám luyến vào những hình tướng huyễn mộng của hạnh phúc.

Nếu các ông ước muốn hạnh phúc, hãy bỏ đi sự sao nhãng và biếng lười.

Hãy phát triển sự từ bỏ, Bồ Đề tâm, và một nhãn quan thanh tịnh.

Hãy hiến dâng ba đại lộ của hiện thế²⁵⁶ của các ông cho cái gì hoàn toàn tích cực.

Nếu các ông không ước muốn đau khổ, hãy tịnh hóa các hậu quả của những ác hạnh trước kia,

và kiên quyết không tái phạm chúng.

Những nghiệp quả của các hành động tích cực và tiêu cực thì không thể sai chạy;

chớ phủ nhận chúng bằng những lời trống rỗng.

Các ông sẽ tái sinh trong một xứ sở tối tăm kéo dài một đại kiếp.

Những kẻ có dục vọng và tham muốn to lớn sẽ phải chịu đựng sự đói khát trong các cõi ngạ quỷ trong một triệu tám trăm ngàn năm.

Những kẻ có động lực xấu ác và luôn ám ảnh sự giết hại

sẽ kinh nghiệm các địa ngục nóng và lạnh trong nhiều kiếp.

Những kẻ mắc phạm các ác hạnh chống trái những bậc tôn quý,

Những kẻ phạm các hành động bị nghiệp báo tức khắc²⁵⁷,

hay những kẻ từ bỏ Pháp hoặc giữ những tà kiến với nó

sẽ bị tái sinh trong Địa Ngục Kim Cương và ở đó trong một kiếp, kinh nghiệm nỗi khổ khủng khiếp không hề gián đoạn.

Những kẻ ganh tị và đua tranh, hoặc những kẻ vui thú trong sự gây gỗ và tranh đấu,

sẽ chịu đau khổ dài lâu trong các cõi bán thần.

Những kẻ tâm thức căng đầy kiêu ngạo và những người có thiện nghiệp thì bị phụ thuộc vào sự cạn kiệt

sẽ bị tái sinh trong các cõi trời và cuối cùng sẽ đọa lạc từ trạng thái này.

Những kẻ dẫn mình vào một pha trộn của sự hám lợi và những thiện hạnh

sẽ bị tái sinh trong cõi người, phụ thuộc sự phiền muộn và túng thiếu.

om mani padme hung.

Vì thế, chớ sa đà vào các ác hạnh, tám mối bận tâm thế tục²⁵⁸,

Hay những tâm thái vụn vặt tầm thường,

hãy nỗ lực gieo trồng cội gốc của đức hạnh hoàn toàn thanh tịnh.

Om mani padme hung.

Ấn nghiệp tạo nên bởi những hành động được thực hiện bí mật trở thành hiển nhiên khi nó rơi xuống đỉnh đầu các ông.

Sự lựa chọn giữa thiện và ác nằm trong lòng tay các ông.

Nếu các ông không suy tưởng về điều này, sự ân hận sẽ là vô ích khi các ông tới trước mặt ta, Thần Chết, trong tòa án của ta.

Om mani padme hung.

Như các ông đã thấy, ta tập hợp nhiều tinh linh của người chết làm thuộc hạ.

Chúng ta đâm chúng sinh bằng những vũ khí sắc nhọn,

bắt chúng uống vạc kim loại nóng chảy,

khiến chúng chịu nỗi thống khổ của nóng và lạnh trong nhiều kiếp,

chúng ta đoán chắc rằng đau khổ tiếp diễn không hề gián đoạn.

Om mani padme hung.

Đừng lãng quên những thông điệp này; hãy truyền đạt chúng thật rõ ràng.

Việc này sẽ đem tới cho các ông công đức lớn lao.

Các ông, những tu sĩ và cư sĩ tụ hội nơi đây,

ta yêu cầu các ông quán chiếu tới lui những vấn đề này cho tới khi các ông không còn nghi ngờ ý nghĩa của chúng.

Om mani padme hung.

Con khẩn cầu các cội nguồn quy y, các Đấng Chiến Thắng và những vị kế tục của các Ngài chứng minh cho con. Cầu mong mọi đức hạnh mà con và những người khác tích tập suốt trong ba thời, như được minh chứng bởi năng lực đức hạnh của đức tin và lòng sùng mộ được tập hợp nơi đây, đều được hồi hướng và bởi sức mạnh của sự hồi hướng này, cầu mong giáo lý của các Đấng Chiến Thắng, dù thuộc lý thuyết hay sự chứng nghiệm, phát triển tới những phạm vi rộng lớn nhất xa rộng ở muôn phương. Cầu mong những ý hướng giác ngộ của các đạo sư, những bảo trợ vinh quang của chúng con được hoàn thành. Cầu mong các sự cúng dường làm vui lòng tất cả các Đấng Chiến Thắng và những vị kế tục. Cầu mong các hoạt động giác

ngộ của những thánh nhân nắm giữ giáo lý được hưng thịnh. Cầu mong mỗi ràng buộc thiêng liêng với các bậc bảo vệ giáo lý được hoàn thành nhờ những chất thể linh thánh. Cầu mong cái thấy (kiến) và hành vi (hành) của tăng đoàn duy trì giáo lý được thuần tịnh. Cầu mong năng lực và ảnh hưởng của những ai tôn kính Giáo Pháp được tăng trưởng. Cầu mong sự suy đồi của thế giới các sinh loài và vật vô tri giác được yên bình. Con hồi hướng đức hạnh này để đem lại sự chữa lành bây giờ và trong tương lai.

Tôi hồi hướng đức hạnh này cho hai đấng sinh thành, cũng như cho những kẻ thù, quý ma, những chướng ngại và cho tất cả những ai có liên hệ với tôi qua thiện nghiệp hay ác nghiệp và đặc biệt hồi hướng cho những người nam và nữ phụ thuộc vào tôi trong việc sinh nhai, cho những con ngựa cày xới ruộng đồng để phục vụ chúng tôi, cho những con bò cung cấp cho chúng tôi tinh chất của chúng, và cho những con vật mà chúng tôi sử dụng máu, thịt và da của chúng – mọi loài hữu tình mà chúng tôi đã trực tiếp hay gián tiếp gây nên cái chết của chúng. Tôi hồi hướng đức hạnh này để mọi ác hạnh và thiếu sót mà tôi và những người khác đã mắc phạm, hoặc khiến cho người khác mắc phạm, hoặc vui thú trước những ác nghiệp, cùng những kiểu thói quen thuộc nằm dưới chúng, được nhanh chóng tịnh hóa. Tôi hồi hướng đức hạnh này để mọi chúng sinh trong sáu loài và trong bardo có thể dễ dàng và nhanh chóng hoàn thiện hai tích tập vĩ đại, và nhờ đó chúng ngộ trực tiếp bản tánh toàn khắp và nền tảng của thực tại, đạt được giác ngộ không gì sánh, nó làm hiển lộ những phẩm tính của sự từ bỏ và trưởng thành.

Bản tóm lược này về những thị kiến trong các cõi địa ngục được biên soạn theo cách chuyển Pháp luân²⁵⁹ bởi dakini Sherab Chhodron, cũng được gọi là Dawa Drolma, một hóa thân thực sự của Đức Tsogyal.

Sarva Mangalam – May mắn, may mắn, may mắn!

Cầu mong mọi sự tốt lành.

---o0o---
Hết

¹. Tờ đầu của bản thảo bị thất lạc, và vì thế bản dịch bắt đầu từ tờ 2a. Đoạn này có vẻ là một phần của những câu kệ mở đầu, đặc biệt là sự trình bày về ý định của Dawa Drolma.

². Một bài cầu nguyện nổi tiếng Đức Padmasambhava. Cũng được biết là Guru Rinpoche, Đức Padmasambhava là một đạo sư Phật Giáo Kim Cương thừa của tiểu lục địa Ấn Độ, Ngài đã du hành tới Tây Tạng vào thế kỷ thứ tám để phát triển rộng lớn truyền thống Phật Giáo ở xứ này. Dân chúng Tây Tạng tôn kính Ngài như “Đức Phật thứ hai” và nhiều thực hành sùng mộ trong Phật Giáo Tây Tạng tập trung vào Ngài.

³. Dakini là một từ Phạn ngữ được dùng trong Phật Giáo Kim Cương thừa để chỉ một nữ thần hiến thân cho hoạt động giác ngộ hoặc, trên một bình diện thế tục hơn, một người nữ đã đạt được một cấp độ thành tựu tâm linh đáng kể. Người nam tương đương là daka.

Dorje Yudron là một trong mười hai thiên nữ tenma là những vị đã thệ nguyện bảo vệ miền đất Phật Giáo và quốc gia Tây Tạng.

⁴. Phật Giáo Đại thừa công nhận mười cấp độ chứng ngộ (thập địa) giữa lần đầu tiên thoáng nhận ra tánh Không (là chân tánh của thực tại) và cấp độ toàn giác của một vị Phật. Trong một ý nghĩa thông thường thì Bồ Tát là bậc đi theo con đường Đại thừa và chính xác hơn là bậc đã chứng ngộ ít nhất là cấp độ chứng ngộ đầu tiên (sơ địa).

⁵. Các vị trời địa phương là những chúng sinh phi-nhân mạnh mẽ cư trú và thống trị những khu vực đặc biệt, kiểm soát thời tiết và các trạng thái đất đai. Văn hóa Tây Tạng dành nhiều sự quan tâm trong việc duy trì những mối liên hệ hài hòa với các vị trời địa phương của một miền đất. Nyen là những linh tinh đất đầy năng lực dũng mãnh.

⁶. Trong Phật Giáo Tây Tạng, tulku là những hóa thân của các bậc thầy tâm linh những đời trước, được chính thức công nhận, tôn phong và dạy dỗ để tiếp tục những hoạt động của những hóa thân trước kia của các ngài. Ba vị tulku được nhắc tới ở đây là Tromge Kundun, Tromge Trungpa và Drimed Khakyod Wangpo, các ngài là những vị thầy Dawa Drolma và xuất hiện thật rõ nét trong các tường thuật của bà. Hơn nữa, vị sau cùng còn là chú của bà và đã thị tịch trước khi những sự kiện được tường thuật trong bản văn này xảy ra.

⁷. Jatrul, “hóa thân của Ja” là một đệ tử của ba vị tulku được đề cập trong chú thích 6, đã cho rằng Dawa Drolma được sắp đặt để làm phối ngẫu tâm linh của ông. Tuy nhiên gia đình bà đã từ chối cuộc hôn nhân này. Thất vọng

cay đắng, Jatrul đổ lỗi cho Jigmed T'hrogyal, cha của Dawa Drolma, bởi đã từ chối không cho ông người vợ được sắp đặt này.

⁸. Khi chúng sinh trong nhân loại làm gãy bể các thế nguyện Kim Cương thừa, hay samaya của họ, họ bị tái sinh làm những chúng sinh yêu ma phi-nhân mà tiếng Tây Tạng gọi là damsri, hay “những yêu ma gãy bể samaya”. Những yêu ma này không chỉ chịu đựng những hậu quả tiêu cực của những vi phạm đạo đức riêng của họ mà bằng những hành động của họ, họ còn khuyến khích người khác mắc phạm những vi phạm tương tự.

⁹. Ba mặt phẳng là thế giới địa ngục, thế giới bề mặt và các thiên đường.

¹⁰. Một bốn tôn thuộc nghiệp là vị bốn tôn mà một người có mối liên hệ nghiệp mạnh mẽ nhất với Ngài, nhờ vào những ràng buộc được thiết lập trong những đời trước.

¹¹. Ogyan là tên Tây Tạng của Oddiyana trong Phạn ngữ, nó ám chỉ một xứ sở có tính chất huyền thoại mà cư dân của nó là những hành giả cao cấp của Phật Giáo Kim Cương thừa. Những tường thuật đáng tin cậy nhất nhận diện nó là xứ Kashmir hiện nay.

¹². Torma là những nghi lễ cúng dường nào đó được cử hành trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.

¹³. Dawa Drolma đang nói tới Tromge Kundun, là người mà sau này bà cũng nhắc tới là Chhogtrul Rinpoche, “Hóa thân Cao quý Siêu phàm”. Đạo sư gốc là vị thầy khai thị chân tánh của bốn tâm ta.

¹⁴. Tu viện Tromge, nơi đó các vị thầy của Dawa Drolma đã sống và giảng dạy, theo cả hai dòng Nyingma và Sakya của Phật Giáo Tây Tạng.

¹⁵. Một tantra chính yếu (xem chú thích 61) và bốn tôn của loại tantra cao nhất trong các “tân” phái của Phật Giáo Tây Tạng được sáng lập từ thế kỷ thứ mười một. Hevajra là thực hành chính trong dòng Sakya.

¹⁶. Vajradhara là một vị Phật thuộc dharmakaya (Pháp Thân), hay thực tại tối hậu, trong biểu tượng Kim Cương thừa.

¹⁷. Suốt trong các bài tường thuật, Dawa Drolma nhắc tới bản thân mình trong ngôi thứ ba là “cô gái này”. Có lẽ vì Dawa Drolma đã đọc những tường thuật này cho một người sao chép cũng như bởi tánh khiêm tốn và tự xóa nhà chính mình của bà.

¹⁸. Amitayus là vị Phật của sự trường thọ mà pháp thực hành của Ngài kéo dài thọ mạng của hành giả. Samyak và Vajrakilaya là những bốn tôn phần nô mà những pháp thiền định của các ngài che chở hành giả tránh khỏi các chướng ngại.

Có ba cõi thuần tịnh liên kết với ba thân (kaya), hay các cấp độ của hiện thể giác ngộ. Núi Huy Hoàng Màu-Đồng Đỏ là một trong nhiều cõi thuần tịnh được gọi là các cõi thuần tịnh Hóa Thân (nirmanakaya), hiện hữu trong một vài ý nghĩa nào đó trong cách thể tương tự với cấp độ bình thường của thực tại vật lý của chính chúng ta, nhưng chỉ những người có sự nội quán và thành tựu tâm linh sâu xa mới có thể đi tới được. Các cõi thuần tịnh Báo thân (sambhogakaya) tạo thành một cấp độ đang hình thành của sắc tướng thuần tịnh phi vật chất. Cõi thuần tịnh Pháp Thân (dharmakaya) là bản tánh vô sắc tướng, nền tảng của thực tại, vượt lên bất kỳ sự tạo tác ý niệm nào. Những kinh nghiệm của Dawa Drolma trong chương này hoàn toàn xảy ra trong phạm vi của một cõi thuần tịnh Hóa Thân, mặc dù sau này bậc dẫn dắt của bà là Đức Tara nhắc tới hai cấp độ khác trong chương này (xem chú thích 83).

¹⁹ . Một lễ quán đảnh là một nghi lễ trong Phật Giáo Kim Cương thừa, nó cho phép người nhận thực hành một pháp thiền định bốn tôn đặc biệt.

Một terton là một bậc tìm lại và khám phá kho tàng giáo lý ẩn dấu, hay terma. Laykyi Dorje là một bậc thầy Nyingma ở thế kỷ mười bốn, đã tìm lại một số giáo khóa quan trọng.

²⁰ . Trong những kinh nghiệm thực sự về giác tánh nguyên sơ, hành giả có thể đột nhiên thấu suốt các sự kiện, ngôn ngữ, ý niệm và v.v... mà trước đây họ không biết.

²¹ . Đó là năm 1924.

²² . Đây là những giáo lý của Phật Giáo Kim Cương thừa, “bí mật” bởi vì chúng sâu xa (và vì thế chỉ có thể tiếp cận được với sự hướng dẫn đúng đắn) và được giữ riêng tư giữa vị thầy và đệ tử. Cách sử dụng “mantra” (thần chú) nổi bật đậm nét trong những giáo lý như thế, nhưng từ nguyên học của thuật ngữ biểu thị “cái bảo vệ tâm” chống lại những kiểu thức tư tưởng lầm lạc.

²³ . Tập trung vào một hình tướng của Đức Avalokiteshvara, vị Bồ Tát của lòng bi mẫn, với mười một mặt, một ngàn tay và một ngàn mắt, đây thường là một nghi lễ kéo dài hai ngày, chay lạt một phần trong ngày đầu và chay lạt hoàn toàn vào ngày thứ hai.

²⁴ . Đây là hai giai đoạn của thiền định Kim Cương thừa chính thức. Giai đoạn trước liên quan chủ yếu tới sự quán tưởng và trì tụng thần chú; giai đoạn sau giải quyết những kỹ thuật du già cao cấp và sự thiền định không hình tướng.

²⁵ . Bhurkakuta là một bốn tôn được kết hợp với sự tịnh hóa samaya bị gãy bể hay bất tịnh.

²⁶ . Để có một sự giảng nghĩa về sáu cõi, xin coi Dẫn nhập.

²⁷ . Giáo khóa chính này là một terma được terton Karma Lingpa khám phá vào thế kỷ mười bốn.

²⁸ . Thần chú của Avalokiteshvara, Bồ Tát của lòng bi mẫn: Om mani padme hung. Nó cũng được nhắc tới là “thần chú sáu âm”.

²⁹ . Những thời gian khác nhau trong ngày được kết hợp với bốn loại hoạt động giác ngộ - sáng sớm với pháp làm an bình (tức tai), gần trưa với pháp tăng ích, chiều và tối với năng lực (pháp kính ái) và tối khuya với tiềm lực phần nộ (pháp hàng phục).

³⁰ . Đây là những nghi lễ nhắm vào Đức Yeshe Tsogyal, phối ngẫu người Tây tạng của Đức Padmasambhava. Sự dâng cúng một bữa tiệc là một nghi lễ chính yếu trong Phật Giáo Kim Cương thừa, được thực hành để nâng cao sự chứng ngộ và để chuộc lỗi những vi phạm thế nguyện tâm linh của hành giả.

³¹ . Tuyên bố này là một ám chỉ tới quan điểm rõ ràng của Phật Giáo. Nếu từ vô thủy dòng tâm thức của tất cả chúng sinh từng trải qua những chuỗi hóa thân đời này sang đời khác, thì hệ quả là mọi chúng sinh đã có lúc từng là cha hay mẹ của bản thân ta.

³² . “Orgyan vĩ đại” ám chỉ Đức Padmasambhava, bởi sự sinh ra kỳ diệu của Ngài xảy ra trong xứ Orgyan. Tam Bảo là những nguyên lý tâm linh cao nhất của Phật đạo – Phật, hay tâm giác ngộ (ví dụ như được hiện thân trong Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni); Pháp, các giáo lý được một vị Phật như thế ban cho để dẫn dắt chúng sinh tới sự giác ngộ; và Tăng, những vị thực hành và chứng ngộ những giáo lý này và vì thế có thể hành xử như những người dẫn dắt và bạn đồng hành trên con đường tâm linh.

³³ . Bồ Đề tâm (sự “tỉnh giác” hay “thái độ giác”) bao gồm hai phương diện – phương diện tương đối là lòng bi mẫn vị tha và phương diện tối hậu là sự chứng ngộ tánh Không, chân tánh của các hiện tượng.

³⁴ . Sự đo lường này được dùng để cung cấp chứng cứ khiến người ta tin rằng kinh nghiệm delog của bà là chân thực, không phải là một trò lừa gạt được tạo dựng.

³⁵ . Một mức độ che chướng bắt nguồn từ sự tổn thương của tâm thức trong bardo, hay trạng thái trung gian giữa các chết và sự tái sinh, trong thời gian

thụ thai, thai nghén và lúc sanh ra. Điều này phần nào giải thích cho sự kiện các tulku có thể không biểu lộ sự hoàn toàn nhớ lại những đời trước.

³⁶ . Một bốn tôn Kim Cương thừa được đặc biệt kết hợp với sự tịnh hóa các hậu quả của những ác hạnh và che chướng.

³⁷ . Drolma, từ Tây Tạng tương đương với từ Tara trong Phạn ngữ, thường được ban cho người nữ ở Tây Tạng. Tsult' hrim Drolma là một ni cô đã sẵn sóc dạy đồ Chagdud Rinpoche khi Ngài còn là một đứa trẻ (và Ngài nhớ lại với vẻ hài hước, bà đã phát vào đất rất nhiều).

³⁸ . Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, năm “bộ Phật” là một cách thức phân loại các bốn tôn được sử dụng trong thiền định; chúng cũng tạo thành giản đồ cho sự chuyển hóa những yếu tố bất tịnh trong tính chất bình phàm của ta thành các phương diện thanh tịnh và chân thực của chúng. Ở đây khăn trùm đầu màu xanh dương của Dawa Drolma biểu thị Kim Cương bộ, tượng trưng cho việc chuyển hóa sự sân hận thành phương diện thuần tịnh của giác tánh nguyên sơ, nó phản chiếu trong sáng mọi sự như một tấm gương.

³⁹ . Danh hiệu tôn kính khác của Tromge Kundun.

⁴⁰ . Một nhóm năm thiên nữ, lúc đầu là những tinh linh thể tục nhưng được Đức Padmasambhava thuần thực thành những vị bảo trợ của Phật Pháp. Kết giao với vùng xung quanh Hy Mã Lạp Sơn, họ được tôn kính khắp xứ Tây Tạng.

⁴¹ . Giải trừ Chướng ngại trên Con đường là một bài cầu nguyện sùng mộ nổi tiếng, một phần của một giáo khóa terma được khám phá trong thế kỷ mười bốn. Vajra guru (Kim cương đạo sư) là thần chú của Đức Padmasambhava: Om ah hung vajra guru padma siddhi hung. Thần chú của các thân tướng trắng và xanh của Đức Tara là om tara tuttate ture soha. Thần chú của thân tướng màu đỏ của Đức Tara là Om tare tam soha.

⁴² . Tất cả những chi tiết này được chỉ rõ trong tiên tri của Đức Tara về Dawa Drolma.

⁴³ . Nghiệp được tạo nên trong việc giết một thú vật làm ô uế y phục như thế sẽ gây trở ngại cho sự thành công của kinh nghiệm delog của bà.

⁴⁴ . Nước mưa trong những mùa nào đó kết hợp với chòm sao của các rishi, hay các vị thánh thi, được những người Tây Tạng hứng lấy và tích trữ do bởi đặc tính chữa bệnh của nó.

⁴⁵ . Thuật ngữ kunzhi (là từ Tây Tạng tương đương với alaya trong Phạn ngữ) ở đây ám chỉ một mức độ tiên ý thức không có ngay cả những niệm tưởng vi tế nhất.

⁴⁶ . Đây là ba loại kinh nghiệm phát sinh trong thiền định như những dấu hiệu nhất thời của sự thành công, nhưng hành giả không được dính mắc vào chúng như tự chúng là những mục đích, bởi điều đó sẽ giới hạn tiến bộ tâm linh của hành giả. Sự dính mắc vào lạc sẽ dẫn tới việc tái sinh là một vị trời trong dục giới; dính mắc vào sự trong sáng dẫn tới việc tái sinh làm một vị trời trong sắc giới; dính mắc vào sự tỉnh giác vô niệm khiến tái sinh làm một vị trời trong cõi vô sắc – tất cả những cõi giới ở trong sự hiện hữu có điều kiện.

⁴⁷ . Như được dùng ở đây, “tính chất thông thường” biểu thị cái gì thuộc nền tảng, chân thực và không bị tạo lập.

⁴⁸ . Trong các nghi lễ Kim Cương thừa, một mũi tên được trang trí bằng dải ruy băng tượng trưng cho sự trường thọ và thịnh vượng.

⁴⁹ . Trong vũ trụ học Phật Giáo, hệ thống thế giới của chúng ta bao gồm một ngọn núi ở trung tâm, vây quanh là bốn đại lục chính, mỗi đại lục có hai tiểu lục địa ở hai bên. Tiểu lục địa ở phương tây nam của ngọn núi trung tâm và ở phương tây đối với thế giới chúng ta (“lục địa phương nam”) là Chamara. Đức Padmasambhava an trú ở đó, khuất phục một loài yêu ma khát máu, nếu không chúng sẽ tàn phá thế giới chúng ta.

⁵⁰ . Hình ảnh đám mây biểu lộ phẩm tính bao la và siêu trần của kinh nghiệm của bà.

⁵¹ . Trú xứ của Đức Padmasambhava trong cõi thuần tịnh của Ngài.

⁵² . Từ Phạn ngữ vidyadhava (bậc trì giữ giác tánh nội tại) ám chỉ bậc đã khám phá chân tánh của bản tâm Ngài là một trạng thái giác ngộ nội tại (và do đó “trì giữ” kinh nghiệm này).

⁵³ . “Đấng Kim Cương Sanh-trong Hồ xứ Orgyan”, một tính ngữ thông thường của Đức Padmasambhava.

⁵⁴ . Vajravarahi là một nữ bản tôn cao cấp nhất của các tantra trong Phật Giáo Kim Cương thừa.

⁵⁵ . Từ Phạn ngữ tathagata (Như Lai – đấng đã đạt tới một trạng thái như thị) là một tính ngữ chỉ một vị Phật.

⁵⁶ . Không thể nhận ra vị này; dường như ông là một nhân vật lịch sử có thực trong số những người quen của Dawa Drolma.

⁵⁷ . Một mala là một sợi chuỗi hạt được dùng như chuỗi tràng để đếm các thần chú hay bài cầu nguyện.

⁵⁸. Sự trì tụng thần chú trăm-âm của bốn tôn Vajrasattva (Kim cương Tát Đỏa) là một kỹ thuật Kim Cương thừa để tịnh hóa bản thân về các hậu quả của những ác hạnh và che chướng

⁵⁹. Đây là sự giải thích dài nhất của một mô tả vũ trụ từ một quan điểm lý tưởng, được cách điệu hóa. Được gọi lên trong trí tưởng tượng của ta, vũ trụ này được cúng dường cho đối tượng của đức tin của ta như một phương tiện để tích tập công đức và làm sâu sắc sự nội quán.

⁶⁰. Người nữ đang tắm là một dakini nhờ thành tựu tâm linh của bà mà có được công đức tái sinh trong cõi thuần tịnh của Đức Padmasambhava.

⁶¹. Các sutra (Kinh) là những lời thuyết giảng của Đức Phật tạo nên nền tảng kinh điển của các phái công truyền Tiểu thừa và Đại thừa Phật Giáo; các tantra là những kinh điển bí mật hơn tạo nên nền tảng của giáo lý Phật Giáo Kim Cương thừa.

⁶². Một đại đạo sư sống từ năm 1820 tới 1892. Ngài có công trong việc dẫn đạo một cuộc vận động cải cách rộng lớn, tập trung ở miền đông Tây Tạng vào thế kỷ thứ mười chín. Mặc dù trên danh nghĩa Ngài là một Lạt ma của phái Sakya, Ngài đã nghiên cứu rộng rãi và trao truyền các dòng truyền thừa trong mọi trường phái của Phật Giáo Tây Tạng.

⁶³. Đây là những sutra (Kinh), hay những lời thuyết giảng của Đức Phật; vinaya (Luật), hay những luật lệ đạo đức; và abhidharma (Luận), hay những giáo lý siêu hình và tâm lý.

⁶⁴. Chày và chuông là những pháp khí được cầm trong tay khi cử hành các nghi lễ Kim Cương thừa. Chày tượng trưng cho các phương tiện thiện xảo, chuông tượng trưng sự thấu suốt siêu việt tánh Không.

⁶⁵. Một ám chỉ tục lệ phổ thông ở Tây Tạng là cúng dường một khăn quàng bằng vải trắng cho vị thầy khi cầu xin một sự tiếp kiến hay một trao truyền chính thức các giáo lý tâm linh. Tượng trưng cho lòng chân thành tịnh của hành giả, chiếc khăn thường được vị thầy choàng sau cổ hành giả như một sự ban phước.

⁶⁶. Derge được dùng làm trung tâm văn hóa và hành chánh chính yếu của miền đông Tây Tạng. Vị dakini được ám chỉ ở đây là một phụ nữ có thực sống trước thời đại của Dawa Drolma.

⁶⁷. Một phần của giáo khóa gồm các giáo lý terma, một vài giáo lý trong số đó được dịch sang Anh ngữ như Tibetan Book of the Death (sách Tây Tạng về cái Chết, Tử Thư).

⁶⁸. Một chương của một tantra được sử dụng rộng rãi trong phái Nyingma trong Phật Giáo Tây Tạng như một nghi lễ sám hối phổ thông.

⁶⁹. Một hình thức giữ hơi thở được sử dụng rộng rãi trong các thực hành thiền định Kim Cương thừa cao cấp.

⁷⁰. Ba thực hành này được bao gồm trong một khóa giáo lý terma gọi là Heart Drop of Longchenpa (Giọt Tâm Yếu của Longchenpa) (Longchen Nyingt'gig), được Rigdzin Jigmed Lingpa khám phá vào thế kỷ mười bảy. Để có tài liệu về giáo khóa này, xin coi H.H. Dilgo Khyentse Rinpoche, *The Wish-Fulfilling Jewel* (Viên Ngọc Như Ý) (Boston: Shambhala, 1988), trang 9; và Tulku Thondup, *The Tantric Tradition of the Nyingma* (Truyền thống Mật thừa của phái Nyingma) (Marion, Mass.: Buddhayana, 1984), trang 174.

⁷¹. Đó là chú của bà, ngài Drimed Khakyod Wangpo.

⁷². Con gái của vua xứ Zahor ở Ấn Độ, Mandarava là một phối ngẫu tâm linh của Đức Padmasambhava, bà trợ giúp Ngài trong việc thâm nhập năng lực trên sự trường thọ.

⁷³. Đây là một bản dịch được sửa đổi nổi tiếng của Lời Khấn nguyện Bảy-Dòng.

⁷⁴. Các mara (ma vương) là những thế lực hay chúng sinh làm giới hạn kinh nghiệm của ta và trói buộc ta vào vòng luân hồi. Bốn loại mara như thế thường được nhắc tới là: những cảm xúc phiền muộn, cái chết (hiện thân là Yama, Thần Chết), các sự kết tập tâm-vật lý (các uẩn) cấu thành thân-tâm của một cá nhân không giác ngộ tâm linh, và các thế lực ngăn cản năng lực của tâm đạt được những cấp độ cao hơn của sự thể nhập thiền định (được nhân cách hóa là “những đứa con của các vị trời”).

⁷⁵. Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, màu trắng và xanh dương được kết hợp với phương đông, màu vàng với phương nam, đỏ với phương tây và xanh lá cây với phương bắc.

⁷⁶. Nghĩa đen: “khoảng [chiều dài] tay áo”.

⁷⁷. Dấu hiệu () terma biểu thị rằng những trích dẫn khác nhau trong tường thuật này tạo thành một loại terma, hay kho tàng tâm, mà Dawa Drolma đang khám phá.

⁷⁸. Trong hệ thống Nyingma của Phật Giáo Tây Tạng, Samantabhadra (Đức Phổ Hiền) là hiện thân của Pháp thân – thực tại tối hậu, không thể diễn tả được. Thuật ngữ có nghĩa là nó “hoàn toàn tích cực”.

⁷⁹. Vua Hoa sen (padma Gyalpo) và Padma T'hod T'hreng Tzal là những tính ngữ biểu thị cho những khía cạnh đặc biệt của Đức Padmasambhava.

⁸⁰. Một yogini của Phật Giáo Ấn Độ cổ được miêu tả rõ ràng trong sự truyền dạy của nhiều giáo lý Nyingma. Xem Thondup, *Truyền thống Mật thừa của phái Nyingma*, trang 17.

⁸¹ . Một phép ẩn dụ về sự hợp nhất các phương tiện thiện xảo và trí huệ siêu việt.

⁸² . Từ Phạn ngữ samsara và nirvana biểu thị một cách tương ứng trạng thái không giác ngộ, có điều kiện của sự hiện hữu bình phàm đối nghịch với trạng thái giác ngộ, không điều kiện của giác tánh của một vị Phật.

⁸³ . Tuyên bố này cho thấy Dawa Drolma không thực sự chết, mà phải trở lại thân xác bà trong cõi người. Mặc dù vào lúc này Đức Tara muốn nói tới các cõi thuần tịnh khác thuộc các cấp độ giác ngộ Báo thân và Pháp Thân, nhưng tất cả những sự kiện trong chương này, bao gồm những sự kiện từ lúc này trở đi, xảy ra trong cõi thuần tịnh Hóa Thân Núi Huy Hoàng Màu-Đỏ.

⁸⁴ . Năm điều chắc chắn này là những đặc tính tiêu biểu của Báo Thân – đó là luôn luôn có một vị thầy toàn hảo, có quyền thuộc, hoàn cảnh, giáo lý và cơ hội.

⁸⁵ . Một tính ngữ chỉ Đức Avalokiteshvara, Bồ Tát của lòng bi mẫn.

⁸⁶ . Đó là Đức Phật Pháp Thân Samantabhadra (Phổ Hiền).

⁸⁷ . Một trong mười bảy tantra chính của ati yoga, hay Đại Viên Mãn, sự tiếp cận của phái Nyingma.

⁸⁸ . Bà cảm nhận rõ ràng rằng những lợi ích trong việc thuật lại kinh nghiệm của bà đã làm nặng nề thêm những hậu quả của việc vi phạm huấn thị của Đức Tara.

⁸⁹ . Theo Chagdud Rinpoche, điều này có thể ám chỉ mạn đà là năm phương diện của Đức Padma T'hod T'hreng Tzal.

⁹⁰ . Đức Samantabhadra (Phổ Hiền) được nhắc tới trong ẩn dụ nổi tiếng này về hành vi cúng dường trong tư tưởng thì không phải là Phật Pháp Thân, mà là một Bồ Tát nổi danh trong các Kinh điển về khả năng tạo ra các vật cúng dường theo ý muốn bằng những năng lực thể nhập thiền định của Ngài.

⁹¹ . Các vị trời trong cõi trời này thuộc dục giới trong vòng luân hồi (tên theo nghĩa đen có nghĩa là “Những Hóa thân Hỉ lạc”) có nhiều công đức to lớn khiến họ có thể hóa hiện bất kỳ thú vui cảm giác nào họ muốn mà không cần nỗ lực.

⁹² . Chĩa ba là một biểu tượng của sự thành tựu ba thân.

⁹³ . Đây là một ẩn dụ thông thường về sự không tương xứng giữa ngôn ngữ bình thường và những ý niệm để diễn tả kinh nghiệm trực tiếp về chân tánh của ta.

⁹⁴ . Bậc duy trì ba cấp độ của sự thệ nguyện trong thực hành Phật Giáo – các giới luật của con đường Tiểu thừa dành cho sự giải thoát cá nhân, các giới nguyện Bồ Tát của con đường Đại thừa, và samaya Mật thừa của con đường Kim Cương thừa.

⁹⁵ . Srongtzan Gampo là một nhà cai trị của xứ Tây Tạng trong thế kỷ thứ bảy. Phật Giáo được du nhập vào Tây Tạng trong triều đại của Ngài, mặc dù sự củng cố một truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đã xảy ra vài thế kỷ sau này. Nub Namnying (hay Namkhai Nyingpo) là một trong hai mươi lăm đệ tử thân thiết nhất của Đức Padmasambhava ở Tây Tạng. Dagpo Daod (1079-1153) thường được biết nhiều hơn với tên Gampopa, đệ tử chính của Milarepa và là một nhà sáng lập phái Kagyud của Phật Giáo Tây Tạng.

⁹⁶ . Đó là lúc Dawa Drolma quen biết Ngài trong cõi người trước khi Ngài mất.

⁹⁷ . Một vị thầy và terton hầu như sống trọn đời ở Sikkim. Ngài sống từ 1597 tới khoảng 1650.

⁹⁸ . Tu viện Dzaga là một tu viện Nyingma rộng lớn khoảng một ngày du hành từ Tu viện Tromge ở quê hương của Dawa Drolma miền T'hromt'har. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa hai trung tâm. Một con trai hay con gái tâm huyết là một đệ tử rất thân cận.

⁹⁹ . Bốn thị kiến là những giai đoạn chứng ngộ trong sự tiếp cận Đại Viên Mãn. Những từ “sự thuần tịnh nguyên thủy” và “sự hiện diện tự nhiên” ở đây ám chỉ hai giai đoạn thực hành trong Đại Viên Mãn, được gọi là t'hregchhod và t'hogal trong tiếng Tây Tạng.

¹⁰⁰ . Từ nương tự trong tiếng Tây Tạng có thể ám chỉ các xương đùi người được làm thành kèn trum pét và ám chỉ những nhạc cụ tương tự làm bằng đồng thau hay đồng đỏ.

¹⁰¹ . Đó là phái Nyingma. Nghi lễ được ám chỉ là một phần của giáo khóa terma chính yếu được Nyang Nyima Odzer khám phá vào thế kỷ thứ mười hai.

¹⁰² . Phép ân dụ được dùng để diễn tả chuyển động nhanh chóng và quả quyết trong một chiều hướng đặc biệt.

¹⁰³ . Sự được và mất, danh tiếng và ô danh, khen và chê, và sướng và khổ.

¹⁰⁴ . Đây là những nguyên âm Phạn ngữ

¹⁰⁵ . Một nghi lễ trong đó cái chết của một đạo sư cao cấp được nhắc lại bằng một cách tượng trưng, với những vật cúng dường và một hình nộm được đưa ra nhân danh vị đạo sư để làm vừa lòng các thế lực mà nếu không thì có thể đe dọa thọ mạng của vị đạo sư. Một yếu tố chính trong nghi lễ là vũ điệu của năm dakini, được thực hiện bởi năm thiếu nữ, là những vị được nhận lại những vật cúng dường hơn là được cho phép hướng dẫn tâm thức của vị đạo sư tới một cõi thuần tịnh.

¹⁰⁶ . Đó là: “Chùng nào Ngài tái sinh trong cõi người?”

¹⁰⁷ . Các giáo lý được hệ thống hóa bởi Chetzun Sengge Wangkhyug (thế kỷ mười một tới thế kỷ mười hai) dựa trên sự thành tựu “thân cầu vòng” của Ngài vào năm 125 tuổi. Chúng được Jamyang Khyentse Wangpo (1820-1892) khám phá.

Thân cầu vòng là sự thành tựu cao nhất từ viễn cảnh của sự tiếp cận Đại Viên Mãn hay Dzogchen, trong đó thân hữu hình của hành giả chuyển hóa thành một thân ánh sáng cầu vòng, nó có thể sử dụng như một lực dẫn dắt duy nhất cho những bậc có sự thành tựu tâm linh vĩ đại nhất và duy trì cho tới khi vòng luân hồi không còn chúng sinh.

¹⁰⁸ . Bởi làm như thế sẽ có nguy cơ gây nên cái chết thực sự cùng hậu quả là tâm thức của bà không thể trở lại thân xác.

¹⁰⁹ . Những viên thuốc được hiến cúng trong những buổi lễ đặc biệt và chúng trao truyền những ân phước cho những ai dùng chúng.

¹¹⁰ . Một repa là một yogin chỉ mặc một y phục mỏng bằng vải trắng (như Milarepa).

¹¹¹ . Đây là một bài kệ nổi tiếng từ bản dịch tiếng Tây Tạng của Bodhicharyavatara (Bồ Tát Hạnh), một tác phẩm nổi tiếng thuộc Phật Giáo Đại thừa của Shantideva xứ Ấn Độ.

¹¹² . Nghĩa đen: “bằng miệng hay bàn tay”.

¹¹³ . Theo Chagdud Rinpoche, đây có thể là một ám chỉ người gác công hung dữ mà Dawa Drolma có thể gặp trong hành trình trở về cõi người của bà; hạt gạo là một hình thức của sự bảo vệ.

¹¹⁴ . Xem chú thích 111 ở trên.

¹¹⁵ . Lantza là một loại chữ trang trí được người Tây Tạng dùng trên đầu đề các trang sách và làm các câu khắc trên những bánh xe cầu nguyện và v.v..; nó là một loại chữ miền bắc Ấn Độ mà nhờ những chữ tiêu đề (uchen) của mẫu tự Tây Tạng được đặt nền tảng. Chữ Wardhu (Wartula Gupta) là loại chữ bắc Ấn Độ khắc trên đó những chữ “không tiêu đề” (umed) của Tây Tạng được đặt nền.

-
- ¹¹⁶ . Một quận ở tỉnh Dagpo miền nam Tây Tạng.
- ¹¹⁷ . Đây là cá nhân cũng được nhắc tới là Jatrul; xem chú thích 7 ở trên.
- ¹¹⁸ . Nỗi sợ sư tử, voi hoang, lửa, rắn, sự lụt lội, sự tù đày, kẻ trộm và những kẻ ăn thịt người.
- ¹¹⁹ . Đó là Tromge Kundun, Tromge Trungpa và Drimed Khakyod Wangpo, ba vị tulku là những vị được đề cập tới trước tiên trong chương 1 và là những vị nổi bật trong những tường thuật của Dawa Drolma.
- ¹²⁰ . Thuật ngữ Tây Tạng bardo có nghĩa là “một khoảng cách giữa hai thời điểm”; trong bản văn này nó đặc biệt ám chỉ khoảng cách giữa cái chết và sự tái sinh, trong quãng thời gian này các nghiệp lực trong tính chất của một cá nhân tạo nên những phóng chiếu tiên báo sự tái sinh trong tương lai của cá nhân đó.
- ¹²¹ . Bởi những tham luyến của ta đối với chúng, ta trở nên bị sụp bẫy trong các hoạt động và những mối quan tâm, chúng kéo dài mãi vòng luân hồi sinh tử.
- ¹²² . Đối với Phật Giáo thì ý niệm quy y là nền tảng; thực vậy “thệ nguyện quy y” là bước đi chính thức đầu tiên trong hứa nguyện riêng của một cá nhân đối với con đường của Đạo Phật. Ta quy y (nương tựa) nơi “Tam Bảo”, ba lý tưởng hay nguyên lý tâm linh (xem Chương 1, chú thích 32). Như vậy, việc ban tặng sự nương tựa (quy y) bao hàm nhiều ý nghĩa hơn là chỉ đơn giản che chở hay bảo vệ người nào đó, bởi nó đòi hỏi ước nguyện và sự dẫn dắt tâm linh.
- ¹²³ . Những thân tướng trắng và xanh lá cây của Đức Tara.
- ¹²⁴ . Một tính ngữ chỉ Đức Manjushri (Văn Thù), Bồ Tát của trí tuệ.
- ¹²⁵ . Sodnam Tzemo sống từ năm 1142 tới 1182, là con trai của Sachhen Kunga Nyingpo (vị sáng lập phái Sakya của Phật Giáo Tây Tạng) và vì thế là vị thứ hai trong năm vị “tổ sáng lập” của phái.
- ¹²⁶ . Âm thứ hai của danh hiệu Gyajam là một cách rút gọn của Jamyang, tiếng Tây Tạng của tên Manjughosha theo Phạn ngữ.
- ¹²⁷ . Một ẩn dụ về cảnh tượng hỗn mang và rối loạn.
- ¹²⁸ . Hai bản văn được đề cập tới được sử dụng trong các nghi lễ sám hối trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng.
- ¹²⁹ . “Vua vận mệnh”, một tính ngữ chỉ Yama.
- ¹³⁰ . “Bảng định mệnh” được mô tả là một cây gậy dẹp, trông giống cái mái chèo được đánh dấu bằng những nét khắc song song; mỗi vận mệnh của một cá nhân nối kết với một dấu được ghi trên một trong những ô vuông biểu kết

quả. Tấm gương nghiệp quả phản chiếu rõ ràng những hành vi của ta trong đời trước, nó giúp cho ta không sai lạc với định luật nghiệp quả bất di bất dịch.

¹³¹ . Một sự mê tín đã hiện hữu trong một vài miền ở Tây Tạng, cho rằng một người đầu độc gây nên cái chết của một lạt ma thì trong cách thế nào đó được hưởng công đức tâm linh của những người đã khuất. Nhưng hậu quả thực tế của hành vi này là sự tái sanh trong địa ngục.

¹³² . Địa ngục đầu tiên trong tám địa ngục nóng của vũ trụ học Phật Giáo truyền thống. Về các mô tả những cõi địa ngục và ngạ quỷ được nhắc tới trong chương này, xin coi *The Jewel Ornament of Liberation* (Vật Trang sức Quý báu của sự Giải thoát), H.V. Guenther, bản dịch (Boston: Shambhala, 1986), các trang 55-69; *Kun-zang La-may Zhal-lung*, S.T.Kazi, bản dịch (Upper Montclair, N.J.: Nhà Xuất Bản Diamond-Lotus, 1989), các trang 83-139; và *Patrul Rinpoche, The Words of My Perfect Teacher* (Lời dạy của vị thầy toàn hảo của tôi) (San Francisco: Harper Collins, 1994), các trang 63-76.

¹³³ . Các ngạ quỷ là những tinh linh đau khổ bị phiền não bởi sự đói và khát khủng khiếp và sự phơi bày các yếu tố (các đại).

¹³⁴ . Một vị Phật mà pháp thiên định và thần chú của Ngài đặc biệt hữu hiệu trong việc tịnh hóa hậu quả của những ác hạnh.

¹³⁵ . Một đại đạo sư sống từ năm 1820 tới 1892. Ngài có công trong việc dẫn đạo một cuộc vận động cải cách rộng lớn, tập trung ở miền đông Tây Tạng vào thế kỷ thứ mười chín. Mặc dù trên danh nghĩa Ngài là một lạt ma của phái Sakya, Ngài đã nghiên cứu rộng rãi và trao truyền các dòng truyền thừa trong mọi trường phái của Phật Giáo Tây Tạng.

¹³⁶ . Theo vũ trụ học Phật Giáo truyền thống thì núi Tu Di là ngọn núi trung tâm của hệ thống giới của chúng ta.

¹³⁷ . Ba loại thiện hạnh thuộc về thân là sự bảo vệ sinh mạng, sự bố thí và đạo đức tính dục; bốn loại thuộc về ngữ là sự chân thực, nói năng tử tế, tạo sự hòa hợp bằng lời nói và nói những lời có ý nghĩa; và ba loại thuộc về tâm là sự hài lòng, sự nhân từ, và sự thấu hiểu đúng đắn các chân lý tâm linh.

¹³⁸ . Thần chú siddhi là một tên khác của thần chú của Đức Liên Hoa Sanh, *Om ah hung vajra guru padma siddhi hung*.

¹³⁹ . Một thiện hạnh phổ biến ở Tây Tạng là khắc sáu chữ của thần chú *om mani padme hung* vào các hòn đá, chúng thường được chắt thành ụ đá hay các bức tường.

¹⁴⁰ . Satsa là những mô hình tháp (stupa) nhỏ bằng đất sét - các vật kỷ niệm mà những đặc trưng kiến trúc của chúng tượng trưng cho các phương diện của tâm giác ngộ - hay những tượng đúc bằng đất sét hình các bồn tôn; đất

sét thường được trộn với tro lấy từ hài cốt của những người chết để truyền những sự ban phước cho họ.

¹⁴¹ . Đó là hình ảnh, sách và các dụng cụ là những đồ chứa tượng trưng cho thân, ngữ và tâm của các bậc giác ngộ.

¹⁴² . Trong vũ trụ học Phật Giáo truyền thống, một ngàn hệ thống thế giới tương tự như thế giới chung của chúng ta tạo thành một vũ trụ có độ sáng bậc nhất; một ngàn vũ trụ này tạo thành một vũ trụ có độ sáng bậc nhì; và một ngàn vũ trụ này (đó là một tỉ hệ thống thế giới tương tự thế giới của chúng ta) tạo thành một vũ trụ có độ sáng bậc ba, một “vũ trụ gấp ba ngàn lần”.

¹⁴³ . Ba cõi là dục giới (bao gồm các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, bán thần và các cấp độ thấp của các vị trời), sắc giới vi tế hơn (những cấp độ trung bình của các vị trời), và vô sắc giới vi tế nhất (cấp độ cao nhất của các vị trời). Tất cả ba cõi giới đều ở trong vòng luân hồi có điều kiện, vì thế tượng trưng cho việc không có hạnh phúc hay giải thoát cuối cùng và vẫn còn nằm dưới sự thống trị của Thần Chết.

¹⁴⁴ . Ba mức độ của sự sống là cách diễn tả khác về vòng luân hồi; đó là thế giới địa ngục, thế giới trên mặt đất và các cõi trời.

¹⁴⁵ . “Lục địa phương nam” (Nam Thiệm Bộ Châu) trong bốn lục địa bao quanh núi Tu Di chính là thế giới của chúng ta, đại khái tương đương với “Trái Đất”.

¹⁴⁶ . Khi chết, những bậc có chứng ngộ cao này làm đảo lộn nghiệp của nhiều người mà thông thường chúng sẽ gây nên cái chết của họ.

¹⁴⁷ . Một loại cây trồng ở một trong những nơi gọi là địa ngục lân cận và tạo thành nguồn gốc nguyên thủy của sự đau khổ cho chúng sinh trong địa ngục đó. Xem Kazi, Kun-zang La-may Zhal-lung, các trang 93-94.

¹⁴⁸ . Theo nghĩa đen: “Pháp ngữ được phiên dịch [của Đức Phật]”. Kinh điển Phật Giáo Tây Tạng, thường gồm 108 pho sách, trong số những kinh điển được công nhận là các giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

¹⁴⁹ . Ta đoán chừng con gái bà có thiên hướng về sự sân hận và sát sinh

¹⁵⁰ . Những “đứa trẻ” này là những phóng chiếu của những yếu tố tích cực và tiêu cực trong tính chất riêng của ta.

¹⁵¹ . Một sự ám chỉ cho những hình thức khắc nghiệt về hình phạt thể xác mà ông ta, là người chỉ huy, đã chịu trách nhiệm khi ra lệnh.

¹⁵² . Một nhân vật trọng yếu trong phái Nyingma của Phật Giáo Tây Tạng trong thế kỷ mười chín trước và đầu thế kỷ hai mươi.

-
- ¹⁵³ . Đó là giới tu sĩ; màu vàng là màu được dành cho trang phục của các nhà sư và ni cô ở Tây Tạng.
- ¹⁵⁴ . Đó là việc không dẫn những người khác đi theo bà nhờ công đức của nghiệp tích cực của bà.
- ¹⁵⁵ . Một trung tâm tu viện và chính trị quan trọng ở tỉnh Tsang miền nam Tây Tạng và trụ sở của phái Sakya của Phật Giáo Tây Tạng.
- ¹⁵⁶ . Những sự tích tập công đức trên bình diện thông tục và tích tập giác tánh nguyên sơ trên bình diện tối hậu.
- ¹⁵⁷ . Đức Manjushri, Avalokiteshvara và Vajrapani (các Bồ Tát của trí huệ, lòng bi mẫn và năng lực tâm linh theo thứ tự tương ứng) là những Bồ Tát thuộc “ba bộ” - thuộc về thân, ngữ và tâm của tất cả chư Phật.
- ¹⁵⁸ . Sự lợi lạc cho bản thân và những người khác trong khoảng thời gian ngắn hạn và dài hạn.
- ¹⁵⁹ . Ngay cả một dính líu tiêu cực do một hành động hay ý định xấu ác đối với người nào đó cũng tạo nên một mối liên hệ ích lợi.
- ¹⁶⁰ . Đây là những đối nghịch của các thiện hạnh được đề cập trong chú thích 20 ở trên: các hành vi thuộc thân là sát sinh, trộm cắp và tà dâm; các hành vi thuộc ngữ là nói dối, lãng mạ, vu khống và nói tầm phào vô ích; và các hành vi thuộc tâm là sự tham muốn, ý định xấu và các tà kiến liên quan tới các chân lý tâm linh.
- ¹⁶¹ . Một thành phố lớn (tiếng Trung Hoa gọi là Ta-chien-lu) ở biên giới Hoa-Tạng, trước đây là địa điểm chính qua đó trà Trung Quốc được nhập khẩu vào lãnh thổ Tây Tạng.
- ¹⁶² . Các naga quý với các che chướng nội tại là những chúng sinh mà các tri giác chủ quan của họ bị bóp méo đến nỗi mặc dù họ có thể tìm được thực phẩm hay thức uống, nhưng những thứ này trở thành lửa, rác rưởi, hay chất độc khi ăn vào.
- ¹⁶³ . Một tantrika là một hành giả của con đường Mật thừa, đó là Phật Giáo Kim Cương thừa.
- ¹⁶⁴ . Điều này ám chỉ những người đã cùng thọ nhận những quán đảnh để đi vào thực hành Kim Cương thừa từ cùng những vị lạt ma; việc này được cho là mỗi ràng buộc không gì chặt chẽ hơn có thể có được giữa những con người với nhau.
- ¹⁶⁵ . Địa ngục Kim Cương là cõi mà chúng sinh rơi vào do những vi phạm trầm trọng các thệ nguyện samaya của họ.
- ¹⁶⁶ . Chư Phật đã xuất hiện trong quá khứ, chư Phật đang xuất hiện trong hiện tại, và chư Phật sẽ xuất hiện trong tương lai.
- ¹⁶⁷ . Thuộc thân, ngữ và tâm.

¹⁶⁸ . Ở đây sự phân biệt thông thường giữa tích cực và tiêu cực được thay thế bằng các nguyên lý cao hơn của thực hành tâm linh.

¹⁶⁹ . Như những dòng dưới đây làm rõ nghĩa, vị thánh này là đạo sư tâm linh chính yếu của Yeshe Dorje.

¹⁷⁰ . Tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, các địa ngục lân cận và những địa ngục nhất thời.

¹⁷¹ . Từ Phạn ngữ của danh hiệu Yeshe Dorje.

¹⁷² . Bởi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang ngồi dưới một cây đa (hay cây bồ đề) khi Ngài giác ngộ nên hột của loại cây này được quý trọng và dùng làm hột chuỗi tràng.

¹⁷³ . Ở Tây Tạng, người ta thường bảo trợ cho những người tụng đọc Kinh điển lớn tiếng và hồi hướng công đức của việc tụng đọc cho hạnh phúc của người bảo trợ.

¹⁷⁴ . Một đồng cỏ bao la gần nhà Dawa Drolma.

¹⁷⁵ . Đó là Đức Phật.

¹⁷⁶ . Trong thực hành của Phật Giáo Tây Tạng, danh hiệu đạo sư của một người thường được dùng trong câu "... thấu biết tất cả!" như một hình thức của thần chú. Ở đây người này đặt vị thầy của mình ngang hàng với Dorje Chang (Phạn ngữ: Vajradhara), Đức Phật Pháp Thân của chân lý tối hậu.

¹⁷⁷ . Năm độc thuộc cảm xúc là sự tham luyến, sân hận, vô minh, tự phụ và ganh tị.

¹⁷⁸ . P'howa hay sự "chuyển di tâm thức", là một kỹ thuật Kim Cương thừa có thể được thực hiện vì lợi lạc của bản thân hay của những người khác. Nó cho phép tâm thức lìa bỏ thân xác vào lúc chết trong cách thức thiện xảo và hữu hiệu nhất để trợ giúp cho tiến bộ tâm linh của ta.

¹⁷⁹ . Xem chương 1, chú thích 22.

¹⁸⁰ . Bằng cách tôn kính các vị này, người ta thâm nhập được các sự tích tập công đức và giác tánh nguyên sơ.

¹⁸¹ . Đó là những phối ngẫu của các đạo sư.

¹⁸² . Bốn cấp độ hỷ lạc phát sinh liên tiếp trong sự thiền định là hỷ lạc được chỉ định, hỷ lạc siêu phàm, hỷ lạc đặc biệt và hỷ lạc đồng xuất hiện (hay hỷ lạc siêu vượt hỷ lạc [thông thường]).

¹⁸³ . Năm hành vi mà nghiệp quả của chúng thì trầm trọng tới nỗi nếu không có sự tịnh hóa, chúng dẫn tới việc kẻ phạm vào hành vi đó bị tái sinh lập tức trong một cõi địa ngục vào lúc chết, mà không kinh qua trạng thái bardo thông thường xảy ra giữa sự chết và sự tái sinh. Những hành vi đó là giết cha, giết mẹ, giết một vị A la hán (xem Chương 3, chú thích 32), vì ác tâm

mà làm một vị Phật chảy máu và gây những sự chia rẽ không thể hàn gắn trong cộng đồng Phật Giáo.

¹⁸⁴ . Đó là hành vi đạo đức chấp nhận một vài hình thức hành xử là đạo đức và từ bỏ những hình thức khác là vô đạo đức.

¹⁸⁵ . Ma một là những thiên nữ hung dữ.

¹⁸⁶ . Từ Phạn ngữ tathagata (Như Lai – đấng đã đạt tới một trạng thái như thị) là một tính ngữ chỉ một vị Phật.

¹⁸⁷ . Tám phẩm tính là tính chất mát, ngọt, thanh, dịu, trong, không có các chất bất tịnh, dễ tiêu hóa và làm cổ họng êm dịu.

¹⁸⁸ . Năm lớp tường tượng trưng cho năm bộ Phật chính yếu của Kim Cương thừa. Tương tự, mỗi cách kiến trúc đặc biệt của những tòa lâu đài này tượng trưng cho một yếu tố riêng biệt hay phẩm tính của thực hành và chứng ngộ tâm linh.

¹⁸⁹ . Bánh xe Pháp (Pháp luân) là một biểu tượng tốt lành bằng vàng với tám nan hoa tượng trưng cho Bát Chánh Đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

¹⁹⁰ . Mankara là một sinh vật thần thoại sống trong nước có phần giống với một con cá sấu, được dùng làm một chủ đề trong kiến trúc Phật Giáo.

¹⁹¹ . Các vị trời trong cõi trời này thuộc dục giới trong vòng luân hồi (tên theo nghĩa đen có nghĩa là “Những Hóa thân Hi Lạc”) có nhiều công đức to lớn khiến họ có thể hóa hiện bất kỳ thú vui cảm giác nào họ muốn mà không cần nỗ lực.

¹⁹² . Thân tướng một vị Phật mà truyền thống mô tả được tô điểm với ba mươi hai tướng chính và tám mươi tướng phụ của sự toàn hảo vật lý, là các biểu hiện bên ngoài của những phẩm tính tâm linh sâu xa.

¹⁹³ . Theo truyền thống, loài linh dương lông đốm đen này được cho là hiền lành và bi mẫn khác thường.

¹⁹⁴ . Đó là tư thế cạnh bàn chân phải đặt trên đùi trái và cạnh bàn chân trái đặt trên đùi phải.

¹⁹⁵ . Thành ngữ truyền thống “chuyển Pháp luân” biểu thị hoạt động ban tặng Giáo lý đạo Phật.

¹⁹⁶ . Điều này ám chỉ phương pháp truyền thống trong việc chia thời gian hai-mươi-bốn tiếng thành sáu “thời”, mỗi thời bốn tiếng.

¹⁹⁷ . Đức Phật tiên đoán rằng sau khi Ngài nhập Niết Bàn, Giáo Pháp của Ngài sẽ tồn tại trong thế giới này hơn mười thời kỳ, mỗi thời kỳ là năm trăm năm. Mỗi thời kỳ kế tiếp sẽ bao gồm một sự tiếp cận nông cạn và lờ mờ hơn trong việc nghiên cứu và thực hành những giáo lý, cho tới khi chỉ còn lại

những dấu vết, tiếp sau đó các giáo lý sẽ biến mất khỏi thế giới này cho tới khi Đức Phật Maitreya (Di Lạc) kế tiếp xuất hiện để khai thị chúng một lần nữa.

¹⁹⁸ . Hầu hết các quan điểm triết học ngả về một thái cực; hoặc hướng về thuyết vĩnh hằng (khẳng định một cách ngây thơ sự hiện hữu của các sự vật giống như chúng xuất hiện) hoặc hướng về thuyết hư vô (cũng như phủ nhận một cách ngây thơ rằng các sự vật hoàn toàn không hiện hữu). “Trung Đạo” của Đức Phật tránh những thái cực này bằng cách xác nhận tính tương thuộc như tiến trình giải thích cho sự xuất hiện của các hiện tượng trong ý nghĩa quy ước, trong khi cùng lúc xác nhận rằng những hiện tượng này không có bất kỳ tự-tánh chân thực nào.

¹⁹⁹ . Đó là một thân thể ở trong trạng thái tái sinh may mắn.

²⁰⁰ . Sáu sự toàn thiện (cũng được biết trong Phạn ngữ là paramita – ba la mật) là những phẩm tính tạo thành cốt tủy của con đường Đại thừa Phật Giáo: sự bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, kiên cố thiền định và trí tuệ siêu việt.

²⁰¹ . Bốn phương pháp ảnh hưởng tích cực tới người khác là bố thí rộng rãi những gì cần thiết, nói năng vui vẻ, thực hiện những hoạt động lợi lạc cho người khác và hành động phù hợp với những phong tục và sự mong đợi của người khác.

²⁰² . Trí tuệ phát khởi từ việc lắng nghe giáo lý, quán chiếu và thiền định (văn, tư, tu)

²⁰³ . Sự chánh niệm, tỉnh giác, chú tâm và thực hành tâm linh.

²⁰⁴ . Đây là những thệ nguyện tạm thời, thường được dùng trong hai mươi bốn giờ, thường dùng chung với nghi lễ chay nyungnay. Tám thệ nguyện là tránh sát sinh, trộm cắp, nói dối, thực hiện hoạt động tính dục, ăn không đúng thời (trước khi mặt trời mọc và sau giữa trưa), dùng mỹ phẩm trang điểm hay đồ trang sức, ngồi chỗ cao hay trên gai và hát, nhảy múa, hoặc chơi âm nhạc.

²⁰⁵ . Thân, ngữ và tâm bạn.

²⁰⁶ . Sự được và mất, danh tiếng và ô danh, khen và chê, và sừng và khỏ

²⁰⁷ . Thuộc thân, ngữ và tâm.

²⁰⁸ . Câu kệ này, một trích dẫn từ kinh điển, là một lời cầu nguyện nổi tiếng của Phật Giáo Tây Tạng.

²⁰⁹ . Một lời cầu nguyện nổi tiếng.

²¹⁰ . Cõi thuần tịnh được kết hợp với phương tây, tiếng Tây Tạng là Dewachan, hay Cõi Cực Lạc.

²¹¹ . Kinh saddharma-pundarika, hay Kinh Hoa Sen (Kinh Pháp Hoa), hiện có vài bản dịch Anh ngữ.

²¹² . Kinh Arya-karandavyuha (Kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo vương). Một bộ kinh liên quan tới Bồ Tát Avalokiteshvara và thuyết giảng lợi ích của việc thực hành được kết hợp với vị Bồ Tát này và thần chú Om mani padme hung.

²¹³ . Những cư dân gây đau khổ cho các ngựa quý và làm tăng trưởng sự đau khổ của họ.

²¹⁴ . Các Thanh Văn và Phật Độc Giác là các vị thực hành và chứng ngộ con đường Tiểu thừa của thực hành Phật Giáo, thì khác biệt với các Bồ Tát là những vị đạt được Phật Quả nhờ con đường Đại thừa. Các vị trời, nhạc sĩ cõi trời, và v.v... là những loại chúng sinh chưa giác ngộ ở trong vòng luân hồi sinh tử có điều kiện; Ishvara và Maheshvara là những vị trời mạnh mẽ. Vajrapani là vị Bồ Tát của năng lực tâm linh.

²¹⁵ . Một đà ra ni là một loại thần chú, thể thức tiêu biểu giống như văn xuôi có liên quan tới một bản tôn đặc biệt hay phương diện của sự giác ngộ.

²¹⁶ . Một phần của giáo khoa gồm các giáo lý terma, một vài giáo lý trong số đó được dịch sang Anh ngữ như Tibetan Book of the Death (Sách Tây Tạng về cái Chết, Tử Thư).

²¹⁷ . Một vị A La Hán (nghĩa đen: “bậc đã chiến thắng kẻ thù [nội tại]”) đã đạt được một phần cấp độ giác ngộ bằng cách tuân theo cách tiếp cận Tiểu thừa của thực hành Phật Giáo. Ngài (nam hay nữ) đã chứng ngộ sự không hiện hữu của bản ngã của nhân cách cá nhân, và vì thế đã siêu vượt đau khổ và các nguyên nhân của đau khổ trong tương lai. Mặt hạn chế là cấp độ chứng ngộ này chỉ đem lại sự giải thoát cá nhân khỏi vòng luân hồi, và không có lòng bi mẫn cùng các phương tiện thiện xảo để giải thoát những người khác.

²¹⁸ . Những sự tích tập công đức trên bình diện thông tục và tích tập giác tánh nguyên sơ trên bình diện tối hậu.

²¹⁹ . Một sự ám chỉ chuyên du hành của bà tới cõi thuận tịnh của Đức Avalokiteshvara.

²²⁰ . “Con kính lễ Đức cao quý Tara”.

²²¹ . Tám phẩm tính là tính chất mát, ngọt, thanh, dịu, trong, không có các chất bất tịnh, dễ tiêu hóa và làm cổ họng êm dịu.

²²² . Vàng, bạc, san hô, ngọc trai và lam ngọc hay bích ngọc.

²²³ . Nhờ sự thấy, nghe, xúc chạm hay tưởng nhớ.

²²⁴ . Lõi cây đàn hương.

²²⁵ . Mật danh được guru (đạo sư) ban cho một hành giả trong lễ quán đảnh để đi vào một trong những kỹ thuật thiền định chính thức của Phật Giáo Kim Cương thừa.

²²⁶ . Trong thuật ngữ chuyên môn của Kim Cương thừa, sự phát khởi hi lạc trong thiền định được mô tả là xảy ra trong mười sáu giai đoạn khác nhau. Hình ảnh một thiếu niên hay thiếu nữ mười sáu tuổi được dùng để cô đọng tiến trình này.

²²⁷ . Những tâm thái vô lượng là từ, bi, hỷ và xả.

²²⁸ . Một sự ám chỉ truyền thuyết những thân tướng trắng và xanh lá cây của Đức Tara xuất hiện từ những giọt nước mắt của Đức Avalokiteshvara, vị Bồ Tát của lòng bi mẫn, để đáp lại nỗi khổ của chúng sinh.

²²⁹ . Đó là, với ngón cái giữ đầu ngón áp út co xuống lòng bàn tay và ngón trỏ, ngón giữa và ngón út duỗi thẳng.

²³⁰ . Đó là, với lòng bàn tay hướng ra ngoài, các ngón chỉ thẳng.

²³¹ . Tất cả những vị này là các đạo sư Phật giáo hiến mình cho các thực hành thiền định Tara.

²³² . Không nhận diện được; có lẽ là một miền nào đó ở châu Á.

²³³ . Đức Avalokiteshvara, Tara và Padmasambhava.

²³⁴ . Đó là sự tiến tới chỗ suy tàn giống như mặt trời chìm xuống đại dương.

²³⁵ . Một từ tập hợp chỉ các lực lượng đối kháng với niềm vui và hạnh phúc của chúng sinh và sự hưng thịnh của Phật Pháp.

²³⁶ . Dấu hiệu của bánh xe Pháp (Pháp luân) trên các lòng bàn chân và lòng bàn tay là một trong ba mươi hai tướng chính của sự toàn thiện vật lý tô điểm cho thân tướng của một vị Phật.

²³⁷ . Tên Dawa Drolma (Tara Mặt Trăng) bằng tiếng Phạn.

²³⁸ . Nỗi sợ sù, voi hoang, lửa, rắn, sự lụt lội, sự tù đày, kẻ trộm và những kẻ ăn thịt người.

²³⁹ . Sự suy hoại do suy giảm thọ mạng, sự phát triển các cảm xúc phiền muộn, sự phát triển sự đối kháng các giáo lý tâm linh, sự phát triển tranh chấp và xung đột và sự bảo thủ những quan điểm tâm linh.

²⁴⁰ . Đó là sự tái sinh trong cõi người được coi như là vật chống đỡ hay nền tảng lý tưởng để thành tựu sự giải thoát tâm linh.

²⁴¹ . Giòng này có vẻ sai lạc trong bản thảo và đã được sửa lại theo đề nghị của Chagdul Rinpoche. Rinpoche cảm thấy rằng một bản dịch có thể chấp

nhận được của bản văn có thể đọc là “Nếu các bạn làm lạc nhân và quả, các bạn sẽ phải chịu đau khổ không ngừng dứt”.

²⁴² . Trong Phật Giáo Kim Cương thừa, các nghi lễ phức tạp hơn cho phép một hành giả tu tập trong những kỹ thuật thiền định đặc biệt đòi hỏi bốn cấp độ quán đảnh.

²⁴³ . Xem Một Trăm Ngàn Bài Ca của Milarepa, bản dịch của Garma C.C. Chang (Boulder: Shambhala, 1977), quyển 2, từ trang 357 tới 361, “Tseringma và sự Thực hành Mudra”, về các chi tiết của cuộc gặp gỡ giữa Milarepa và thiên nữ Tseingma. Sự nhắc tới kinh mạch trung ương có liên quan với các thực hành yoga cao cấp trong Phật Giáo Kim Cương thừa.

²⁴⁴ . Đó là chú của Dawa Drolma, ngài Drimed Khakyod Wangpo; xem Chương I.

²⁴⁵ . Một thị kiến thuộc nghiệp là một trạng thái của tri giác được tác động lên những chúng sinh bình thường bởi nghiệp của họ.

²⁴⁶ . Cá nhân này cũng được đề cập tới trong Chương 1, trên thực tế là cậu của Dawa Drolma, không phải là liên hệ huyết thống của bà. Đó là Tromge Trungpa, vị đã tiên đoán cho Chagdud Rinpoche là thực hành thiền định chính của ngài Chagdud sẽ là thiền định Tara. Tromge Trungpa mất năm Chagdud Rinpoche được hai mươi ba tuổi, đó là năm 1953 hay 1954.

²⁴⁷ . Nước mưa trong những mùa nào đó kết hợp với chòm sao của các rishi, hay các vị thánh thị, được những người Tây Tạng hứng lấy và tích trữ do bởi đặc tính chữa bệnh của nó.

²⁴⁸ . Đây là một sự ám chỉ Đức Padmasambhava mà sự sinh ra kỳ diệu của Ngài từ một hoa sen được tưởng nhớ trong Lời Khấn nguyện Bảy-giờng (xem chương 1, chú thích 2).

²⁴⁹ . Bài kệ này là một lời cầu nguyện nổi tiếng dùng để tán thán Đức Avalokiteshvara, vị Bồ Tát hiện thân lòng bi mẫn của tất cả chư Phật. Giờng thứ hai ám chỉ Đức Phật Amitabha (A Di Đà), bậc thống lãnh Liên Hoa bộ; Đức Avalokiteshvara thường được miêu tả với Đức Phật Amitabha an trụ trên đỉnh đầu Ngài.

²⁵⁰ . Là một nữ bồ tôn, Đức Tara là mẫu mực của nguyên lý tánh Không là bản tánh nền tảng của mọi hiện tượng. Tánh Không có thể được nghĩ tưởng là “suối nguồn” của tất cả chư Phật (bởi Phật Quả được thành tựu bằng sự hoàn toàn chứng ngộ tánh Không) và phạm vi trong đó những phẩm tính được biểu lộ bởi sự chứng ngộ khai mở đó.

²⁵¹ . Mười thời kỳ mười-hai giờ của ngày và đêm – nói cách khác là trọn năm ngày.

²⁵² . “Vua và các thần dân” ám chỉ một nhóm hai mươi lăm người Tây Tạng đã trở thành các đệ tử thân thiết của Đức Padmasambhava khi Ngài lưu trú ở Tây Tạng. Nhóm này gồm có vua Tây Tạng, T’hrisrong Detzan mà trong thời gian trị vì của nhà vua, Đức Padmasambhava đã tới Tây Tạng, và những vị khác (các ngài là thần dân của nhà vua), bao gồm hoàng hậu, Đức Yeshe Tsogyal, các tể tướng trong triều đình, các đạo sư Phật giáo cư sĩ hoặc tu sĩ.

²⁵³ . Đó là sự tích tập công đức, sự tịnh hóa các hậu quả của những ác hạnh và sự tăng trưởng các phẩm tính tích cực của ta.

²⁵⁴ . Một trong tám Bồ Tát chính yếu mà sự thiên định của Ngài thì đặc biệt hiệu quả trong việc tịnh hóa những hậu quả của các ác hạnh dẫn tới sự tái sinh trong các cõi thấp.

²⁵⁵ . Sự tỉnh giác mọi sắc tướng đều là thân tướng của bốn tôn, mọi âm thanh là thân chú và mọi tư tưởng và hoạt động tinh thần là sự phô diễn của giác tánh nguyên sơ.

²⁵⁶ . Thân, ngữ và tâm.

²⁵⁷ . Năm hành vi và nghiệp quả của chúng thì trầm trọng tới nỗi nếu không có sự tịnh hóa, chúng dẫn tới việc kẻ phạm vào hành vi đó bị tái sinh lập tức trong một cõi địa ngục vào lúc chết, mà không kinh qua trạng thái bardo thông thường xảy ra giữa sự chết và sự tái sinh. Những hành vi đó là giết cha, giết mẹ, giết một vị A la hán, vì ác tâm mà làm một vị Phật chảy máu, và gây những chia rẽ không thể hàn gắn trong cộng đồng Phật Giáo.

²⁵⁸ . Sự được và mất, danh tiếng và ô danh, khen và chê, và sướng và khổ.

²⁵⁹ . Thành ngữ truyền thống “chuyển Pháp luân” biểu thị hoạt động ban tặng Giáo lý đạo Phật.